**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC KHÓA 62 TRỞ VỀ SAU**

**Nghệ An - 2021**

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã HP** | **Tên học phần** |
|
| 1 | PLA20001 | Nhập môn ngành Chính trị-Luật |
| 2 | LAW21001 | Lý luận về nhà nước và pháp luật |
| 3 | POL20001 | Lôgic hình thức |
| 4 | ENG10001 | Tiếng Anh 1 |
| 5 | POL11001 | Triết học Mác- Lênin |
| 6 | POL11002 | Kinh tế chính trị Mác- Lênin |
| 7 | LAW30006 | Luật hiến pháp |
| 8 | SOW20001 | Xã hội học đại cương |
| 9 | ENG10002 | Tiếng Anh 2 |
| 10 |  | Tự chọn 1 |
|  | NAP10001 | Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự) |
|  | NAP10002 | Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN) |
|  | NAP10003 | Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...) |
|  | SPO10001 | Giáo dục thể chất |
| 11 | POL11003 | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 12 | SMT30001 | Kinh tế học đại cương |
| 13 | INF20002 | Tin học nhóm ngành |
| 14 | LAW30036 | Xây dựng văn bản pháp luật |
| 15 |  | Tự chọn 2 |
| 16 | SMT20001 | Đại cương về quản lý nhà nước |
| 17 | SMT30014 | Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam |
| 18 | LAW31004 | Luật dân sự |
| 19 | POL11004 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 20 | SMT31004 | Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam |
| 21 | SMT21002 | Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước |
| 22 | POL20002 | Lịch sử triết học |
| 23 | SMT30006 | Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ |
| 24 | POL10002 | Tư tưởng Hồ Chí Minh |
| 25 | SMT31002 | Tổ chức chính quyền cơ sở |
| 26 | SMT30010 | Văn hóa công sở và đạo đức công vụ |
| 27 |  | Tự chọn 3 |
| 28 | POL30015 | Chính trị với quản lý xã hội |
| 29 | POL30026 | Chính sách công |
| 30 | POL30021 | Hành chính học |
| 31 | LAW31007 | Luật hình sự |
| 32 |  | Tự chọn 4 |
| 33 | POL30032 | Khoa học quản lý |
| 34 | LAW31005 | Luật hành chính |
| 35 | SMT30011 | Quản lý nhà nước về kinh tế |
| 36 | SMT30017 | Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ |
| 37 | SMT30018 | Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo |
| 38 | SMT31013 | Thực tập và đồ án tốt nghiệp |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**NHẬP MÔN NGÀNH CHÍNH TRỊ - LUẬT**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:Trương Thị Phương Thảo***

Học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Vinh

Email: [truongphuongthaodhv@gmail.com](mailto:truongphuongthaodhv@gmail.com) ; [thaottp\_gdct@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp_gdct@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu: Triết học, Chính trị và truyền thông, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Chính trị học và Quản lý Nhà nước, Đạo đức, Nguồn nhân lực.

***Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thùy Dung***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: dungntt@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hành chính, Luật học

***Giảng viên 3: Nguyễn Thị Thanh Trâm***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: tramntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hình sự, Luật học

***Giảng viên 4: Nguyễn Mai Ly***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: lynm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Cạnh tranh, Luật Tài chính - ngân hàng

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Nhập môn ngành Luật - Chính trị  (tiếng Anh): Introduction to Law and Political Science | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết: 10  + Số tiết thực hành: 20  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 15  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Không có | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không có | | Mã số HP: |
| - - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

- Học phần Nhập môn ngành Luật - Chính trị là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Chính trị, Quản lý Nhà nước

- Học phần cung cấp kiến thức về sự tác động, chi phối đến việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh khác nhau. Đồng thời hướng dẫn sinh viên các kỹ năng tạo nền tảng cho việc học tập và làm việc hiệu quả: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng quản lý thời gian, nhận biết năng lực bản thân

- Học phần giới thiệu cho sinh viên các chuyên ngành và làm rõ sự hiểu biết về bản chất của ngành nghề; phẩm chất đạo đức và trách nhiệm của người hành nghề.

- Học phần cung cấp thông tin về môi trường học đại học và các yếu tố để trở thành một sinh viên hiệu quả trong môi trường đại học; tạo động lực, cảm hứng, niềm đam mê học tập, từ đó giúp sinh viên xác định và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp trong tương lai.

- Học phần nâng cao nhận thức của sinh viên về chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, 12 Tiêu chuẩn CDIO.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần nhập môn ngành Luật - Chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức nhận biết về các yếu tố tác động, chi phối đến việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp; vai trò của nghề Luật và phẩm chất đạo đức, trách nhiệm của người hành nghề. Đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học nhằm tạo khả năng học tập và làm việc hiệu quả.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.1.2 | 2.1.5 | 2.2.2 | 3.1.1 | 4.1.1 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2.1 |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1.0 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | 1.0 |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  | 1.0 | 1.0 | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | **Biết** các yếu tố tác động, chi phối việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp | *- Thuyết trình.*  *- Thực hành, đồ án.* | *- Quan sát, hồ sơ học tập.*  *- Chấm đồ án* |
| CLO 2.1 | S2 | **Hiểu** về các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề nghiệp.  **Thể hiện** quan điểm/ thái độ đối với đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và các hành vi thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp | *- Thuyết trình. - Nghiên cứu tình huống* | *- Quan sát, hồ sơ học tập.*  *- Chấm đồ án* |
| CLO 2.2 | A2 | **Hiểu** về trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng | *- Thuyết trình. - Nghiên cứu tình huống.* | *- Hồ sơ học tập.* |
| CLO 3.1 | S2 | **Hiểu** về khoa học, nghiên cứu khoa học, các yếu tố của NCKH  **Thực hiện** tra cứu và thu thập tài liệu để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra được phương pháp nghiên cứu cần sử dụng. | *- Thuyết trình* | *- Hồ sơ học tập.*  *- Chấm đồ án* |
| CLO 4.1 | K3 | **Hiểu** về tầm quan trọng của tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm.  **Thực hiện** làm việc nhóm, thành lập nhóm, xử lý mâu thuẫn trong nhóm hiệu quả. | *- Thuyết trình*  *-Thực hành, đồ án* | *- Hồ sơ học tập.*  *- Chấm đồ án* |
| CLO 4.2 | C3 | **Hiểu** được vị trí việc làm của chuyên ngành sâu khi ra trường  **Thực hiện** kế hoạch rèn luyện, tích lũy kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp | *Thực hiện đồ án* | *-Sản phẩm đồ án*  *-Đánh giá, nghiệm thu đồ án* |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Đánh giá đồ án tiến độ lần 1 | -Rubric1  -Nhật ký làm việc nhóm | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A.1.2 | - Đánh giá đồ án tiến độ lần 2 | - Rubric 2  - Poster | CLO2.2 | 50% | 20% |
| CLO3.1 | 50% |
| A1.3 | Seminar lần 1 | Rubric3 | CLO1.1 | 60% | 20% |
| CLO4.1 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Hội đồng đánh giá nghiệm thu đồ án | Rubric 4 | CLO4.1 | 60% |  |
| CLO4.2 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** A1.1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2\*5/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá điểm thường xuyên**

**Rubric 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |  |
| **Hình thành ý tưởng về đồ án** | - Xác định vấn đề nghiên cứu  rõ ràng. | -Xác định vấn đề nghiên cứu  khá tốt. | - Xác định vấn đề  nghiên cứu  tạm được. | -Xác định cơ bản vấn đề nghiên  cứu. | -Xác định  vấn đề  nghiên cứu yếu. | 40% |
| **Thiết kế đồ án** | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án sát với phân tích.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích khá tốt.  -Thiết kế cấu trúc đồ án khá tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án ở mức cơ bản.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án kém.  - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án. | 60% |

**Rubric 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |  |
| **Triển khai đồ án** | - Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch.  -Có khả năng đánh giá giải pháp đã thực hiện | - Triển khai đồ án bám sát vấn đề nghiên cứu, theo đúng kế hoạch. | - Triển khai đồ án đáp ứng khá tốt vấn đề nghiên cứu | - Triển khai đồ án đáp ứng cơ bản vấn đề nghiên cứu | -Khả năng triển khai đồ án yếu | 50% |
| **Hình thức bản báo cáo đồ án** | - Bố cục logic, rõ ràng. | - Bố cục tốt. | - Bố cục khá tốt. | - Bố cục ở mức cơ bản | - Trình bày thiếu logic. | 50% |

**Rubric 3**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |  |
| **Tham gia seminar** | -Thu thập và đưa ra nhiều tài  liệu liên quan đến chủ đề seminar  - Đưa ra những phân tích, lập luận rõ  ràng, liên quan đến chủ đề | -Thu thập thông tin cơ bản về chủ đề  - Tham gia tranh luận tích cực. | - Có đưa ra lập luận nhưng không rõ ràng. | - Chỉ tham gia vào tranh luận chủ đề khi giảng viên yêu cầu | - Không tham gia tranh luận | 50% |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Trả lời chính xác các câu hỏi của các thành viện khác và giảng viên. | - Trả lời tốt các câu hỏi của các thành viên khác.  - Trả lời được 2/3 số câu hỏi của giảng viên | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác  - Trả lời được ½ số câu hỏi của giảng viên | - Trả lời được 1 số câu hỏi của các thành viên khác | Không trả lời được các câu hỏi phản biện | 50% |

**5.2.3. Bộ tiêu chí đánh giá điểm cuối kỳ**

**Rubric 4**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Hồ sơ đồ án**  (Báo cáo thuyết minh bản Word, bài thuyết trình PPT, nhật ký làm việc nhóm) | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu | 60% |
| **Trình bày đồ án** | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, cuốn hút. | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, trôi chảy. | - Slide thiết kế khá tốt.  -Trình bày đầy đủ nội dung. | Có slide hỗ trợ thuyết trình | Có slide hỗ trợ thuyết trình | 20% |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Trả lời chính xác các câu hỏi của giảng viên. | Trả lời 2/3 số câu hỏi của giảng viên | Trả lời ½ câu hỏi của giảng viên | Trả lời chưa chính xác các câu hỏi của giảng viên | Không trả lời câu hỏi của giảng viên | 20% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Trương Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Lê Vinh, *Tập bài giảng Chính trị học đại cương*, Đại học Vinh, 2012.

[2] Khoa Luật, Trường Đại học Vinh (2013), Tập bài giảng Giáo dục pháp luật thực hành - CLE, TP.Vinh.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa (2014), Phương pháp nghiên cứu luật học, Nxb Công an nhân dân.

[4] TS. Trần Thị Quang Hồng (2021), Kỹ năng viết cho người hành nghề Luật, Nxb Hồng Đức.

[5] Trương Nhật Quang (2013), Kỹ năng hành nghề Luật sư tư vấn, NXB Lao động, Hà Nội.

[6] PGS.TS Lê Thanh Sơn (Chủ biên) (2018), Kỹ năng tư duy phản biện, Nxb Đại học Huế

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1 (3)**  **3TH** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết nội dung **Chương 1: Tổng quan về ngành**  1. Đời sống sinh viên  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: Thảo luận về Đời sống sinh viên  - Thông báo về yêu cầu về Đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Hình thành nhóm để triển khai đồ án  - Học lý thuyết  - Tiếp cận yêu cầu đồ án | - Có nhận thức về cơ hội, thách thức trong quá trình học Đại học  - Thực hiện lập kế hoạch học tập, tự học và nhận biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.  - Thực hiện xây dựng mối quan hệ hỗ trợ trong công việc | A1 | CLO2.1 |
| **2 (3)**  **3LT** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết **Chương 1: Tổng quan về ngành**  2. Lịch sử, vai trò của ngành  3. Trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về các quy tắc đạo đức cơ bản chi phối nghề luật.  - Thể hiện quan điểm/ thái độ đối với đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và các hành vi thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp | A1 | CLO2.1 |
| **3 (3)**  **1LT**  **2TH** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết **Chương 1: Tổng quan về ngành**  4. Cơ hội nghề nghiệp và yêu cầu nghề nghiệp  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án  5. Chương trình đào tạo ngành tiếp cận CDIO (phương pháp đào tạo, đánh giá) | - Phòng học nhà trường phân công  - Địa điểm đi thực tế | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Thể hiện quan điểm/ thái độ đối với đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và các hành vi thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp  - Hiểu về trách nhiệm nghề luật trong việc thúc đẩy công lý và phục vụ cộng đồng | A1.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **4 (3)**  **(1LT+ 2TH)** | - Thuyết trình nội dung **Chương 2: Kỹ năng nhóm và giao tiếp**  1. Kỹ năng làm việc nhóm  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về tầm quan trọng của tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm.  - Thực hiện làm việc nhóm, thành lập nhóm. | A1.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **5 (3)**  **(1LT+ 2TH)** | - Thuyết trình nội dung **Chương 2: Kỹ năng nhóm và giao tiếp**  2. Kỹ năng giao tiếp  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu kỹ năng giao tiếp  - Có khả năng vận dụng kỹ năng giao tiếp trong học tập và cuộc sống | A1.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **6 (3)**  **2LT, 1TH** | - Thuyết trình nội dung **Chương 3: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**  1. Tư duy phản biện  2. Kỹ năng lập luận  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng lập luận  - Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng lập luận trong học tập và đời sống | A1.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **7 (3)**  **2LT, 1TH** | - Thuyết trình nội dung **Chương 3: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**  3. Kỹ năng đọc  4. Kỹ năng thu thập và lựa chọn tài liệu  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | - Phòng học nhà trường phân công  - Địa điểm đi thực tế | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về khoa học, nghiên cứu khoa học, các yếu tố của NCKH  - Thực hiện tra cứu và thu thập tài liệu để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra được phương pháp nghiên cứu cần sử dụng.  - Thực hiện việc xác định chiến lược giao tiếp trực tiếp theo đặc điểm đối tượng giao tiếp, cách sử dụng ngôn từ và hành vi ứng xử phù hợp. | A1.3 | CLO1.1  CLO1.2 |
| **8 (3)**  **(2LT, 1TH)** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết **Chương 3: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**  5. Kỹ năng ghi bài, chú thích  6. Kỹ năng viết  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về vai trò quan trọng của giao tiếp bằng lời nói trong hoạt động nghề nghiệp.  - Thực hiện việc xác định chiến lược giao tiếp trực tiếp theo đặc điểm đối tượng giao tiếp, cách sử dụng ngôn từ và hành vi ứng xử phù hợp. | A1.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **9 (3)**  **3LT** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết **Chương 4: Nghiên cứu khoa học chuyên ngành**  1. Một số vấn đề về khoa học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành  2. Phương pháp được sử dụng khi nghiên cứu. | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Tham gia thảo luận nhóm  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về khoa học, nghiên cứu khoa học, các yếu tố của NCKH  - Thực hiện tra cứu và thu thập tài liệu để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra được phương pháp nghiên cứu cần sử dụng. | A1.3 | CLO1.1  CLO1.2 |
| **10 (3)**  **1LT**  **2TH** | - Thuyết trình nội dung lý thuyết **Chương 4: Nghiên cứu khoa học chuyên ngành**  3. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học  - Hướng dẫn thực hiện yêu cầu hoạt động nhóm  - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Đọc tài liệu trên LMS  - Học lý thuyết  - Thực hành các yêu cầu về hoạt động nhóm  - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | Thực hiện việc xác định chiến lược giao tiếp trực tiếp theo đặc điểm đối tượng giao tiếp, cách sử dụng ngôn từ và hành vi ứng xử phù hợp. | A.2 | CLO2.2  CLO3.1 |
| **11 (3)** | - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | Thực hiện, xử lý mâu thuẫn trong nhóm hiệu quả. | A2 | CLO4.1  CLO4.2 |
| **12 (3)** | - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | Thực hiện việc xác định chiến lược giao tiếp trực tiếp theo đặc điểm đối tượng giao tiếp, cách sử dụng ngôn từ và hành vi ứng xử phù hợp. | A2 | CLO4.1  CLO4.2 |
| **13 (3)** | - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | Thực hiện lập kế hoạch học tập, tự học và nhận biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. | A2 | CLO4.1  CLO4.2 |
| **14 (3)** | - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | Hiểu về tầm quan trọng của tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm. | A2 | CLO4.1  CLO4.2 |
| **15 (3)** | - Hướng dẫn triển khai đồ án | Phòng học nhà trường phân công | - Tham gia thực hiện yêu cầu đồ án | - Hiểu về tầm quan trọng của tổ chức và thực hiện hoạt động nhóm.  - Thực hiện làm việc nhóm, thành lập nhóm, xử lý mâu thuẫn trong nhóm hiệu quả. | A2 | CLO4.1  CLO4.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Trương Thị Phương Thảo |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA LUẬT HỌC**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Đinh Ngọc Thắng***

Học hàm, học vị: GVC.TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật

Điện thoại, email: 0989.737177, thangdnt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 2: Nguyễn Văn Đại***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Nghi Ân, tp Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0916510185, dainv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 3: Ngô Thị Thu Hoài***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: phường Lê Lợi, tp Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0915617819, hoaintt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 2: Cao Thị Ngọc Yến***

Học hàm, học vị: Th.S

Địa chỉ liên hệ: Lê Mao, tp Vinh, Nghệ An

Điện thoại, email: 0972668345, yenctn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lý luận về nhà nước và pháp luật  (tiếng Anh): Theory of state and law | | |
| - Mã số học phần: LAW20001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Luật học; Luật kinh tế | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 05 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 50 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 25 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 150 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: tối thiểu 80% giờ lên lớp;  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập cá nhân và bài thực hành của nhóm qua hệ thống LMS  + Sinh viên tham gia thi kiểm tra giữa kì theo quy định trong đề cương  Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện trên. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Lý luận về Nhà nước và pháp luật là học phần có vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo của toàn bộ khối ngành khoa học xã hội và nhân văn, được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 1 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên một hệ thống tri thức khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật làm nền tảng phương pháp luận cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề chính trị, pháp lý, xã hội ở các nội dung tiếp theo trong chương trình đào tạo tại Trường đại học cũng như quá trình nghiên cứu, làm việc sau này của sinh viên.

**3. Mục tiêu học phần**

***- Về kiến thức:*** học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật từ đó xây dựng cho sinh viên cách tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về những vấn đề nhà nước và pháp luật; giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước và pháp luật trong thực tế.

- ***Về kĩ năng:*** học phần Lý luận về nhà nước và pháp luật nhằm làm hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lí khác, nhất là các môn khoa học pháp lí chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật. Bên cạnh đó, thông qua học phần, người học hình thành kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của lí luận nhà nước pháp luật.

***- Về thái độ:*** học phần nhằm xây dựng cho người học ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lí trong đời sống xã hội.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | |
| PLO1 | PLO2 | PLO4 |
| CLO1 |  | IT |  |
| CLO2 | T |  |  |
| CLO3 |  |  | IT |
| CLO4 | T |  |  |
| CLO5 | T |  |  |
| CLO6 |  | IT |  |
| CLO7 |  |  | IT |
| CLO8 |  | IT |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần (CLO) | TĐNL CĐR  học phần | Mô tả CĐR học phần | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO1 | 3 | Hiểu tính độc lập tương đối của pháp luật và sự tác động qua lại giữa pháp luật và các yếu tố/hiện tượng khác trong xã hội (kinh tế, chính trị, đạo đức…) | -Phương pháp thuyết trình  -Phương pháp hỏi – đáp  -Phương pháp nhóm | Bài tập cá nhân; Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO2 | 3 | Hiểu ý nghĩa, sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật | -Phương pháp hỏi - đáp  -Phương pháp nhóm | Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO3 | 3 | Hiểu được sự tác động của bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tới pháp luật và sự tác động trở lại của pháp luật đối với xã hội | -Phương pháp hỏi - đáp  -Phương pháp nhóm  -Phương pháp bày tỏ quan điểm | Bài tập nhóm; Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO4 | 3 | Xác định điều kiện cần và đủ để từ một quan hệ xã hội trở thành một quan hệ pháp luật | -Phương pháp thuyết trình  -Phương pháp nhóm  -Phương pháp hỏi – đáp | Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO5 | 3 | Xác định loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí đi liền | -Phương pháp tình huống  Phương pháp nhóm  -Phương pháp hỏi – đáp | Bài tập nhóm; Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO6 | 3 | Hiểu tính độc lập tương đối và mối quan hệ qua lại giữa các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam | -Phương pháp thuyết trình  -Phương pháp hỏi – đáp | Bài tập cá nhân; Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO7 | 3 | Hiểu được vai trò của ý thức pháp luật đối với thực hiện pháp luật, vai trò của pháp luật đối với việc củng cố và nâng cao ý thức pháp luật | -Phương pháp thuyết trình  -Phương pháp bày tỏ quan điểm | Trắc nghiệm; Tự luận |
| CLO8 | 3 | Hiểu nguyên tắc thống nhất, đồng bộ trong xây dựng hệ thống pháp luật | -Phương pháp hỏi - đáp  -Phương pháp nhóm  -Phương pháp bày tỏ quan điểm | Trắc nghiệm; Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá,  minh chứng, lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ  (%) |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | | 30% |
| A1.1 | - Bài tập cá nhân 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO1 | 10% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân 2; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO6 | 10% |
| A1.3 | - Bài tập nhóm số 1; nhóm nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO3 | 5% |
| A1.4 | - Bài tập nhóm số 2; nhóm nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO5 | 5% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | | | | 20% |
| A2.1 | - Bài thi trắc nghiệm lần 1; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1  CLO2  CLO3 | 10% |
| A2.2 | - Bài thi trắc nghiệm lần 2; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO4  CLO5  CLO6 | 10% |
|  |  |  |  |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | | | | 50% |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1  CLO8 | 50% |
| Công thức tính điểm tổng kết: | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1, A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric đánh giá tư duy hệ thống** | | | | |
| 1. Hiểu  vấn đề trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác | - Xác định vấn đề một cách đơn lẻ, rời rạc | - Xác định vấn đề trong sự tác động của các yếu tố, hiện tượng xã hội khác nhưng chưa đầy đủ | Hiểu rõ vấn đề trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác. |
| **2 điểm** | **0 điểm** | **1 điểm** | **2 điểm** |
| 2. Phân tích, lập luận vấn đề | - Chỉ kể ra được các thông tin hiển nhiên, đơn giản sẵn có  - Đánh giá vấn đề trên một chiều cạnh mang tính phiến diện | - Xác định vấn đề rõ ràng, có liên hệ thực tế  - Đánh giá vấn đề trong mối quan hệ, tác động với các yếu tố, hiện tượng xã hội nhưng chưa đầy đủ | - Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lí  - Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế  - Đánh giá vấn đề trên nhiều phương diện, yếu tố tác động có mối quan hệ chặt chẽ với nhau |
| **3 điểm** | **1 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| 3. Kết luận | - Rút ra những kết luận dựa trên những cơ sở không liên quan | Đưa ra kết luận nhưng chưa có đầy đủ các thông tin | Đưa ra kết luận logic, hợp lí trên cơ sở đánh giá nhiều yếu tố có mối quan hệ và tác động đến vấn đề |
| **3 điểm** | **1 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| 4. Hình thức thể hiện | Câu văn không rõ nghĩa, khó hiểu, lan man, không theo hệ thống sắp xếp ý rõ ràng | Câu văn dễ hiểu, còn lỗi trình bày về sử dụng từ ngữ | Ngôn ngữ chính xác, rõ ràng; Trích dẫn văn bản, sử dụng tài liệu tham khảo chính xác, hợp lệ |
| **2 điểm** | **0.5 điểm** | **1 điểm** | **2 điểm** |
| **Tổng** |  |  | **10 điểm** |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3, A1.4***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Rubric 2 - Đánh giá bài tập nhóm  Nội dung: SV thực hiện việc phân tích, hệ thống kiến thức theo chủ đề được giao | | |
| Tiêu chí | Mức đánh giá | Ghi chú |
| 1 | Phân tích nội dung kiến thức theo chủ đề trong BT nhóm một cách khoa học, logic, có liên hệ thực tiễn về vấn đề đó. | 6 | Điểm chung của nhóm |
| 2. | Hình thức bài báo cáo bản word đúng quy chuẩn, có trích dẫn tài liệu tham khảo | 1 | Điểm chung của nhóm |
| 3 | Thuyết trình về BT nhóm dễ hiểu, hợp lí, có công cụ power point hỗ trợ, | 2 | Điểm chung của nhóm |
| 4 | Các thành viên tham gia thực hiện BT nhóm nghiêm túc, có trách nhiệm  + Tham gia đầy đủ, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, thể hiện được vai trò lãnh đạo nhóm hoặc sự hỗ trợ, hướng dẫn thành viên khác thực hiện nhiệm vụ (1,5đ),  + Tham gia đầy đủ, thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn nhóm giao (1đ)  + Tham gia không đầy đủ, thực hiện nhiệm vụ được giao chậm trễ, ảnh hưởng tiến độ làm việc nhóm (0.5đ) | 1.5 | Xác định theo Biên bản làm việc nhóm (phải có sự thông qua của tất cả thành viên của nhóm). |
| 5 | Nộp bài đúng hạn | 0.5 | Điểm chung của nhóm |
|  | Tổng điểm | 10 | - Điểm BT nhóm của từng thành viên có thể khác nhau do tiêu chí 4  - Nếu Thành viên không tham gia làm BT nhóm, không thực hiện nhiệm vụ nhóm giao: Điểm BT nhóm = 0 |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] PGS.TS. Nguyễn Văn Động (chủ biên), *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật,* Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, năm 2017.

[2] GS.TS. Hoàng Thị Kim Quế, *Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật,* Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2016.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, *Hạn chế sự tùy tiện của cơ quan Nhà nước*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội năm 2010.

[2] GS.TS. Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Độc lập tư pháp và tiêu chí đánh giá,* Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, năm 2015.

[3] GS.TS. Thái Vĩnh Thắng, *Tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, năm 2011.

[4] Đại học Quốc gia (Khoa Luật), *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến*, Nxb. Lao động – xã hội, Hà Nội, năm 2012.

[5] Trường Đại học Vinh (Khoa Luật), *Lịch sử các học thuyết chính trị,* Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, năm 2010.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| ***Tuần 1***  ***(5)*** | **Chương 1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, hình thức và kiểu Nhà nước và pháp luật**  1.1. Nguồn gốc ra đời của nhà nước và pháp luật  1.2. Các đặc trưng cơ bản của Nhà nước  1.4. Các thuộc tính cơ bản của pháp luật  1.5. Các mối liên hệ chủ yếu của Nhà nước và pháp luật | - Chú trọng phương pháp đặt câu hỏi, nếu giả thiết để sinh viên tư duy, tranh luận sau đó gợi mở, kết luận các vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật  - Phương pháp nhóm (tranh luận chỉ ra tính độc lập tương đối của pháp luật và sự tác động qua lại giữa pháp luật và các yếu tố/hiện tượng khác trong xã hội (kinh tế, chính trị, đạo đức… | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.37-50; 297-309)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có nội dung liên quan  ***3. Tự học:***  1.3. Bản chất của Nhà nước và pháp luật | CLO1 | A1.1  A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 2***  ***(5)*** | **Chương 1. (tiếp)**  1.6. Kiểu Nhà nước và hình thức nhà nước  1.7. Kiểu pháp luật và hình thức tồn tại cơ bản của pháp luật | - Thuyết trình: Giảng viên giới thiệu về một số mô hình Nhà nước trên thế giới để sinh viên tư duy về các kiểu, hình thức Nhà nước, sau đó định hướng nội dung lý thuyết  - Phương pháp so sánh: so sánh các hình thức tồn tại cơ bản của pháp luật và vị trí, vai trò của các hình thức trong hệ thống pháp luật quốc gia | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.79-146)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan  ***3. Nhận bài tập cá nhân số 1*** | CLO1 | A1.1  A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 3***  ***(5)*** | **Chương 2. Bộ máy nhà nước, chức năng của nhà nước và pháp luật**  2.1. Bộ máy nhà nước  2.2. Chức năng của Nhà nước  2.3. Chức năng của pháp luật | - Lấy ví dụ về một số cơ quan, tổ chức để sinh viên xác định giới hạn về tổ chức BMNN; nhận diện về chức năng NN thông qua việc giới thiệu các hoạt động của NN  - Phương pháp bày tỏ quan điểm để SV *hiểu* ý nghĩa, sự cần thiết của việc điều chỉnh quan hệ xã hội bằng pháp luật  - Phương pháp hỏi – đáp | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.64-79; 315-329)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có nội dung liên quan  ***3. Tự học:***  Các mô hình tổ chức bộ máy Nhà nước trong các kiểu Nhà nước | CLO2 | A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 4***  ***(5)*** | **- Thảo luận nội dung các chương 1, chương 2**  **- Thuyết trình đề tài tiểu luận nhóm lần 1 và thu bài tập cá nhân sô 1** | - Giảng viên trình chiếu yêu cầu, mục đích chính buổi thảo luận.  - Các nhóm sinh viên thảo luận, thuyết trình, phản biện về các nội dung đã được phân công. | - Nghiên cứu bộ câu hỏi thao luận đã được cung cấp  - Xem kỹ lại các bài đã học | CLO1  CLO2 | A1.2  A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 5***  ***(5)*** | **Chương 3. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**  3.1. Khái quát chung về nhà nước Xã hội chủ nghĩa  3.2. Nhà nước trong hệ thống chính trị XHCN  - Vị trí, vai trò của Nhà nước trong hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa  - Vị trí, vai trò của các thiết chế chính trị, xã hội khác trong hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa | - Thuyết trình  - Phương pháp hỏi đáp: Gợi mở giả thiết để sinh viên sắp xếp vị trí các thiết chế trong HTCT XHCN, Nhà nước ở vị trí nào?  - Phương pháp làm việc nhóm Chứng minh mối quan hệ biện chứng giữa NN với các thiết chế khác trong HTCT  ***- Giao bài tập nhóm*** | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.161-191; 208-226; 243-296 (tr.192-207)  2. Đọc Hiến pháp Việt Nam năm 2013 (Chương Chế độ chính trị)  ***3. Tự học:***  Vị trí, vai trò của Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị Xã hội chủ nghĩa | CLO3 | A1.3  A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 6***  ***(5)*** | **Chương 3. (tiếp)**  3.3. Khái quát chung về nhà nước pháp quyền  3.3.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền  3.3.2. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền  3.3.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay | - Phương pháp hỏi – đáp: Đặt vấn đề pháp luật có quan trọng hơn đạo đức và các công cụ điều chỉnh khác? Pháp luật chế ngự NN hay NN sự dụng PL là công cụ cai trị? 🡪 Gợi mở nội dung lý thuyết về NN pháp quyền  - Phương pháp bày tỏ quan điểm | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.227-242)  2.Đọc các tài liệu tham khảo khác có nội dung liên quan  ***3. Tự học:***  Lịch sử hình thành và phát triển nhà nước pháp quyền | CLO3 | A1.3  A2.1  A3.1 |
| ***Tuần 7***  ***(5)*** | **Chương 4. Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật**  4.1. Khái quát về quy phạm pháp luật  4.2. Hệ thống công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội. | - Phương pháp thuyết trình: Lấy các ví dụ về quy phạm pháp luật trong các văn bản hiện hành để sinh viên nhận diện, phân tích về kết cấu của quy phạm; sau đó kết luận về lý thuyết quy phạm PL.  - Phương pháp nhóm: Đặt vấn đề để sinh viên có sự so sánh vị trí, giá trị của quy phạm PL với các quy phạm điều chỉnh khác trong thực tiễn xã hội (pháp luật với đạo đức …) | 1. Đọc giáo [1] (tr.373-384)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan  ***3. Tự học:***  Các loại quy phạm pháp luật | CLO4 | A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 8***  ***(5)*** | **Chương 4. (tiếp)**  4.3. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật XHCN  4.4. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật XHCN  4.5. Sự kiện pháp lý. | - Lấy ví dụ về một số quan hệ xã hội để sinh viên nhận diện điều kiện để trở thành quan hệ PL; các yếu tố cấu thành của QHPL.  - Phương pháp hỏi đáp | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.309-408)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan  ***3. Tự học:***  Đặc điểm của quan hệ pháp luật | CLO4 | A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 9***  ***(5)*** | **Chương 5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý**  5.1. Vi phạm pháp luật  - Khái niệm vi phạm pháp luật  - Các dấu hiệu nhận biết của vi phạm pháp luật  - Các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật  - Phân loại vi phạm pháp luật | - Phương pháp hỏi đáp (sinh viên thể hiện hiểu biết của mình về VPPL qua việc trả lời các câu hỏi gợi ý)  - Giải quyết nội dung lý thuyết dựa trên tình huống pháp lý cụ thể để sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.439-451)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan | CLO5 | A1.4  A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 10***  ***(5)*** | **Chương 5 (tiếp)**  5.1. Vi phạm pháp luật  5.2. Trách nhiệm pháp lí | - Giải quyết nội dung lý thuyết dựa trên tình huống pháp lý cụ thể để sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn  - Phương pháp nhóm  ***- Giao bài tập nhóm*** | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.439-451)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan  ***3. Tự học:***  Thời hạn và thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý | CLO5 | A1.4  A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 11***  ***(5)*** | **Chương 6. Hệ thống pháp luật ở Việt Nam**  6.1. Khái quát chung về nguồn luật trong HTPL VN  6.2. Khái quát chung về Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam | - Phương pháp thuyết trình: Giới thiệu hệ thống PL của một số nước trên thế giới để sinh viên tư duy về khả năng hệ thống PL Việt Nam  - Nêu câu hỏi nhận định để người học nhận diện sau đó kết luận nội dung lý thuyết của bài học. | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.385-399; 469-487)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan | CLO6 | A1.2  A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 12***  ***(5)*** | ***Chương 6. (tiếp)***  6.3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay  - Hiệu lực về thời gian  - Hiệu lực về không gian | - Phương pháp hỏi đáp  - Phương pháp thuyết trình  ***- Giao bài tập cá nhân số 2*** | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.385-399; 469-487)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan  ***3. Tự học***  6.4. Hệ thống hóa pháp luật | CLO6 | A1.2  A2.2  A3.1 |
| ***Tuần 13***  ***(5)*** | **Chương 7. Ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật**  7.1. Ý thức pháp luật  7.1.1. Khái niệm ý thức PL  7.1.2. Kết cấu ý thức PL  7.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý thức PL | - Cho sinh viên thảo luận trước về tình hình ý thức PL, thực hiện PL của công dân  - Phương pháp bày tỏ quan điểm: Sv bày tỏ quan điểm của mình về các yếu tố ảnh hưởng đến ý thức pháp luật | 1. Đọc giáo trình pháp luật [1] (tr.412-437; 452-469)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan | CLO7 | A3.1 |
| ***Tuần 14***  ***(5)*** | **Chương 7. (tiếp)**  7.2. Thực hiện pháp luật  7.3. Áp dụng pháp luật  7.3.1. Khái niệm ADPL  7.3.2. Các giai đoạn ADPL | -Phương pháp thuyết trình: Các hình thức thực hiện pháp luật  - Lấy ví dụ minh họa các trường hợp áp dụng pháp luật | 1. Đọc giáo trình pháp luật [1] (tr.412-437; 452-469)  2. Đọc các tài liệu tham khảo  ***3. Tự học:***  7.4. Giải thích pháp luật | CLO7 | A3.1 |
| ***Tuần 15***  ***(5)*** | **Chương 8. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam**  8.1. Khái quát chung về xây dựng và hoàn thiện pháp luật  8.1.1. Tính tất yếu về xây dựng và hoàn thiện pháp luật  8.1.2. Các nguyên tắc về xây dựng và hoàn PL  8.1.3. Các tiếu chí đánh giá hoạt động xây dựng và hoàn thiện HTPL  8.2. Những thành tựu và hạn chế cơ bản của hệ thống pháp luật ở Việt Nam  8.3. Phương hướng chung về xây dựng hoàn thiện HTPL ở Việt Nam  8.4. Xây dựng và hoàn thiện HTPL trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước. | - Phương pháp hỏi đáp: Đặt vấn đề đề sinh viên phúc đáp về tính tất yếu xây dựng, hoàn thiện PL  - Phương pháp làm việc nhóm  - Phương pháp bày tỏ quan điểm: các nhóm thảo luận về nguyên tắc, quy trình, tiêu chuẩn xây dựng hoàn thiện PL sau đó giảng viên định hướng | 1. Đọc giáo trình [1] (tr.488-502)  2. Đọc các tài liệu tham khảo khác có liên quan | CLO8 | A3.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm 5.1

(Kèm theo của Phụ lục 5)

**KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Logic hình thức)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC.PGS. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: [nguyenthaison@vinhuni.edu.vn](mailto:nguyenthaison@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Triết học, Lịch sử triết học; Logic học, Khoa học lãnh đạo – quản lý, Chính trị học,…

**Giảng viên 2: Phan Huy Chính**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.Th.s

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091523880 ; email: phanhuychinh@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 3: Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.Th.s

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988; email: sangnv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 4:Lê Thị Nam An**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: naman@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Đạo đức học, Logic học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên môn học (tiếng Việt): **Logic hình thức**  (tiếng Anh**): Formal logic** | | |
| - Mã số môn học: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức chuyên ngành  X  Môn học chuyên về kỹ năng chung | | Kiến thức cơ sở ngành  vvxx  Kiến thức khác  Môn học đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: 03 |  | |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 | |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 15 | |
| + Số tiết thực hành: |  | |
| + Số tiết hoạt động nhóm: |  | |
| + Số tiết tự học: | 90 | |
| - Môn học tiên quyết: | Không | |
| - Môn học song hành: | Không | |

**2.** **Mô tả học phần**

Lôgíc hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về các hình thức và qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi nó có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác, nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, ngụy biện trong tư duy; trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về logic hình thúc, về các hình thức của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, và các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ. Qua đó, sẽ góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic tự giác; áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ việc nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học, học phần sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | | | PLO1.2 | | | PLO2.1 | | | PLO2.5 | |
| 1.1.1 | 1.1.2 | 1.1.3 | 1.2.1 | 1.2.2 | 1.2.3 | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.1.3 | 2.5.1 | 2.5.2 |
| CLO1.1 | 1,0 | 1,0 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  |  | 1,0 | 1,0 | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx) (1)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả mục tiêu**  **(2)** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| **CLO 1.1** | K3 | **Trình bày được** đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. **Giải thích được** những vấn đề chung về khái niệm, phán đoán | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  hỏi đáp, bài tập |
| **CLO 1.2** | K3 | **Giải thích được** được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ; Giải thích được những vấn đề chung về suy luận và chứng minh. | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  hỏi đáp, bài tập |
| **CLO 2.1** | K3 | **Vận dụng, thực hành được** các thao tác tư duy với khái niệm. Có kĩ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn. | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  hỏi đáp, bài tập |
| **CLO 2.5** | S2 | **Có khả năng** nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành. | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  hỏi đáp, bài tập |

**5. Đánh giá môn học**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2)**/**5 | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO1.1 | 30% | 10% |
| CLO1.2 | 20% |
| CLO2.1 | 30% |
| CLO2.5 | 20% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1  CLO1.2 | 40% | 20% |
| - Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO2.1  CLO2.5 | 40%  20% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% |  |
| CLO1.2 | 20% |
| CLO2.1 | 30% |
| CLO2.5 | 20% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1\*5+A2\*5)**/**10 | | | |  |  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 (10%)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia nghe giảng elearning và tham gia học trực tiếp tại các buổi học** | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 90% bài CORM;  - Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định  - Có phát biểu xây dựng bài | - Nghe trên 80% bài CORM;  - Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe dưới 80% bài CORM;  - Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định  - Không phát biểu xây dựng bài | - Nghe 100% bài giảng SCORM,  - Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp quy định  - Tích cực phát biểu xây dựng bài | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

***Đánh giá bài A1.2 (20%)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** |
| **Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS** | - Hoàn thành tốt bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện rõ sự nhìn nhận khách quan, đúng đắn đối với vấn đề đặt ra, có chất lượng nội dung rất tốt,  - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, logic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, đúng tiến độ.  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, lôgic  - Hình thức đúng quy định. có lỗi chính tả chính tả. | 50% nội dung bài tập, chậm tiến độ  - Nội dung thể hiện sự nhìn nhận khách quan đúng đắn đối với vấn đề đưa ra;  - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. | 40% |
| **Thảo luận nhóm, hợp tác nhóm** | - Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài;  - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm  - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận.  - Trình bày mạch lạc, rõ ràng,  - Tranh luận hiệu quả, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài  - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm;  - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận.  Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng.  - Có tranh luận, nhưng không phản bác các ý kiến sai trái | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài  - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận  - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận.  - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng.  - Không tranh luận, phản bác lại các ý kiến trái chiều | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài  - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | 40 |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | 20% |

**6. Kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá môn học)

**Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị và nhiệm vụ của SV (4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| Tuần 1  Tiết 1,2,3 | Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức  1.1. Đối tượng nghiên cứu của logic hình thức  1.2. Nhiệm vụ, ý nghĩa của logic hình thức  1.3. Khái quát lịch sử hình thành, phát triển của logic hình thức | - Tiết 1: Lý thuyết: Đối tượng nghiên cứu của Logic hình thức:  - Tiết 2: Thảo luận nhóm: Thế nào là logic, logic hình thức? Phân biệt nội dung và hình thức của tư duy? Nêu đối tượng nghiên cứu của logic hình thức?  - Tiết 3: Bài tập: Hướng dẫn làm bài tập chương 1  - Tự học:  - Nhiệm vụ, ý nghĩa của logic hình thức  - Khái quát lịch sử hình thành, phát triển của logic hình thức  + Làm câu hỏi trắc nghiệm  + Tự học: Làm bài tập  ở nhà. | - Đọc chương 1, tài liệu [1]  - Chuẩn bị ý kiến thảo luận.  - Ghi chép bài giảng, làm bài tập tại lớp theo hướng dẫn.  - Làm bài tập ở nhà.  - Đọc trước chương 2 tài liệu [1] | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 2  Tiết 1,2,3 | Chương 2: Khái niệm  1.1. Những vấn đề chung về khái niệm  1.2. Cấu trúc logic của khái niệm  1.3. Quan hệ giữa các khái niệm | Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa khái niệm; Thảo luận nhóm; Quan hệ giữa khái niệm và từ, phân loại khái niệm, quá trình hình thành khái niệm  Tiết 2: Lý thuyết: Cấu trúc logic của khái niệm, quan hệ đồng nhất, quan hệ giao nhau giữa các khái niệm;  Tiết 3: Lý thuyết: Quan hệ bao hàm; Thảo luận nhóm: Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm.  Bài tập: Quan hệ đồng nhất, giao nhau, bao hàm  Tự học: Làm bài tập ở nhà | Đọc chương 2, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập, tự học ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 3  Tiết 1,2,3 | 1.3. Quan hệ giữa các khái niệm  1.4. Các thao tác tư duy cơ bản đối với khái niệm | Tiết 1: Lý thuyết: Quan hệ tách rời, đối lập, mâu thuẫn; Bài tập tại lớp về các nội dung trên.  Tiết 2: Lý thuyết: Thao tác định nghĩa khái niệm; Thảo luận nhóm: Các quy tắc của định nghĩa. Bài tập tại lớp về các nội dung trên.  Tiết 3: Lý thuyết: Phân chia khái niệm, thu hẹp và mở rộng khái niệm; Thảo luận nhóm: các quy tắc thu hẹp, mở rộng và phân chia khái niệm.  Bài tập về nhà: Quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác tư duy đối với khái niệm. | Đọc chương 2, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Đọc trước chương 3, tài liệu [1];  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 4  Tiết 1,2,3 | Chương 3: Phán đoán  1.1. Những vấn đề chung về phán đoán | Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa phán đoán, cấu trúc logic của phán đoán;  Thảo luận: Phân biệt phán đoán và câu  Bài tập: Xác định cấu trúc logic của phán đoán, phân biệt phán đoán và câu.  Tự học: Phân loại phán đoán.  Tiết 2,3: Lý thuyết: Các loại phán đoán A,E,I,O.  Thảo luận: Xây dựng các phán đoán A,E,I,O.  Bài tập về nhà. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc trước giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 5  Tiết 1,2,3. | 1.2. Phán đoán đơn | Tiết 1, 2: Lý thuyết: Hình vuông logic, quan hệ giá trị giữa các phán đoán A,E,I,O có cùng chủ từ, vị từ.  - Bài tập tại lớp và bài tập về nhà về các nội dung trên.  Tiết 3: Lý thuyết: Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn.  - Thảo luận về tính chu diên của các thuật ngữ.  Bài tập: Xây dựng phán đoán đơn, xác định quan hệ giá trị giữa các phán đoán đơn có cùng chủ từ và vị từ.  Tự học: Vận dụng kỹ năng xác định giá trị của phán đoán đơn vào phân tích giá trị logic của các ngữ cảnh cụ thể. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 6  Tiết 1,2,3. | 1.3. Phán đoán phức | Tiết 1: Lý thuyết: Cấu trúc của phán đoán hội, tuyển mạnh.  - Thảo luận và bài tập: Viết các phán đoán hội, tuyển mạnh dưới dạng ngôn ngữ thành ký hiệu và ngược lại.  Tiết 2: Lý thuyết: Định nghĩa và cấu trúc của tuyển yếu, kéo theo.  - Thảo luận và bài tập: Viết các phán đoán tuyển yếu, kéo theo dưới dạng ngôn ngữ thành ký hiệu và ngược lại.  Tiết 3: Lý thuyết: Tính đẳng trị của phán đoán phức, phép phủ định phán đoán  Bài tập: Viết phán đoán dưới dạng ký hiệu, viết bảng giá trị của các phán đoán phức.  Tự học: Vận dụng kỹ năng viết phán đoán dưới dạng ký hiệu vào phân tích các văn bản khoa học. | Đọc chương 3, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| Tuần 7  Tiết 1,2,3. | Chương 4: Các quy luật cơ bản của tư duy logic  1.1. Quy luật đồng nhất  1.2. Quy luật cấm mâu thuẫn | Tiết 1, 2: Lý thuyết: Nội dung của các quy luật đồng nhất, cấm mâu thuẫn.  Tiết 3: Thảo luận và bài tập: Yêu cầu của các quy luật trên, vận dụng các quy luật đó vào phân tích các sai lầm có thể có trong tư duy.  Tự học: Vai trò của các quy luật cơ bản của tư duy trong thực tiễn. | Đọc chương 4, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 8  Tiết 1,2,3. | 1.3. Quy luật loại trừ cái thứ ba  1.4. Quy luật lý do đầy đủ | - Tiết 1, 2: Lý thuyết: Nội dung, yêu cầu, ký hiệu của các quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ.  - Tiết 3: Thảo luận và Bài tập: Vận dụng các quy luật vào phân tích các sai lầm có thể có trong tư duy.  Tự học: Vai trò của các quy luật cơ bản của tư duy trong thực tiễn. | Đọc chương 4, tài liệu [1]; Đọc trước chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 9  Tiết 1,2,3. | Chương 5: Suy luận  1.1. Những vấn đề chung về suy luận | - Tiết 1: + Lý thuyết: Định nghĩa suy luận.  + Thảo luận: Phân loại suy luận.  + Bài tập: Điều kiện để suy luận cho kết luận chân thực.  - Tiết 2: Lý thuyết: Cấu trúc logic của suy luận.  + Thảo luận: Phân biệt phép suy diễn và phép quy nạp.  + Bài tập:  - Tiết 3: Lý thuyết: Suy diễn trực tiếp.  + Thảo luận: Phép đảo ngược phán đoán.  + Bài tập: Bài tập về phép đảo ngược.  Tự học: | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 10  Tiết 1,2,3. | 1.2. Suy luận diễn dịch | - Tiết 1: Lý thuyết: Suy diễn trực tiếp dựa vào hình vuông logic.  + Thảo luận: Suy diễn trực tiếp dựa vào phép phủ định phán đoán.  + Bài tập: Bài tập về phép suy diễn trực tiếp dựa vào các hình thức đảo ngược và phủ định phán đoán.  - Tiết 2: Lý thuyết: Suy diễn gián tiếp, tam đoạn luận Aristot.  + Thảo luận: Cấu trúc logic của tam đoạn luận.  + Bài tập. Bài tập về cấu trúc logic của tam đoạn luận.  - Tiết 3: Lý thuyết: Các loại hình của tam đoạn luận. Các quy tắc logic của tam đoạn luận.  + Thảo luận: Quy tắc loại hình và kiểu.  + Bài tập: Khảo sát các kiểu tam đoạn luận cho kết luận hợp logic ở 4 loại hình.  Tự học: Tam đoạn luận điều kiện, tam đoạn luận lựa chọn. | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 11  Tiết 1,2,3. | 1.2. Suy luận diễn dịch  1..3. Suy luận quy nạp. | - Tiết 1: Lý thuyết: Tam đoạn luận rút gọn.  + Thảo luận: Các loại tam đoạn luận rút gọn.  + Bài tập: Khôi phục tam đoạn luận rút gọn.  - Tiết 2: Lý thuyết: Định nghĩa phép quy nạp.  + Thảo luận: Phân biệt quy nạp và suy diễn.  + Bài tập:  - Tiết 3: Lý thuyết: Quy nạp hoàn toàn và quy nạp phổ thông.  + Thảo luận: Điều kiện để phép quy nạp cho kết luận đúng.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp. | Đọc chương 5, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 12  Tiết 1,2,3. | 1.3. Suy luận quy nạp | - Tiết 1: Lý thuyết: Quy nạp khoa học  + Thảo luận: Nhận xét về kết luận của phép quy nạp khoa học.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các hình thức quy nạp khoa học cơ bản.  + Thảo luận: Phân biệt quy nạp đầy đủ và quy nạp không đầy đủ.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  - Tiết 3: Lý thuyết: Phép loại suy.  + Thảo luận: Nhận xét về kết luận của phép loại suy.  + Bài tập: Bài tập về phép quy nạp.  Tự học: Mối quan hệ giữa suy diễn và quy nạp. | Đọc trước giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 13  Tiết 1,2,3. | Chương 6: Chứng minh  1.1. Những vấn đề chung về chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Định nghĩa phép chứng minh  + Thảo luận: Vai trò của chứng minh trong thực tiễn và trong nhận thức.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Phân loại chứng minh.  + Thảo luận: Phân biệt chứng minh trực tiếp và chứng minh gián tiếp.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Phân loại chứng minh (tiếp).  + Thảo luận: Các ví dụ về các hình thức chứng minh.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 14  Tiết 1,2,3. | 1.2. Cấu trúc logic của chứng minh  1.3. Các quy tắc cơ bản và các loại lỗi thường gặp trong chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Cấu trúc logic của chứng minh  + Thảo luận: Phân biệt luận đề, luận cứ, luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các quy tắc logic cơ bản của phép chứng minh, quy tắc của luận đề.  + Thảo luận: Vai trò của quy tắc logic trong chứng minh.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Quy tắc của luận cứ và luận chứng.  + Thảo luận: Phân biệt quy tắc của luận đề, luận cứ, luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về phép chứng minh.  Tự học: Phân tích cấu trúc logic của chứng minh trong các ví dụ cụ thể. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |
| Tuần 15  Tiết 1,2,3. | 1.3. Các loại lỗi thường gặp trong chứng minh | - Tiết 1: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận đề  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận đề.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  - Tiết 2: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận cứ.  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận cứ.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  - Tiết 3: Lý thuyết: Các loại lỗi đối với luận chứng.  + Thảo luận: Các ví dụ về các loại lỗi đối với luận chứng.  + Bài tập: Bài tập về các loại lỗi thường gặp trong chứng minh.  Tự học: Phân tích các loại lỗi thường gặp thông qua các ví dụ cụ thể. | Đọc chương 6, tài liệu [1]; Đọc thêm giáo trình, tài liệu tham khảo;  Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập ở nhà.  Làm bài test trắc nghiệm. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A2 |

**7. Nguồn học liệu** *(các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm,…)*

***Giáo trình:***

[1] PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn, Th.s Phan Huy Chính; Bài giảng Logic hình thức; Đại học Vinh 2017.

*Các tài liệu tham khảo khác:*

1. PGS.TS. Nguyễn Lương Bằng; Logic học; Nxb Nghệ An 2008.

2. Bùi Thanh Quất, Lôgíc học hình thức, Hà Nội 1995

3. Vương Tất Đạt, Lôgíc hình thức, ĐHSPHN, 2008

**8. Quy định của môn học**

- Sinh viên nộp hồ sơ môn học theo yêu cầu.

- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập/báo cáo do giảng viên giao.

- Dự lớp tối thiểu 80% số tiết giảng.

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục chính trị/ Bộ môn Triết học.

- Địa chỉ/email: số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ** |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1**

Họ và tên: Lê Thị Tuyết Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: TS.GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: Email: lehanh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Trần Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0904392924 Email: [thaottp@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Hoàng Thị Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Dũng – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0985 98 9116 Email: chunght@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Phạm Thị Lương Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0983 717782 Email: giangptl@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 5**

Họ và tên: Nguyễn Thị Lành

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Bình – Thành phố Vinh

Điện thoại:  0936531777 Email: lanhnt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **TIẾNG ANH 1**  (tiếng Anh): **ENGLISH 1** | | |
| - Mã số học phần: E0001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Học phần chung cho các ngành đại học chính quy | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thảo luận/bài tập:  + Số tiết thực hành: 15  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 0  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: ENG0001 |
| - Yêu cầu của học phần:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Ngoại ngữ chuyên ngành – Khoa Sư phạm Ngoại ngữ  Điện thoại: 0898606686 Email: hanhltt@vinhuni.edu.vn | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần ***Tiếng Anh 1*** thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở mức độ cơ bản sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp cơ bản, quen thuộc hàng ngày thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm và kĩ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần ***Tiếng Anh 1*** được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống quen thuộc hàng ngày; (2) phát triển kĩ năng làm việc nhóm; (3) hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Các chương trình Đào tạo bổ sung theo CTĐT của ngành)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | PLO3.x.x | PLO3.x.x | PLO3.x.x |
| Tiếng Anh | Làm việc nhóm | Giao tiếp |
| CLO3.1 | 1,0 |  |  |
| CLO3.2 |  | 1,0 |  |
| CLO3.3 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

| **CĐR học phần** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO3.1 | S2 | Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày. | Tự học, thuyết trình, thảo luận | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm; Chấm thuyết trình |
| CLO3.2 | S2 | Hình thành được kĩ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả. | Thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm | Quan sát và chấm kĩ năng làm việc nhóm; Đánh giá đồng đẳng |
| CLO3.3 | S2 | Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản. | Thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm | Quan sát thao tác thực hành; Chấm sản phẩm làm nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập e-Learning | Bài tập giao cho cá nhân trên LMS và trên lớp  (Tính điểm trung bình chung cho tất cả các bài tập) | Điểm scorm Đáp án | CLO 3.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Bài tập trắc nghiệm số 1 | Bài tập trắc nghiệm Unit 1,2 | Đáp án | CLO3.1 | 100% | 20% |
| A1.3. Bài thuyết trình, bài tập nhóm | Đánh giá bài tập nhóm trên lớp, bài thuyết trình về chủ đề đã học | Rubric 1  Rubric 2 | CLO 3.2 | 70% | 20% |
| CLO 3.3. | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. Bài tập trắc nghiệm số 2 | Bài tập trắc nghiệm Unit 3,4,5 do trung tâm ĐBCL tổ chức | Đáp án | CLO3.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần:**  Điểm học phần = | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

*5.2.2. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.3*

**Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá)**

| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.0**  **(XS - Tốt)** | **1.5**  **(Khá)** | **1.0**  **(Đạt)** | **0.5 – 0**  **(Chưa đạt)** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợphù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt*(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý,khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bàydường như chưa đạt yêu cầu*(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Khôngthể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thểhợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian& hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: …………………………………………..………….…………)** | | | | |

*5.2.3. Rubric 2 cho bài đánh giá A1.3*

**Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |  |
| **2** | **1.5** | **1** | **0.5** | **0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  **(2 điểm)** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. | Không nhận nhiệm vụ |
| **2. Tham gia xây dựng hoạt động của nhóm**  **(2 điểm)** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | Không tham gia |
| **3. Tôn trọng quyết định chung**  **(2 điểm)** | Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Dường như không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Không tôn trọng quyết định của nhóm |
| **4. Kết quả làm việc**  **(2 điểm)** | Có sản phẩm tốt, và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. | Không có sản phẩm |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  **(2 điểm)** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. | Không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………….………………………………………)** | | | | | |

**7. Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.

**7. Kế hoạch giảng dạy**

*Phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: bảng, phấn, máy chiếu, máy tính, loa, phần mềm LIFE online

*Cách thức kiểm tra đánh giá kết quả tự học*: Thông qua các bài tập trên phần mềm Self-study và assignments. Ngoài ra GV có thể kiểm tra bài tập về nhà, các bài kiểm tra tại lớp, nhiệm vụ nhóm.

| **Tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Gợi ý hình thức tổ chức dạy học (3)** | **Hoạt động của SV**  **(4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2 |
| **2. Unit 1**  **2.1. 1a: How well do you sleep**  2.1.1. Reading and speaking  2.1.2. Grammar: Present simple and Adverbs of frequency  2.1.3. Pronunciation: /s/, /z/, or /iz/  2.1.4. Practice | Individual work  Pair work  Question and aswer | - working with a partner to ask and answer the quiz  - Listening to the quiz and checking with the teacher.  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2 |
| 2 | **2.2. 1b: The secret of long life**  2.2.1. Reading: The secret of long life  2.2.2. Vocabulary: *do, play, go*  2.2.3. Grammar: Present simple and present continuous  2.2.4. Practice  **2.3. 1c: Health and Happiness**  2.3.1. Reading: measuring Health and Happiness  2.3.2. Word focus: Feel  2.3.3. Critical thinking: the main argument | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Reading about the secret of long life/ health and happiness and answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of verb tenses: present simple and present continuos  - Developing critical thinking skill through reading tasks | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 3 | **2.4. 1d: At the doctor’s**  2.4.1. Vocabulary: medical problems  2.4.2. Pronunciation and spelling  2.4.3. Real life: Talking about illness  **2.5. 1e: medical advice online**  2.5.1. Writing: Online advice  2.5.2. Writing skill: conjunctions (*and. or, but, so*)  2.5.3. Speaking: giving advice  **2.6. 1f: Slow food (optional)**  **2.7. Review** | Lecturing  Individual work  Online writing  Role play | -Getting to know and finding out the meaning of medical vocabulary  - Practising Pronunciation -with each others  - Listening to 2 conversations at a pharmacy and at a doctor’s  - Playing the role of doctor and patient to talk about medical problems and give advice  - writing about medical problems by using conjunctions  - writing online advice and post it into class gmail  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 4 | **3. Unit 2: Competitions**  **3.1. 2a: Competitive sports**  3.1.1. Grammar: Verb\_ing forms/ like\_ing/ would like to  3.1.2. Pronunciation:  3.1.3. Vocabulary and listening: talking about sports  3.1.4. Speaking: ambitions for the future  3.1.5. Practice | Lecturing  Discussion/ group work  Individual work | - Identifying the difference in use between Verb-ing form and would like to by practising doing grammar exercises  - Practising pronunciation  - working with groups and tak about sports/ favorite sports  - Practising listening  - Talking about ambitions | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 5 | **3.2. 2c: Crazy competitions**  3.2.1. Grammar: Modal verbs  3.2.2. Vocabulary: competitions  3.2.3. Speaking: describing a competition  **3.3. 2c: Bolivian wrestlers**  3.3.1. Reading: Bolivian wrestlers  3.3.2. Word focus: like | Lecturing  Group work  Presentation | Think – pair - share  - Finding the meaning and use of competition vocabulary  - working in group to describe a competition  - Presenting in front of the class  - Reading the article “Bolivian wrestlers” and answering given questions  - differentiating the use of the verb “like”  - developing critical thinking through reading questions | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 6 | **3.3. 2d: Joining a club**  3.3.1. Speaking: joining a club  3.3.2. Real life: talking about interests  3.3.3. Pronunciation: silent letters  **3.4. 2e: Advertising for members**  3.4.1. Writing: an advert or notice  3.4.2. Writing skill: checking your writing  **3.5. 2f: Cheese rolling (optional)**  **3.6. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - talking with friends about experience of joining a club.  - Talking one’s interests  - Practice pronunciation  - writing an advert or notice and peer checking  - Doing grammar and vocabulary exercises  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| **Kiểm tra giữa kì (Bài tập trắc nghiệm số 1 Unit 1, 2)** | | | | CLO3.1  CLO3.2 | A1.2 |
| 7 | **4. Unit 3: Transport**  **4.1. 3a: Transport in the future**  4.1.1. Reading: Transport in the future  4.1.2. Vocabulary: Transport 1: nouns  4.1.3. Grammar: comparartive and superlative  4.1.4. Practice  4.1.5. Listening  4.1.6. Pronunciation: than  4.1.7. Speaking and writing: questionnaire | Lecturing  Individual work  Pair work | - Read about transport in the future  - Finding out the differences between words relating to transport  - Doing grammar exercies  - Asking and answering the questionnaire, then writing down information from questionnaire | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1  A1.3 |
| 8 | **4.2. 3b: Animal Transport (Optional)**  4.2.1. Grammar: As..as  4.2.2. Listening  4.2.3. Reading: the best way to travel  **4.3. 3c: Last days of the ricksaw**  4.3.1. Reading: Last days of the ricksaw  4.3.2. Vocabulary: Transport 2: verbs  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work  Group work | - Doing grammar exercises with “as…as”  - Reading the best way to travel/ last days of ricksaw  - Indentifying the differences between verbs relating to transports  - Developing crtitical thinking thorugh reading tasks | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1 |
| 9 | **4.4. 3d: Getting arounf the town**  4.4.1. Vocabulary and listening: taking transport  4.4.2. Pronunciation: Intonation  **4.5. 3e: Quick communication**  4.5.1. Writing: Notes and messages  4.5.2. Writing skill: writing in note form  **4.6. 3f: Indian Railways (optional)**  **4.7. Review** | Lecturing  Individual work  Pair work  Group work | - Identifying the appropriate expressions/ sentences to use when taking a transport  - Recognizing the rules of writing a note/ message  - Writing a note/ message to a friend in a given situation  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1  A1.3 |
| 10 | **5. Unit 4: Adventure**  **5.1. 4a: Aventure of the year**  5.1.1. Grammar: Past Simple  5.1.2. Practice  5.1.3. Pronunciation: /d/, /t/ or /id/  5.1.4. Speaking: asking about partners’ pasts  **5.2. 4b: The survivors**  5.2.1. Grammar: Past Continous  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Pair work | - Recognizing the form, use and meaning of verbs used in past simple and past continous.  - Doing grammar exercices relating to past simple and past continuous to identify the differences between the uses of these tenses.  - Practising Pronunciation  - Working with group members and talking about the past | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1  A1.3 |
| 11 | 5.2.3. Vocabulary and speaking:  Personal qualities  5.2.4. Speaking: Past events  **5.3. 4c: The right decision**  5.3.1. Reading: The right decision  5.3.2. Vocabulary: Geographical features/ on, in, at for time expressions  5.3.3. Critical thinking: identifying opinion | Lecturing  Individual work  Games  Group work | - Identifying the form, meaning and use of vovabulary about personalities  - Participating in guessing games (a classmate will describe any one in the class and all the other students try to find out who is that person)  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying opinion, through the reading task  - Recognizing the use of preposition and practising with exercises. | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1  A1.3 |
| 12 | * 1. **4d**: **A happy ending**      1. Listening: Real life      2. Pronunciation: Intonation for responding      3. Speaking: Telling a story   2. **4e: A story of survival**      1. Writing: a true story      2. Writing skill: using –ly adverbs in stories   3. **4f: Alaskan ice climbing (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Identifying the information of camping trip through listening * Working in groups and making a story by sequencing the story. * Working in pair and practising conversations by using expressions to react to good news and bad news * Writing their own stories by using adverb\_ly * Presenting the stories in front of the class | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1  A1.3 |
| **Hết tín chỉ 2** | | | | |  |
| 13 | 1. U**nit 5: The environment**   6.1. 5a: Recycling  6.1.1. Vocabulary: household items  6.1.2. Listening  6.1.3. Grammar: Quantifiers  6.1.4. Practice  6.1.5. Reading: E-rubbish  **6.2. 5b: The Greendex**  6.2.1. Grammar: definite articles (the) or no article  6.2.2. Practice | Lecturing  Pair work  Individual work | - Recognizing the form, meaning and use of vocabulary about household items and recycling objects  - Identifying the differences between countable nouns and uncountable nouns through exercises  - Working with friends and doing grammar exercise to practice using appropriate quantifiers  - Using appropriate articles in sentences thanks to the ability of recognizing the differences in use and meaning. | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| Presentation | Groupwork | Presentation in groups | CLO3.2  CLO3.3 | A1.3 |
| 14 | 6.2.3. Vocabulary: results and figures  6.2.4. Pronunciation: /ðə/ or /ði:/  **6.3. 5c: A boat made of bottles**  6.3.1. Reading: A boat made of bottles  6.3.2. Critical thinking: close reading  6.3.3. Word focus: take   * 1. **5d: Online shopping**   6.4.1. Real life: Phoning about an order  6.4.2. Pronunciation: Sounding friendly | Individual work  Role play  Group work | - Practising Pronunciation and recognizing the difference between two sounds  - Reading the text “a boat made of bottles” individually and answer the related questions  - developing the critical thinking through answering reading questions  - Doing exercises to identifying the use of the verb “take”  - Role playing to practice a phone call and trying to sound friendly | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1 |
| 15 | * 1. **5e: Problem with an order**      1. Writing: emails      2. Writing skill: formal language   2. **5f: Coastal clean-up**      1. Watching the video      2. Speaking: Role-play   3. **Review** | Individual work  Role play  Group work | - Identifying the differences between formal and informal langangue used in an email through doing exercises  - writing an intereactive email in an given situation  - watching the video about the coastal clean-up  - Roleplay a conversation about the environment | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | A1.1  A2.1 |
| **Hết tín chỉ 3 – Thi cuối kì (Bài tập trắc nghiệm số 2 Unit 3,4,5)** | | | | CLO3.1  CLO3.2 | A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIÊT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

**Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email:[ntsdhv@gmail.com](mailto:ntsdhv@gmail.com)

Hướng nghiên cứu chính: Triết học; Lịch sử triết học; Logic học.

**Giảng viên 2:**

**Trần Viết Quang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị và Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 09126271109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: phép biện chứng, nhận thức luận, lôgíc biện chứng; phương pháp giảng dạy triết học.

**Giảng viên 3:**

**Phạm Thị Bình**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983551387 Email: phamthibinhdhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:một số vấn đề triết học, văn hóa lãnh đạo và quản lý…

**Giảng viên 4:**

**Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988 Email: Sangnv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

**Giảng viên 5:**

**Trương Phương Thảo**

Chức danh, học hàm, học vị:GV.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính Trị - Báo Chí, Trường KHXH&NV; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: [thaottp\_gdct@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp_gdct@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu: Triết học Mác, triết học hiện sinh, vấn đề con người, nguồn nhân lực, đạo đức, mỹ học Mác - Lênin

**Giảng viên 6:**

**Lê Thị Nam An**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: namandhv@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Đạo đức học, Logic học

**Giảng viên 7:**

**Phan Huy Chính**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC. ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa GDCT, Trường Sư Phạm; Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915233880 Email: phanhuychinh@yahoo.com

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, Lịch sử triết học, Logic học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Triết học Mác – Lênin**  (tiếng Anh): **Marxist - Leninist Philosophy** | | |
| - Mã số học phần: POL11001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số tiết  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Triết học - Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viện phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc đại học. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, là nền tảng để sinh viên có các quan điểm, lập trường duy vật biện chứng để tiếp thu kiến thức các học phần chuyên ngành. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

**3. Mục tiêu học phần**

**-** Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.

**-** Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.

- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chung các môn lý luận chính trị***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | | | PLO1.2 | | | PLO2.1 | | | PLO2.2 | | |
| 1.1.1 | 1.1.2 | … | 1.2.1 | 1.2.2 | … | 2.1.1 | 2.1.2 | …. | 2.2.1 | 2.2.2 | …. |
| CLO1.1 | 1,0 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **TĐNL CĐR học phần** | **Mô tả CĐR** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 2.0 | **Giải thích** được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | 3.0 | **Áp dụng** lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  Hồ sơ học phần |
| CLO2.1  ... | 3.0 | **Thể hiện** hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng | Tự học, Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2 | 3.0 | **Có khả năng** vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; **phê phán,** đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác | Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO1.1 | 30% | 10% |
| CLO2.1 | 30% |
| CLO2.2 | 40% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nôp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | 20% |
| CLO2.1 | 30% |
| - Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO2.2 | 40% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 20% |  |
| CLO2.1 | 40% |
| CLO2.2 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | |  |  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình triết học Mác - Lênin,* Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin  1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học  *1.1.1 Khái lược về triết học*  *1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học*  *1.1.3. Biện chứng và siêu hình*  1.2. Triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội  *1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin* | - Giới thiệu tổng quan về học phần, phương thức dạy học, kiểm tra, đánh giá.  - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 1.  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, hỏi đáp, tranh luận.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.12-95) để hiểu được nguồn gốc, khái niệm, đối tượng của triết học trong lịch sử; hiểu về triết học với tính cách là hạt nhân lý luận của thế giới quan; xác định vấn đề cơ bản của triết học, các trường phái và học thuyết triết học; phân biệt phương pháp biện chứng chứng và phương pháp hình; hiểu được sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin.  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.3 |
| 2(3) | *1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác- Lênin*  *1.2.3. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam* | - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, hỏi đáp, tranh luận.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và trả lời các câu hỏi TNKQ trên E-learning  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.95-115) để hiểu được chức năng và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.  - Trả lời câu hỏi thảo luận.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.3 |
| 3(3) | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  1.1.Vật chất và ý thức  *1.1.1.Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2.  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, hỏi- đáp, tranh luận.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc Giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.117-149) để hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất; các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; tính thống nhất vật chất của thế giới. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.3 |
| 4(3) | *1.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức*  *1.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức* | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của chương 2.  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, hỏi-đáp, tranh luận.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.149-182) để hiểu được nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.3 |
| 5 | Phép biện chứng duy vật  -Hai nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật | Thuyết trình  Hướng dẫn làm việc nhóm | -Đọc tài liệu số [1] từ trang 83 đến trang 92  -Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS |  |  |
| 6 | Quy luật và các cặp phạm trù cơ bản của Phép biện chứng duy vật | Thuyết trình  Hướng dẫn thảo luận nhóm | -Đọc tài liệu số [1] từ trang 93 đến trang 119  -Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint |  |  |
| 7 | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.3. Lý luận nhận thức  2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học  *\* Khái niệm lý luận nhận thức*  *\* Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nhận thức*  *\* Quan điểm của chủ nghĩa hoài nghi*  *\* Quan điểm của thuyết không thể biết*  *\* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước C. Mác*  *\* Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng*  2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng  \* Nguồn gốc, bản chất của nhận thức  \* Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức  \* Các giai đoạn của quá trình nhận thức  \* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chân lý | - Lý thuyết: Thuyết giảng các nội dung cơ bản của tiết 2.3.  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, hỏi đáp, tranh luận.  - Tự học: SV nghe bài giảng trên E-learning, đọc giáo trình, làm bài test nhanh và chuẩn bị nội dung thảo luận. | - SV nghe giảng và làm bài test nhanh trên E-learning.  - Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.116-128) để nhận biết được các quan niệm khác nhau về nhận thức. Bước đầu hiểu được nguồn gốc, bản chất của nhận thức; thực tiễn và vai trò của thực tiễn; hình dung được các giai đoạn của quá trình nhận thức và bước đầu nắm bắt được khái niệm, tính chất của chân lý.  - Trả lời câu hỏi thảo luận.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.3 |
| Tuần 8 (3t) | **Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử**  1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội | - Lý thuyết: giảng các nội dung cơ bản của chương 3, phần 1: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning, đọc giáo trình Triết học Mác-Lênin (tr.287-316) để bước đầu nắm được những khái niệm cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội như sản xuất vật chất, phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất...  - Làm bài test nhanh trên hệ thống.  - Chuẩn bị kiến thức cho câu hỏi thảo luận. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | - A1.1; - A1.2;  - A1.3 |
| Tuần 9(3t) | 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội (tiếp)  1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử-tự nhiên | - Lý thuyết: giảng các nội dung còn lại của phần 1 (chương 3).  - Thảo luận: SV trình bày nội dung thảo luận, nêu các thắc mắc, tranh luận với bạn học, cố gắng giải đáp các câu hỏi liên quan đến bài học. | - Tự học: SV nghe bài giảng E-learning và trả lời các câu hỏi TNKQ trên hệ thống. Đọc giáo trình triết học Mác- Lênin (tr.317-329) để hiểu được các thành tố cơ bản và cấu trúc tổng thể của một hình thái kinh tế - xã hội, những quy luật cơ bản chi phối các thành tố đó.  - Xây dựng câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận.  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | - A1.1; - A1.2;  - A1.3 |
| 10 | Chương 3  2. Giai cấp và dân tộc  2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp  2.2. Dân tộc  2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp – dân tộc – nhân loại  3. Nhà nước và cách mạng xã hội  3.1. Nhà nước  3.2. Cách mạng xã hội | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 2, mục 3 chương 3  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học | SV nghe bài giảng và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 329 – 419) để hiểu được lý luận về giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội theo quan điểm triết học Mác -Lênin như: nguồn gốc, đặc trưng của giai cấp; tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp; quan hệ giai cấp- dân tộc –nhân loại; nguồn gốc, bản chất của nhà nước, các kiểu nhà nước; nguồn gốc, bản chất của cách mạng xã hội…  - Trả lời câu hỏi thảo luận | CLO 1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 11 | 4. Ý thức xã hội  4.1.Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội  4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội  5. Triết học về con người  5.1. Con người và bản chất co người  5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lê nin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | -Lý thuyết: Thuyết trình kết hợp trình chiếu slide để giảng dạy các nội dung của mục 4, mục 5 chương 3  -Hướng dẫn thảo luận: GV tổ chức nhóm, cử trưởng nhóm và yêu cầu các thành viên trả lời các câu hỏi thảo luận  - Tự học: SV đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, các sách hỏi đáp triết học và các tài liệu khác phục vụ môn học | - SV nghe bài giảng trên trang E-learning và làm bài test nhanh trên E- learning  - Đọc giáo trình triết học Mác – Lênin (tr. 419 – 489) để hiểu được quan điểm của triết học Mác – Lênin về tồn tại xã hội, ý thức xã hội, mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; về con người và bản chất con người, hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người…  - Trả lời câu hỏi thảo luận  - Trả lời câu hỏi ôn tập và gửi lên LMS | CLO 1.1  CLO1.2 | A1.1  A1.2  A1.3 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM - KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC- LÊNIN**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**- Giảng viên 1: Nguyễn Thị Diệp**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC,ThS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0914447188 Email: diepgdct@gmail.com; [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác; Kinh tế phát triển.

**- *Giảng viên 2*: Nguyễn Thị Mỹ Hương**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Ths

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0915905578 Email: [huongmydhv@gmail.com](mailto:huongmydhv@gmail.com); hươngntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học, hội nhập kinh tế quốc tế...

**- Giảng viên 3: Đinh Trung Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC, PGS,TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0904252425 Email: [dinhtrungthanhdhv@gmail.com](mailto:dinhtrungthanhdhv@gmail.com); thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

**- Giảng viên 4: Nguyễn Thị Hải Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0962662626 Email: [haiyenna@gmail.com](mailto:haiyenna@gmail.com); yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị Mác – Lênin  (tiếng Anh):Political economics of Marxism and Leninism | | |
| - Mã số học phần:POL11002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Tất cả các chuyên ngành đào tạo đại học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☒ Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh thế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

**3. Mục tiêu học phần**

**- CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**- CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**- CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,7 |  |  |
| CLO1.2 | 0,3 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO3.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 (2.5) | *Giải thích* được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 (3.0) | *Vận dụng* lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội. | Thuyết trình; Thảo luận | Trắc nghiệm;  Hồ sơ học tập |
| CLO2.1 | A3 (3.0) | *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam | Tự học; Làm việc nhóm | Quan sát; Hồ sơ học tập |
| CLO3.1 | S2 (2.5) | *Có khả năng* phản biệncác quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị | Thảo luận; Làm việc nhóm | Hồ sơ học tập |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nôp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | 20% |
| CLO1.2 | 20% |
| - Seminar; nhóm trưởng nôp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO1.2 | 30% |
| CLO3.1 | 20% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 70% | 20% |
| CLO1.2 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 60% |  |
| CLO1.2 | 30% |
| CLO3.1 | 10% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] PGS.TS An Như Hải (Chủ biên), *110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác- Lênin*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2014.

[3] PGS.TS Phạm Quang Phan, PGS.TS Vũ Anh Tuấn, TS Tô Đức Hạnh (Đồng chủ biên) *Hướng dẫn học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Thống kê, 2005.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần,**  **số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | Chương 1: Đối tượng phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác – Lênin  1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 11-33; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 2 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 34 -56; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 3 (2) | Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường  2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường  2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 57 -82; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 4 (2) | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 5 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 84 -98; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 6 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư (tiếp)   * 1. Tích lũy tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 99 -109; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 7 (2) | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường  3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 110 - 122; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 9 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 124 - 136; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 10 (2) | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường TBCN  4.3. Biểu hiện mới của độc quyền và độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay, vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 136 - 166; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 11 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 12(2) | Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam  5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 170 - 219; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 13 (2) | Thảo luận nhóm nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 14 (2) | Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam  6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 224 - 283; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 15 (2) | - Thảo luận nhóm nội dung chương 6  - Tổng kết học phần | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận; tổng kết học phần | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên**  Nguyễn Thị Mỹ Hương |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA LUẬT HỌC**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**LUẬT HIẾN PHÁP**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1: Đinh Văn Liêm**

Chức danh, học hàm, học vị: *GV. Tiến sỹ*

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Trường Thi, Vinh, Nghệ An.

Điện thoại: 0977966094, email: *liemdhv@vinhuni.edu.vn*

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hiến pháp, Hiến pháp tư sản

**Giảng viên 2: Hồ Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: *GV. Tiến sỹ*

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Hưng Bình, Vinh, Nghệ An.

Điện thoại: 0988841040, email: *ngaht@vinhuni.edu.vn*

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hiến pháp, Chính quyền địa phương

**Giảng viên 3: Đoàn Minh Trang**

Chức danh, học hàm, học vị: *GV. Thạc sĩ*

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Hà Huy Tập, Vinh, Nghệ An.

Điện thoại: 0915105303, email: *dmtrang@vinhuni.edu.vn*

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hiến pháp, Hiến pháp tư sản

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hiến pháp  (tiếng Anh): Constitutional law | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Luật, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  x | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 40 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: tối thiểu 80% giờ lên lớp;  + Sinh viên phải nộp đầy đủ 1 bài tập nhóm, 1 bài tập cá nhân qua hệ thống LMS (Mục 5.1). Nộp sản phẩm (gồm: 1 bài tập nhóm, 1 bài tập cá nhân) trễ giờ theo quy định sẽ không được gia hạn nộp lần 2.  + Sinh viên tham gia Thi kiểm tra giữa kỳ theo quy định trong Đề cương  Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện trên  Sinh viên phải đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi lên lớp. Sinh viên không hoàn thành phần chuẩn bị theo quy định và nội dung tự học được giao sẽ không được tham gia giờ học; | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên tư duy hệ thống, tư duy phản biện các vấn đề có liên quan.

***Mục tiêu cụ thể:***

***-*** Sinh viên có kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhận diện được các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Hiến pháp;

- Sinh viên có khả năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, bình luận vụ việc, tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp;

- Sinh viên có khả năng nhận định vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | | | |
| PLO3.1 | PLO5.2 | PLO9.1 | PLO9.5 |
| CLO1 | IT |  |  |  |
| CLO2 | IT |  |  |  |
| CLO3 | IT |  |  |  |
| CLO4 |  | IT |  |  |
| CLO5 | IT |  |  |  |
| CLO6 | IT |  |  |  |
| CLO7 | IT |  |  |  |
| CLO8 |  |  | IT |  |
| CLO9 |  |  |  | IT |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần (CLO) | TĐNL | Mô tả CĐR học phần | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá |
| CLO 1 | 3 | Hiểu, nhận diện những vấn đề cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp | Hỏi đáp, thuyết giảng | Trắc ngiệm |
| CLO 2 | 3 | Hiểu những kiến thức cơ bản về các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam | Hỏi đáp, thuyết giảng | Trắc ngiệm |
| CLO3 | 3 | Hiểu kiến thức chế độ chính trị, kinh tế, xã hội | Hỏi đáp, thuyết giảng | Trắc ngiệm, Tự luận |
| CLO 4 | 4 | Hiểu, áp dụng kiến thức quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam | Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm | Trắc nghiệm,  Tự luận,  Bài tập nhóm |
| CLO5 | 3 | Hiểu kiến thức về Quốc hội | Hỏi đáp, thuyết giảng | Tự luận |
| CLO6 | 3 | Hiểu kiến thức về Chủ tịch nước | Hỏi đáp, thuyết giảng | Tự luận |
| CLO7 | 3 | Hiểu kiến thức về Chính phủ | Hỏi đáp, thuyết giảng | Tự luận |
| CLO8 | 4 | Hiểu kiến thức về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Thực hiện đặt vấn đề trong bối cảnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế | Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm | Tự luận |
| CLO9 | 4 | Hiểu kiến thức về Chính quyền địa phương và Thực hiện hoạt động đánh giá tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế | Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm | Tự luận,  Bài tập cá nhân |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài đánh giá | Hình thức đánh giá,  minh chứng, lưu hồ sơ | Công cụ  đánh giá | CĐR học phần | Tỷ lệ  (%) |
| A1. Đánh giá thường xuyên | | | | 30% |
| A1.1 | - Bài tập 1 (Bài tập nhóm -tuần 5): Vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực hiện một quyền con người, quyền công dân cụ thể trên thực tế  - SV nộp bài qua hệ thống LMS, thuyết trình trên lớp. Gv Đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO4 | 15% |
| A1.2 | Bài tập 2 (Bài tập cá nhân - tuần 13): Vận dụng kiến thức để đánh giá tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp cơ sở  - SV nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO9 | 15% |
| A2. Đánh giá giữa kỳ | | | | 20% |
| A2.1 | - Bài thi trắc nghiệm ( chương 1- chương 5): TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | 20% |
| A2.2 | - Bài thi trắc nghiệm ( chương 1- chương 5): TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | 20% |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | | | | 50% |
| A3.1 (Lý thuyết) | - Thi viết: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9 | 50% |
| Công thức tính điểm tổng kết: | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Rubric đánh giá tư duy hệ thống | | | |
| 1. Hiểu rõ bối cảnh, thông tin, sự kiện | - Không đặt vấn đề hệ thống trong bối cảnh tác động.  - Hiểu sai thông tin, sự kiện, câu hỏi  - Không xác định được các thông tin/sự kiện liên quan đến vấn đề | Đưa ra bối cảnh có ảnh hưởng đến vấn đề nhưng không đúng hoặc không đầy đủ  - Hiểu rõ, tóm tắt được thông tin, sự kiện liên quan đến vấn đề | Đưa ra được bối cảnh tác động đến vấn đề.  Hiểu rõ, tóm tắt được thông tin, sự kiện liên quan và biết sắp xếp, phân loại thông tin, sự kiện được trình bày/ thảo luận theo thứ tự ưu tiên |
| 2 điểm | 0 điểm | 1 điểm | 2 điểm |
| 2. Phân tích, lập luận vấn đề | - Chỉ kể ra được các thông tin/ sự kiện hiển nhiên, đơn giản sẵn có  - Các thông tin, sự kiện không có mối liên quan, không có tính toàn diện | - Xác định các lập luận có liên quan, có liên hệ vấn đề với thực tiễn  - Phân tích dựa trên quy định pháp luật hoặc thực tế nhưng không thuyết phục | - Xác định các lập luận logic, đầy đủ  - Xác định được suy luận hoặc yêu cầu cần làm sáng tỏ dựa trên quy định pháp luật  - Phân tích và đánh giá, xem xét, đánh giá vấn đề pháp lý trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác |
| 3 điểm | 1 điểm | 2 điểm | 3 điểm |
| 3. Kết luận | - Rút ra những kết luận dựa trên những cơ sở không liên quan | Đưa ra kết luận nhưng chưa có đầy đủ các thông tin/ sự kiện theo quy định pháp luật. | Đưa ra kết luận logic, toàn diện từ các thông tin, sự kiện |
| 3 điểm | 1 điểm | 2 điểm | 3 điểm |
| 4. Hình thức thể hiện | Câu văn không rõ nghĩa, khó hiểu, lan man, đánh lạc hướng người đọc.  Trình bày lan man, không theo hệ thống sắp xếp ý rõ ràng | Câu văn dễ hiểu, còn lỗi trình bày về sử dụng từ ngữ | Câu văn dễ hiểu, logic, từ ngữ chính xác.  Diễn giải bằng lời nói thuyết phục, phong cách tự tin, có lập luận. |
| 2 điểm | 0.5 điểm | 1 điểm | 2 điểm |
| Tổng |  |  | 10 điểm |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Giáo trình Luật Hiến pháp, NXB. Công an nhân dân, trường Đại học Luật Hà Nội, 2019

[2] [PGS.TS. Phan Trung Lý, [*Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*,](http://thuvien.vinhuni.edu.vn/opac/DmdInfo.aspx?mnuid=141&search_id=87799&search_field=TITLE&dmd_id=36663) NXB. Trường Đại học Vinh, 2010.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] PGS.TS Nguyễn Đăng Dung, *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, NXB Đại học quốc gia, HN - 2014.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần, số tiết | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | Yêu cầu SV chuẩn bị | CĐR học phần | Bài đánh giá |
| 1(4) | Chương 1.  Khái quát chung về Luật Hiến pháp  1.1. Vị trí của ngành luật HP trong hệ thống PL VN  1.2. Đối tượng điều chỉnh  1.3. Bản chất của HP | Ở lớp  - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013 | CLO1 | A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang -34; |
| 2(4) | Chương 2.  Sự ra đời và phát triển của nền lập Hiến Việt Nam | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác  -Hoạt động nhóm: vẽ, phân tích sơ đồ bộ máy nhà nước qua các thời kỳ | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 | CLO2 | A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 64-117  - Đọc Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 |
| 3(4) | Chương 3.  Chế độ chính trị nước CHXHCNVN | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013 | CLO3 | A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 129-158;  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 1 |
| 4 (4) | Thảo luận  Chương 1,2,3 | Ở lớp  Thảo luận nhóm  Thuyết trình | Các sản phẩm đã được giao chuẩn bị trước | CLO1  CLO2  CLO3 | A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  - Phương pháp tự học  - Họp nhóm | Chuẩn bị các câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận đã được giáo viên cung cấp trong các bài học lý thuyết |
| 5(4) | Chương 4.  Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ | - Hướng dẫn nghiên cứu ví dụ thực tế  - Thuyết giảng  - Thảo luận nhóm, thuyết trình | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013 | CLO4 | A1.1  A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 197-234  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 2 |
| 6(4) | Chương 5.  Kinh tế xã hội văn hóa giáo dục khoa học công nghệ và môi trường | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013 | CLO3 | A2.1  A2.2 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 245-280  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 3 |
| 7(4) | Thảo luận  Chương 4,5 | Ở lớp  Thảo luận nhóm  Thuyết trình | Các sản phẩm đã được giao chuẩn bị trước | CLO3  CLO4 | A1.1  A1.2 |
| Ở nhà  - Phương pháp tự học  - Họp nhóm | Chuẩn bị các câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận đã được giáo viên cung cấp trong các bài học lý thuyết |
| 8(4) | Chương 6.  Quốc hội | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác  -Hoạt động nhóm: tìm hiểu thực trạng hoạt động của Quốc hội | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức quốc hội | CLO5 | A3.1 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 237-426  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 5; Luật tổ chức quốc hội |
| 9(4) | Chương 7. Chủ tịch nước | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013 | CLO6 | A3.1 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 437-462  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 6 |
| 10(4) | Chương 8.  Chính phủ | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức chính phủ | CLO7 | A3.1 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 465-480  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 7; Luật tổ chức Chính phủ |
| 11 (4) | Thảo luận  Chương 6,7,8 | Ở lớp  Thảo luận nhóm  Thuyết trình | Các sản phẩm đã được giao chuẩn bị trước | CLO5  CLO6  CLO7 | A3.1 |
| Ở nhà  - Phương pháp tự học  - Họp nhóm | Chuẩn bị các câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận đã được giáo viên cung cấp trong các bài học lý thuyết |
| 12(4) | Chương 9. Tòa án nhân dân  Chương 10.  Viện kiểm sát nhân dân | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác  -Hoạt động nhóm: tìm hiểu thực trạng hoạt động của TAND | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân | CLO8 | A3.1 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 489-536  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 8; Luật tổ chức Tòa án nhân dân; Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân |
| 13(4) | Chương 11.  Chính quyền địa phương | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác  -Hoạt động nhóm: đưa ra quan điểm về các nhận định về Hội đồng nhân dân | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương | CLO9 | A3.1  A2.2 |
| Ở nhà  - Phương pháp tự học  - làm bài tập cá nhân | - Đọc tài liệu [1], trang 579-633  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 9; Luật tổ chức chính quyền địa phương |
| 14(4) | Chương 11.  Chính quyền địa phương (tiếp) | - Hỏi đáp  - Thuyết giảng tương tác  -Hoạt động nhóm: đưa ra quan điểm về các nhận định về Ủy ban nhân dân | Tài liệu [1] Giáo trình Luật Hiến pháp, Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương | CLO9 | A3.1 |
| Ở nhà  Phương pháp tự học | - Đọc tài liệu [1], trang 579-633  - Đọc Hiến pháp 2013 chương 9; Luật tổ chức chính quyền địa phương |
| 15 (4) | Thảo luận  Chương 9, 10,11 | Ở lớp  Thảo luận nhóm  Thuyết trình | Các sản phẩm đã được giao chuẩn bị trước | CLO8  CLO9 | A3.1 |
| Ở nhà  - Phương pháp tự học  - Họp nhóm | Chuẩn bị các câu trả lời cho các câu hỏi thảo luận đã được giáo viên cung cấp trong các bài học lý thuyết |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Giảng viên** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG KHXH&NV**  **KHOA DL&CTXH** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: TS. Võ Thị Cẩm Ly***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CTXH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0962248209; [lyvtc@vinhuni.edu.vn](mailto:lyvtc@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội.

***Giảng viên 2: TS. Ông Thị Mai Thương***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0977005095; [ongmaithuong@vinhuni.edu.vn](mailto:ongmaithuong@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học, Công tác xã hội, chính sách xã hội

***Giảng viên 3: ThS. Phan Thị Thuý Hà***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0914912918; haptt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

***Giảng viên 4: ThS. Phùng Văn Nam***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0941250777; phungvannam@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, An sinh xã hội, Xã hội học

***Giảng viên 5: ThS. Nguyễn Thị Hoài An***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0868214777; annth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

***Giảng viên 6: ThS. Trần Thị Khánh Dung***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0967237108; [dungttk@vinhuni.edu.vn](mailto:dungttk@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

***Giảng viên 7: ThS. Phạm Thị Oanh***

Địa chỉ liên hệ: Khoa DL&CXTH, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, Email: 0986529426; [oanhpt@vinhuni.edu.vn](mailto:oanhpt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Công tác xã hội, Xã hội học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Xã hội học đại cương  (tiếng Anh): General Sociology | | | |
| - Mã số học phần: SOW20001 | | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Công tác xã hội | | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03 | | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | | |  |
| * Điều kiện đăng ký học: Không | | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh.  Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% trở lên  + Sinh viên phải nộp đầy đủ các sản phẩm theo quy đinh | | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Du lịch và Công tác xã hội  Điện thoại: 0962248209 Email: [lyvtc@vinhuni.edu.vn](mailto:lyvtc@vinhuni.edu.vn) | | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Xã hội học đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành Khoa học xã hội và nhân văn trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật, Công tác xã hội, báo chí và Du lịch. Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về đối tượng nghiên cứu, lịch sử phát triển, các lý thuyết xã hội học hiện đại, phương pháp nghiên cứu xã hội học thực nghiệm và hệ thống khái niệm chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quy luật phát triển của các hệ thống xã hội, cấu trúc xã hội và nhiều vấn đề xã hội đương đại.Học phần rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, phân tích các hiện tượng xã hội trong đời sống ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng cần thiết như thuyết trình, giao tiếp, tư duy độc lập và tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành đáp ứng yêu cầu của xã hội.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Xã hội học đại cương giúp cho người học nắm bắt được những phạm trù khái niệm cơ bản và phương pháp nghiên cứu của Xã hội học. Với hoạt động giảng dạy, học tập tiếp cận CDIO, người học sẽ được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm đa ngành cũng như thái độ tích cực, chủ động tự tìm kiếm tài liệu, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu. Ngoài ra, người học có thể nhận diện và phân tích sự tác động của bối cảnh xã hội đến các hành vi của con người, nhóm và cộng đồng trong đời sống thực tiễn.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |  |
| PLO 1.1 | | PLO1.2 | PLO 2.1 | PLO 3.1 | PLO 4.1 |
| 1.1.2 | 1.2.3 | | 2.1.1 | 3.1.2 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | 1,0 |  | |  |  |  |
| CLO1.2 |  | 1,0 | |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | | 1,0 |  |  |
| CLO3.1 |  |  | |  | 1,0 |  |
| CLO4.1 |  |  | |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày các lý thuyết, lịch sử ra đời và phát triển, khái niệm cơ bản của xã hội học. | Thuyết trình,  Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm,  tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Trình bày quy trình nghiên cứu và các phương pháp thu thập thông tin của xã hội học | Thuyết trình  Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm,  tự luận |
| CLO2.1 | S2 | Thể hiện thái độ chuyên nghiệp trong quá trình thảo luận nhóm | Thảo luận nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S2 | Tham gia hoạt động trong các nhóm đa ngành | Thảo luận nhóm | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1 | C3 | Nắm bắt các vấn đề xã hội và ảnh hưởng của môi trường xã hội đến hành vi của cá nhân, nhóm và cộng đồng. | Thuyết trình,  Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm, tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ % trong đánh giá học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO 2.1 | 50% | 10 % |
| CLO 3.1 | 50% |
| A1.2 | Bài tập cá nhân  Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO 1.1 | 50% | 10% |
| CLO 2.1 | 50% |
| A1.3 | Bài thảo luận nhóm  Nạp bài qua Elearning; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 3 | CLO 1.2 | 50% | 10% |
| CLO 2.1 | 25% |
| CLO 3.1 | 25% |
| A 1.4. | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Đáp án | CLO 1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A 2.1 | - Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ. | Đáp án | CLO 1.1 | 60% | 100% |
| CLO 4.1 | 40% |
| **Công thức tính điểm tổng kết: Điểm TKHP = (A1.1 x 0,1 + A1.2 x 0,3 + A1.3 x 0,3 + A1.4 x 0,3) x 0,5 + A2.1 x 0,5** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | |  | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| Mức độ tham dự theo TKB | Tham dự từ 95% buổi học trở lên | Tham dự 90%-dưới 95% buổi học | Tham dự 85%-dưới 90% buổi học | Tham dự  80%-dưới 85% buổi học | Tham dự  <80% buổi học | 50% |
| Mức độ tham gia các hoạt động học tập | Nhiệt tình phát biểu, trả lời từ 10-12 câu hỏi | Phát biểu, trả lời từ 7-9 câu hỏi | Phát biểu, trả lời từ 4-6 câu hỏi | Phát biểu, trả lời từ 1-3 câu hỏi | Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp | 50% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | |  | **Trọng số (%)** |
| **A**  (8.5-10) | **B**  (7.0-8.4) | **C**  (5.5-6.9) | **D**  (4.0-5.4) | **F**  (0-3.9) |
| Nội dung bài tập | Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên | Đáp ứng 70% đến 84% yêu cầu | Đáp ứng 55% đến 69% yêu cầu | Đáp ứng 40% đến 54% yêu cầu | Đáp ứng dưới 40% yêu cầu | 70 |
| Hình thức trình bày bài tập | Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả | Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19% | Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49% | Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69% | Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên | 30 |

***Rubric 3: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | |  | **Trọng số (%)** |
| **A**  (8.5-10) | **B**  (7.0-8.4) | **C**  (5.5-6.9) | **D**  (4.0-5.4) | **F**  (0-3.9) |
| Nội dung báo cáo | Đáp ứng 85% yêu cầu trở lên | Đáp ứng 70% đến dưới 84% yêu cầu | Đáp ứng 55% đến dưới 69% yêu cầu | Đáp ứng 40% đến dưới 54% yêu cầu | Đáp ứng dưới 40% yêu cầu | 50 |
| Hình thức trình bày báo cáo | Phông, kích cỡ chữ phù hợp; không lỗi chính tả | Phông, kích cỡ chữ khá phù hợp; lỗi chính 1%-19% | Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 20%-49% | Phông, cỡ chữ không phù hợp; lỗi chính 50%-69% | Nhiều phông, cỡ chữ; lỗi chính tả từ 70% trở lên | 20 |
| Thuyết trình báo cáo | Nói to rõ, tự tin, thuyết phục, trả lời đúng tất cả các câu hỏi | Nói khá rõ, khá tự tin, khá thuyết phục, trả lời đúng 80%-99% câu hỏi | Nói khá rõ, không tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 60%-79% câu hỏi | Nói không rõ, khá tự tin, ít thuyết phục, trả lời đúng 40%-59% câu hỏi | Nói không rõ, thiếu tự tin, không thuyết phục, trả lời đúng dưới 40% câu hỏi | 20 |
| Tham gia thảo luận | 100% thành viên tham gia | Từ 80%-99% thành viên tham gia | Từ 60%-79% thành viên tham gia | Từ 40%-59% thành viên tham gia | Dưới 40%-thành viên tham gia | 10 |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, *Giáo trình xã hội học đại cương,* NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2016.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), *Xã hội học,* NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2015.

[3] Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu Xã hội học,* NXB Đại học quốc gia Hà Nội,2004.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1  (3 tiết) | **Chương 1: Đối tượng, chức năng và lịch sử ra đời, phát triển của Xã hội học**   * 1. Khái niệm xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học   1.2. Chức năng của XHH | - Giới thiệu đề cương chi tiết học phần.  - Thuyết trình | - Chuẩn bị giáo trình Xã hội học đại cương  - Đọc tài liệu 1 trang 15 -31  Tự học: chức năng tư tưởng | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| 2  (3 tiết) | 1.3 Điều kiện, tiền đề của sự ra đời và phát triển xã hội học  **Bài tập cá nhân:** Mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác, liên hệ với ngành học bản thân. | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức.  - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 15 -31  - Tự học: Góc nhìn của Xã hội học | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.4  A2.1 |
| 3  (3 tiết) | 1.4 Đóng góp của một số nhà xã hội học kinh điển  1.5 Quan hệ giữa xã hội học với một số ngành khoa học khác | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức | - Đọc tài liệu 1 trang 37-72  - Tự học : một số tác giả kinh điển Spencer, E. Durkheim | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.3  A1.4  A2.1 |
| 4  (tiết) | **Chương 2: Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu Xã hội học**  2.1. Một số lý thuyết cơ bản trong XHH  2.1.1. Lý thuyết cấu trúc chức năng  2.1.2. Lý thuyết xung đột xã hội  2.1.3. Lý thuyết tương tác biểu trưng | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức. | - Đọc tài liệu 1 trang 79-91  - Tự học: Lý thuyết cấu trúc chức năng | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 5  (3 tiết) | 2.2 Phương nghiên cứu XHH  2.2.1. Khái quát chung về nghiên cứu xã hội học  2.2.1.1. Khái niệm  2.2.1.2. Các dạng nghiên cứu xã hội học  2.2.2. Các bước tiến hành một nghiên cứu xã hội học cụ thể  2.2.2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu và đặt tên đề tài  2.2.2.2. Tổng quan tài liệu  2.2.2.3. Xác định mục đích nghiên cứu, đề xuất câu hỏi/giả thuyết nghiên cứu  2.2.2.4. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu  2.2.2.5. Xử lý, phân tích dữ liệu và viết báo cáo | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức.  - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 103 - 118   * + - 1. - Tự học: Các loại nghiên cứu | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 6  (3 tiết) | **Thảo luận nhóm**  2.2 Phương nghiên cứu XHH  2.2.3.1 Phân tích tài liệu  2.2.3.2 Quan sát  2.2.3.3. Phỏng vấn sâu  2.2.3.4. Thảo luận nhóm tập trung  2.2.3.5. Điều tra bằng bảng hỏi  *Bài tập nhóm 1:* Hãy viết đề cương nghiên cứu của 1 đề tài nghiên cứu cụ thể | - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 118 - 123  - Tự học: Phương pháp Quan sát | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 7  (3 tiết) | **Chương 3:** **Hành động xã hội, Tương tác xã hội và Quan hệ xã hội**  3.1 Hành động xã hội  3.3.1 Khái niệm hành động xã hội  3.3.2. Phân loại hành động xã hội  3.2 Tương tác xã hội  3.2.1. Khái niệm tương tác xã hội  3.2.2. Phân loại tương tác xã hội | * + - 1. - Thuyết trình       2. - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 133 - 161  - Tự học: Phân loại tương tác xã hội và quan hệ xã hội | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 8  (3 tiết) | **Chương 4: Cấu trúc và thiết chế xã hội**  4.1 Khái niệm cấu trúc xã hội  **4**.1.1. Khái niệm cấu trúc xã hội  4.1.2. Các thành tố của cấu trúc xã hội  4.2 Các khái niệm liên quan đến cấu trúc xã hội | * + - 1. - Thuyết trình   Ôn tập, củng cố kiến thức. | - Đọc tài liệu 1 trang 166 - 174  - Tự học: Một số thuật ngữ cốt lõi liên quan đến cấu trúc xã hội | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 9  (3 tiết) | 4.3. Thiết chế xã hội  4.2.1. Khái niệm thiết chế xã hội  4.2.2. Đặc trưng của thiết chế xã hội  4.2.3. Chức năng của thiết chế xã hội  4.2.4. Các thiết chế xã hội cơ bản  4.4. Các thiết chế xã hội cơ bản | * + - 1. - Thuyết trình   - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 186 - 224  - Tự học: Sự biến đổi của các chức năng của thiết chế xã hội | CLO1.2  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 10  (3 tiết) | **Chương 5: Bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, di động xã hội**  5.1. Bất bình đẳng xã hội  5.2.1. Khái niệm bất bình đẳng xã hội  5.2.2. Các kiểu bất bình đẳng xã hội  5.2 Phân tầng xã hội  5.1.1. Khái niệm phân tầng xã hội  5.1.2. Các kiểu phân tầng xã hội | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức. | - Đọc tài liệu 1 trang 241 - 250  - Tự học: Di động xã hội | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 11  (3 tiết) | **Chương 6: Văn hóa, Xã hội hóa và Biến đổi xã hội**  6.1 Văn hóa  6.1.1 Khái niệm văn hóa  6.1.2. Các thành tố của văn hóa | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức. | - Đọc tài liệu 1 trang 282 - 311  - Tự học: Cấu trúc của văn hóa; các loại hình văn hóa | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 12  (3 tiết) | 6.2 Xã hội hóa  6.2.1. Khái niệm xã hội hóa | * + - 1. - Thuyết trình       2. - Làm việc nhóm | - Đọc tài liệu 1 trang 318 - 345  - Tự học: Quan niệm về quá trình xã hội hóa theo một số tác giả | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 13  (3 tiết) | 6.2 Xã hội hóa (tiếp)  6.2.2. Môi trường xã hội hóa | * + - 1. - Thuyết trình   - Ôn tập, củng cố kiến thức. | - Đọc tài liệu 1 trang 318 - 345  - Tự học: Phân đoạn của quá trình xã hội hóa | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 14  (3 tiết) | 6.3 Biến đổi xã hội  6.3.1. Khái niệm biến đổi xã hội  6.3.2. Đặc điểm của biến đổi xã hội | * + - 1. - Thuyết trình   - Làm việc nhóm | Đọc tài liệu 1 trang 349 - 361   * + - 1. - Tự học: Điều kiện dẫn đến biến đổi xã hội | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 15  (3 tiết) | 6.3 Biến đổi xã hội (tiếp)  6.3.3. Nguyên nhân của biến đổi xã hội | - Ôn tập củng cố kiến thức  - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1 trang 349 - 361  - Tự học: ôn tập | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP 2** | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Trung** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1**

Họ và tên: Lê Thị Tuyết Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: TS.GVC

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: Email: lehanh@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Trần Thị Phương Thảo

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hà Huy Tập – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0904392924 Email: [thaottp@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp@vinhuni.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Hoàng Thị Chung

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Dũng – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0985 98 9116 Email: chunght@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Phạm Thị Lương Giang

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Quang Trung – Thành phố Vinh

Điện thoại: 0983 717782 Email: giangptl@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

**Giảng viên 5**

Họ và tên: Nguyễn Thị Lành

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên – Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành, khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Phường Hưng Bình – Thành phố Vinh

Điện thoại:  0936531777 Email: lanhnt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: So sánh đối chiếu

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **TIẾNG ANH 2**  (tiếng Anh): **ENGLISH 2** | | |
| - Mã số học phần: ENG0001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Học phần chung cho các ngành đại học chính quy | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 03  + Số tiết lý thuyết: 30  + Số tiết thảo luận/bài tập:  + Số tiết thực hành: 30  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 0  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Tiếng Anh 1 | | Mã số HP: ENG0002 |
| - Yêu cầu của học phần:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Ngoại ngữ chuyên ngành – Khoa Sư phạm Ngoại ngữ  Điện thoại: 0898606686 Email: hanhltt@vinhuni.edu.vn | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần ***Tiếng Anh 2*** thuộc khối kiến thức đại cương bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (30 tiết). Các kiến thức ngôn ngữ ở học phần này tiếp nối học phần tiếng Anh 1 và ở mức độ cao hơn. Trong học phần này, người học được phát triển các kĩ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống quen thuộc, đồng thời phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần ***Tiếng Anh 2*** được dạy – học theo định hướng giao tiếp. Kết thúc học phần này, người học có thể được (1) trang bị các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và thực hành phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống hàng ngày; (2) phát triển kĩ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực; (3) Xây dựng và thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ hiệu quả hơn.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Các chương trình Đào tạo bổ sung theo CTĐT của ngành)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| CĐR học phần | PLO3.x.x | PLO3.x.x | PLO3.x.x |
| Tiếng Anh | Làm việc nhóm | Giao tiếp |
| CLO3.1 | 1,0 |  |  |
| CLO3.2 |  | 1,0 |  |
| CLO3.3 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

| **CĐR học phần** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO3.1 | S2 | Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày. | Tự học, thuyết trình, thảo luận | Trả lời câu hỏi trắc nghiệm; Chấm thuyết trình, Chấm sản phẩm viết |
| CLO3.2 | S3 | Hình thành được kĩ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả. | Thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm | Quan sát và chấm kĩ năng làm việc nhóm; Đánh giá đồng đẳng |
| CLO3.3 | S3 | Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản. | Thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm | Quan sát thao tác thực hành; Chấm sản phẩm làm nhóm |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1. Bài tập e-Learning | Bài tập giao cho cá nhân trên LMS và trên lớp  (Tính điểm trung bình chung cho tất cả các bài tập) | Điểm scorm Đáp án | CLO 3.1 | 100% | 10% |
| A1.2. Bài tập trắc nghiệm số 1 | Bài tập trắc nghiệm Unit 6,7,8 | Đáp án | CLO 3.1 | 100% | 10% |
| A1.3. Bài thuyết trình, bài tập nhóm | Đánh giá bài tập nhóm trên lớp, bài thuyết trình về chủ đề đã học | Rubric 1  Rubric 2 | CLO 3.2 | 70% | 20% |
| CLO 3.3 | 30% |
| A1.4. Bài viết | Đánh giá kỹ năng viết (thư, email) của sinh viên | Rubric 3 | CLO 3.1 | 100% | 10% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1. Bài tập trắc nghiệm số 2 | Bài tập trắc nghiệm Unit 9,10,11,12 do trung tâm ĐBCL tổ chức | Đáp án | CLO 3.1 | 100% | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần:**  Điểm học phần = **(A1.1+A1.2+A1.3\*2+A1.4+A2.1\*5)/10** | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

*5.2.1. Rubric 1 cho bài đánh giá A1.3*

**Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá)**

| **Tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.0**  **(XS - Tốt)** | **1.5**  **(Khá)** | **1.0**  **(Đạt)** | **0.5 – 0**  **(Chưa đạt)** |
| **1. Nội dung trình bày**  ***(2 điểm)*** | Bố cục lô gíc, đầy đủ; thông tin chính xác, khoa học, đúng trọng tâm; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục khá lô gíc, đầy đủ; thông tin chưa thực sự chính xác, chưa khoa học; có thông tin mới, cập nhật. | Bố cục chưa lô gíc, chưa đầy đủ; có một số nội dung chưa đúng trọng tâm; có thông tin mới nhưng không nhiều và chưa cập nhật. | Bố cục thiếu từ 2 phần trở lên; thông tin không chính xác; nhiều nội dung không đúng trọng tâm; không có thông tin mới, cập nhật. |
| **2. Hình thức thuyết trình (slide trình chiếu)**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức trình bày tốt *(hình ảnh khá sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu hợp lý, dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợphù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo và gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức khá tốt*(hình ảnh chưa sắc nét và kích thước khá phù hợp, cỡ chữ trình chiếu khá hợp lý,khá dễ nhìn)*; sử dụng công cụ hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với nội dung.  - Thể hiện sự sáng tạo nhưng chưa thực sự gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức chưa tốt (*hình ảnh không sắc nét và kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn, phông*); có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng chưa phù hợp nội dung.  - Chưa thể hiện sự sáng tạo và chưa gây ấn tượng đối với khán giả. | - Hình thức trình bàydường như chưa đạt yêu cầu*(không có hình ảnh hoặc có nhưng kích thước quá nhỏ, cỡ chữ trình chiếu chưa hợp lý, khó nhìn*); không hoặc có sử dụng công cụ hỗ trợ nhưng không phù hợp nội dung.  - Không thể hiện sự sáng tạo và không gây ấn tượng gì đối với khán giả. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ lời nói và phi ngôn ngữ**  ***(2 điểm)*** | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thểhợp lý và tự nhiên. | - Ngôn ngữ trình bày rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, song chưa thực sự truyền cảm và thuyết phục người nghe.  - Có sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể, song đôi khi chưa hợp lý và chưa tự nhiên. | - Trình bày chưa rõ ràng, khá dài dòng và hơi khó hiểu và chưa thuyết phục người nghe.  - Ít sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. Nếu có sử dụng nhưng không hợp lý và không tự nhiên. | - Trình bày không rõ ràng, dài dòng và khó hiểu, không thuyết phục người nghe.  - Không sử dụng ngôn ngữ khuôn mặt, cử chỉ tay chân và cơ thể. |
| **4. Tương tác với khán giả**  ***(2 điểm)*** | - Sử dụng các hình thức tương tác phù hợp và hiệu quả *(nhìn, lắng nghe, gây chú ý, khuyến khích khán giả).*  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả đầy đủ, chính xác, súc tích. | - Sử dụng các hình thức tương tác đôi khi chưa phù hợp và hiệu quả.  - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của khán giả khá đầy đủ, chính xác. | - Ít sử dụng các hình thức tương tác và nếu có thì dường như ít phù hợp và ít hiệu quả.  - Trả lời câu hỏi của khán giả chưa đầy đủ, chính xác, và chưa đưa ra được câu hỏi cho khán giả. | - Không sử dụng hình thức tương tác nào hoặc nếu có thì không phù hợp và không hiệu quả.  - Dường như không trả lời và không đưa ra được câu hỏi cho khán giả. |
| **5. Quản lí thời gian& hợp tác nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Thời gian trình bày đúng thời gian quy định.  - Phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn so với thời gian quy định nhưng không đáng kể (khoảng 1-2 phút).  - Phân chia công việc khá hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm hơn khá nhiều so với thời gian quy định (khoảng 3-4 phút).  - Phân chia công việc chưa hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và ít có sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. | - Thời gian trình bày nhanh/ chậm rất nhiều hơn so với thời gian quy định (từ 5 phút trở lên).  - Phân chia công việc không hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và dường như không sự hỗ trợ, kết hợp giữa các thành viên khi lên thuyết trình. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 (bằng chữ: …………………………………………..………….…………)** | | | | |

*5.2.2. Rubric 2 cho bài đánh giá A1.3*

**Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |  |
| **2** | **1.5** | **1** | **0.5** | **0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  **(2 điểm)** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. | Không nhận nhiệm vụ |
| **2. Tham gia xây dựng hoạt động của nhóm**  **(2 điểm)** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | Không tham gia |
| **3. Tôn trọng quyết định chung**  **(2 điểm)** | Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Đôi khi không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Nhiều lúc không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Dường như không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm. | Không tôn trọng quyết định của nhóm |
| **4. Kết quả làm việc**  **(2 điểm)** | Có sản phẩm tốt, và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. | Không có sản phẩm |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  **(2 điểm)** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. | Không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………….………………………………………)** | | | | | |

*5.2.3. Rubric 3 cho bài đánh giá A1.4*

| **Categories**  **(Tiêu chí)** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **4** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Ideas**  **(Ý tưởng)** | Ideas were expressed in a clear manner, but the organization could have been better. | Ideas were expressed in a pretty clear manner, but the organization could have been better. | Ideas were somewhat organized but were not very clear. It took more than one reading to figure out what the letter was about. | The letter seemed to be a collection of unrelated sentences. It was very difficult to figure out what the letter was about |
| **Format**  **(Hình thức)** | Complies with all the requirements for an informal letter. | Complies with almost all the requirements for an informal letter | Complies with several of the requirements for an informal letter. | Complies with less than 75% of the requirements for an informal letter. |
| **Organization**  **(Tổ chức)** | Organize information and reason coherently. Use correct linking words | Well organized information and reasoning. Use basic linking words, but sometimes they are repetitive or incorrect. | Present information and reason with a series of simple sentences that are linked together with basic and common words. | There is little sign of organization. |
| **Vocabulary**  **(Từ vựng)** | Use vocabulary related to the whole familiar topics | Use vocabulary related to the familiar subjects and sometimes also use this repeated vocabulary | Control the basic words | Use limited vocabulary. |
| **Grammar**  **(Ngữ pháp)** | Sentences are complete, well-constructed and of varied structure. Writer makes no errors in grammar or spelling. | All sentences are complete and well-constructed (no fragments, no run-ons). Writer makes 1-2 errors in grammar and/or spelling. | Most sentences are complete and well-constructed. Writer makes 3-4 errors in grammar and/or spelling | Many sentence fragments or run-on sentences. Writer makes more than 4 errors in grammar and/or spelling. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………………………………………)** | | | | |

**6. Nguồn học liệu**

***Giáo trình:***

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-intermediate*. Asia ELT/School.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary* . Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Intermediate*. Asia ELT/School.

**7. Kế hoạch giảng dạy**

*Phương tiện hỗ trợ giảng dạy*: bảng, phấn, máy chiếu, máy tính, loa, phần mềm LIFE online

*Cách thức kiểm tra đánh giá kết quả tự học*: Thông qua các bài tập trên phần mềm Self-study và assignments. Ngoài ra GV có thể kiểm tra bài tập về nhà, các bài kiểm tra tại lớp, nhiệm vụ nhóm.

| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | | **Hoạt động của SV** | | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **1. Course introduction**  1.1. Requirements and Assessment  1.2. Online class sign in  1.3. Group devision | Lecturing  Discussion | - Getting a copy of the textbook (Life - Pre-intermediate)  - Logining into online class  - Joining one’s group | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1 |
| **2. Unit 6**  **2.1. 6a: Changing your life**  2.1.1. Vocabulary: stages in Life  2.1.2. Grammar: verb pattern + to infinitif  2.1.3. Pronunciation: /tə/  3.1.4. Practice | Individual work  Pair work | - Working individually to complete the vocabulary task in the coursebook  -Doing grammar exercises and pronunciation practice | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.2 |
| 2 | **2.2. 6b. World party**  2.2.1. Reading: World party  2.2.2. Vocabulary: celebrations  2.2.3. Grammar: Future forms  2.2.4. Listening: Mardi Gras  2.2.5. Speaking: plan and prepare a celebration  **2.3. 6c: Masai rite of passage**  2.3.1. Reading: Masai rite of passage  2.3.2. Critical thinking: identifying key information  2.3.3. Word focus: Get | Lecturing  Individual work  Group work | - Reading World party answering the given questions and checking with friends and then the teacher.  - Doing grammar exercises to identify the form and use of futire forms;  - Group work: speaking about celebrations.  - Reading “Masai rite of passage” and answering given questions.  - Developing critical thinking by identifying key information  - differentiate the use of “Get” | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.2 |
| 3 | **2.4. 6d: An invitation**  2.4.1. Real life: inviting, accepting and declining  2.4.2. Pronunciation: emphasizing words  **2.5. 6e: A wedding in Madagascar**  2.5.1. Writing: a description  2.5.2. Writing skill: descriptive adjectives  **2.6. 6f: Steel drum (optional)**  **2.7. Review** | Individual work  Pair work  Online writing | - Listening to 2 conversations and identifying structures expressing the invitation/ acceptance and decline;  - Practice Pronunciation -with each others  - working in pair to practice the invitation conversation;  - Practising writing a description;  - Practising writing skill by using different adjectives;  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.2 |
|  | **3. Unit 7: Work**  **3.1. 7a: X-ray photographer**  3.1.1. Grammar: Prepositions of placement and movement  3.1.2. Pronunciation: Intrusive /*w*/  3.1.3. Listening: the photographer Nick Veasey  3.1.4. Vocabulary: office equipment  3.1.5. Practice | Lecturing  Group work  Individual work | - Identifying the difference in use between different preposition of placement and movement by practising doing grammar exercises;  - Practising pronunciation  - Working with friends to practice new words  - Practising listening | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.2 |
| 4 | **3.2. 7b: The cost of new jobs**  3.2.1. Grammar: Present perfect simple  3.2.2. Listening: The changes in the region  3.2.3. Speaking: asking ans answering questions relating familiar topics  **3.3. 7c: Twenty-first century cowboys**  3.3.1.Vocabulary: Job sastifaction  3.3.2. Reading: Twenty-first century cowboys  3.3.3. Word focus: make or do  3.3.4. Critical thinking: the author’s opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | Think – pair - share  - Thinking the big change in life and share with friends  - Identifying the meaning and use of Present Perfect Simple and practice with exercises.  - Reading the article “Twenty-first century cowboys” and answering comprehension questions  - Differentiating the use of “make” and ‘do”  - Developing critical thinking through identifying the author’s opinion. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.2 |
| 5 | **3.4. 7d: A job interview**  3.4.1. Vocabulary: Job adverts  3.4.2. Real life: Job interview  **3.5. 7e: Applying for a job**  3.5.1. Writing: a CV  3.5.2. Writing skill: action verbs for CVs  **3.6. 7f: Butler school (optional)**  **3.7. Review** | Lecturing  Group work  Pair work  Individual work | - Recognizing and using appropriate words relating to jobs  - Practising a job interview after listening to a sample  - Writing a CV following the provided sample and using different actions verbs;  - Writing a complete CV of one’s own and post on google doc. | |  | |  |
| **Kiểm tra giữa kì (unit 6,7,8)** | | | | | | | A1.2 |
| 6 | **4. Unit 8: Technology**  **4.1. 7a: Invention for the eyes**  4.1.1. Listening: science programme about the glasses  4.1.2. Grammar: defining relative clauses  4.1.3. Practice  4.1.4. Speaking: talking about an imaginary robot | Lecturing  Individual work  Group work | - Listening about a science programme about the glasses and identifying the main and then detail information from the listening;  - Finding out the meaning and use of relative clauses by doing grammar exercise;  - Group working and discussing about an imaginary robot. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
|  | **4.2. 8b: Technology for explorers**  4.2.1. Vocabulary: The Internet  4.2.2. Grammar: Zero and first conditional  4.2.3. Reading: NGM BlogWild  4.2.4. Pronunciation: intonation in conditional sentences  **4.3. 8c: Design from Nature**  4.3.1. Reading: Design from Nature  4.3.2. Word focus: have  4.3. 3 Critical thinking: reading between the lines | Individual work  Pair work | - Doing vocabulary exercises relating to the Internet;  - Doing grammar exercises with zero and first conditional  - Practising pronunciation  - Indentifying key information from the reading “Design from Nature”;  - Developing crtitical thinking through reading tasks. | |  | |  |
| 7 | **4.4. 8d: Gadgets**  4.4.1. Vocabulary: Technology verbs  4.4.2. Real life: asking how something works  **4.5. 8e: An argument for technology**  4.5.1. Writing a paragraph  4.5.2. Writing skill: connecting words  **4.6. 8f: Wind power (optional)**  **4.7. Review** | Individual work  Pair work | - Identifying the appropriate verbs and nouns about technology;  - Practising asking and explaining how something works  - Recognizing the format of writing a paragraph , using connecting words in a paragraph  - Writing a paragraph about technology  - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 8 | **5. Unit 9: Language and learning**  **5.1. 9a: Ways of learning**  5.1.1. Vocabulary: Education  5.1.2. Pronunciation: stress in two-syllabe words  5.1.3. Grammar: Present simple passive/ by + agent  5.1.4. Speaking: discuss given topics  **5.2. 9b: The history of writing**  5.2.1. Grammar: Past Simple passive  5.2.2. Practice | Lecturing  Individual work  Group work | - Differentiating the use of education vocabulary;  - Practising pronunciation of two-syllabe words;  - Doing grammar exercices relating to present and past simple passive;  - Working with group members and talking about the given topics in Ex 10 (p.107) | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 9 | **5.3. 9c: Saving languages**  5.3.1. Reading: Saving languages  5.3.2. Vocabulary: Phrasal verbs  5.3.3. Critical thinking: fact or opinion | Lecturing  Individual work  Pair work | - Identifying the form, meaning and use of phrasal verbs in the reading;  - Reading the text individually to answer the questions and discussing with friends about the answer.  - Developing the critical thinking skill: identifying fact or opinion. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
|  | * 1. **9d**: **Enrolling on a course**      1. Reading and speaking      2. Real life: describing a process   2. **9e: Providing information**      1. Writing: filling in a form      2. Writingskill: providing the correct information.   3. **9f: Disappearing voices (optional)**   4. **Review** | Lecturing  Group work  Presentation | * Working in groups and discussing the evening classes; * Working in pair and practising conversations by using expressions to describe a process; * Learn how to fill in a form | |  | |  |
| 10 | 1. U**nit 10: Travel and Holiday**   **6.1. 10a: Holiday stories**  6.1.1. Reading: Holiday stories  6.1.2. Grammar: Past perfect simple/ subject-object questions.  6.1.3. Practice  6.1.4. Speaking: ask questions about one’s holiday  **6.2. 10b: Adventure holidays**  6.2.1. Grammar: ed/ing adjectives  6.2.2. Vocabulary: Holiday adjectives  6.2.3. Listening: Radio interview about holiday | Lecturing  Pair work  Individual work | - Discovering cultural differences through reading text “Holiday stories”;  - Recognizing the form, meaning and use of Past perfect simple/ subject-object questions by doing grammar exercises;  - Working with friends, taking turns to ask questions about each other’s holiday or journey;  - Recognizing the differences in use and meaning of ed/ing adjectives;  - using appropriate adjectives to describe a holiday. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 11 | **6.3. 10c: A tour under Paris**  6.3.1. Reading: A tour under Paris  6.3.2. Critical thinking: reading between the lines  6.3.3. Vocabulary: places in a city   * 1. **10d: At tourist information**   6.4.1. Real life: direct and indirect questions  6.4.2. Pronunciation: /ʤə/  **6.5. 10e: Requesting information**  6.5.1. Writing: a formal letter  6.5.2. Writing skill: formal expressions  **6.6. 10f: Living in Venice (optional)**  **6.7. Review** | Individual work  Role play  Group work | - Reading the text individually and answer the related questions  - Developing the critical thinking through answering reading questions  - Role playing to practice asking direct and indirect questions  -Practising writing a formal letter and post it on google doc | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 12 | 1. **Unit 11: History**    1. **11a. An ancient civilisation**       1. Vocabulary: archeology       2. Listening: an interview with an archeologist       3. Grammar: Used to       4. Pronunciation: /s/ or /z/    2. **11b: Modern History**       1. Reading: Moments in space history       2. Grammar: Reported speech       3. Vocabulary: Say or Tell | Individual work  Role play  Group work | * Reading about the structure *used to* and make two sentences with this structure. * Thinking of some important historical events about some of these topics: world politics, famous individuals, space exploration, culture and the arts, countries and cities, technology.   - Recognizing the form and use of Reported speech by doing grammar exercises; | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 13 | * 1. **11c: The life of Jane Goodall**      1. Reading: The life of Jane Goodall      2. Critical thinking: relevance      3. Word focus: set   2. **11d: A journey to Machu Picchu**      1. Real life: giving a short presentation      2. Pronunciation: pausing   3. **11e: The greatest mountaineer**      1. Writing: a biography      2. Writing skill: punctuation in direct speech   4. **11f: The lost city of Machu Picchu (optional)**   5. **Review** | Individual work  Pair work | * Reading the text and answering the comprehension questions * Developing critical thinking through reading questions * Identifying the use and meaning of the verb “set” * Practising presenting a short talk * Practising writing a biography and using puncatuation in direct speech appropriatly | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 14 | 1. **Unit 12: Nature**    1. **12a: Nature in one cubic foot**       1. Listening: a documentary about David Liittschwager       2. Grammar: infinite determiners: any/ some/ every…    2. **12b: The power of nature**       1. Vocabulary and reading: extreme weather       2. Grammar: second conditional       3. Pronunciation: would/ ‘d       4. Speaking    3. **12c: Changing Greenland**       1. Reading: Changing Greenland       2. Critical thinking: close reading       3. Vocabulary: society and economics       4. Grammar: Will/ might       5. Speaking: Changing your country | Individual work  Pair work  Group work | * Identifying the key information from the listening * Recognizing the use and meaning of different infinite determiners * Reading the text “extreme weather’ and equipe themselves with new words; * Recognizing the use and meaning of conditional sentences by doing related exercises. * Developing critical thinking by answering reading questions * Working in group to discussion solution to change one’s country or regions. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| 15 | * 1. **12d: Saying the zoo**      1. Speaking and reading: talk about the zoo      2. Real life: finding a solution   2. **12e: Good news**      1. Writing: a press release      2. Writing skill: using bullet points   3. **12f: Cambodia animal rescue**   4. **Review** | - Group work  - Individual work  - Pair work | * Group working and discussing the solution for the zoo; * Writing a press release of nay topic and post it on google doc; * Watching video relating to animal rescue and discussing the solution to protect animals * Revising all related items learnt thoughout the unit. | | CLO3.1  CLO3.2  CLO3.3 | | A1.1  A1.3  A1.4 |
| **Thi cuối kì** | | | | | | | A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Đinh Thế Định

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, PGS.TS

Địa điểm làm việc: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [dinh2008dhv@yahoo.com.vn](mailto:dinh2008dhv@yahoo.com.vn)

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Vũ Thị Phương Lê

Chức danh, học hàm, học vị: Trưởng bộ môn, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [vtphuongle@gmail.com](mailto:vtphuongle@gmail.com)

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: Phạm Thị Thúy Hồng

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [mrsthuyhong@gmail.com](mailto:mrsthuyhong@gmail.com)

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Lê Vinh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. Vinh

Email: [vinh.sarah@gmail.com](mailto:vinh.sarah@gmail.com)

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: Hoàng Thị Nga

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Viện Sư phạm xã hội, Trường Đại học Vinh, số 182 – Lê Duẩn, Tp. VinhEmail: [hoangngadhv11@gmail.com](mailto:hoangngadhv11@gmail.com)

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Chủ nghĩa xã hội khoa học  (tiếng Anh): Scientific Socialism | | |
| - Mã số học phần: POL11003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, trường ĐH Vinh  Điện thoại Email: giaoducchinhtri2021@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên nhữngkiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

**3. Mục tiêu học phần**

**-** Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.

**-** Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**-** Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO 2.2 |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 |
| CLO1.1 | 0,6 |  |  |
| CLO1.2 | 0,4 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 2.0 | **Giải thích** được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | 3.0 | **Áp dụng** lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam | Thuyết trình, Thảo luận nhóm | Trắc nghiệm;  Hồ sơ học phần |
| CLO2.1  ... | 3.0 | **Thể hiện** niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | Tự học, Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2 | 3.0 | **Có khả năng phê phán,** đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam | Thảo luận nhóm | Hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học phần**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nôp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 10% |
| - Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric | CLO1.2 | 50% | 10% |
| CLO2.2 | 50% |
| A1.3 | Câu hỏi trắc nghiệm khách quan (lưu LMS) | Đáp án | CLO1.1 | 60% | 20% |
| CLO1.2 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 50% |  |
| CLO1.2 | 30% |
| CLO2.2 | 20% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Kế hoạch giảng dạy** (các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) các bài đánh giá học phần)

**Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1 | CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC  1.1.Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học  [1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học](#_Toc501289627)  1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  - Hướng dẫn nghe giảng trên Elearning  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr11-49  - Chuẩn bị giáo trình, vở ghi chép, vở bài tập | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3 |
| 2 | CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN  2.1. Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr51-65  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.2 | A1.1  A1.3 |
| 3 | Chương 2 (Tiếp)  2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr66-84  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3 |
| 4 | Thảo luận nhóm nội dung Chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 5 | CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  3.1. Chủ nghĩa xã hội  3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr86-104  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3 |
| 6 | Chương 3 (tiếp):  3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr105-109  - Nghiên cứu các nội dung tự học | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 |  |
| 7 | CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung  - Tổ chức thảo luận | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr125-163  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận  - Làm bài tập nộp lên LMS | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 8 | Thảo luận nhóm nội dung chương 3,4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.2 |
| 9 | CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr165-193  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3 |
| 10 | Thảo luận nội dung chương 5 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 11 | CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr195-237  - Nghiên cứu các nội dung tự học  - Chuẩn bị trước câu hỏi thảo luận | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3 |
| 12 | Thảo luận nội dung chương 6 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + GV nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Chuẩn bị PPT thuyết trình | CLO1.1  CLO2.1 | A1.1  A1.2  A1.3 |
| 13 | CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI  7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình  7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr239-256.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1 | A1.1  A1.3 |
| 14 | Chương 7 (tiếp)  7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Học trên Elearning.  - Đọc giáo trình [1] tr257-269.  - Nghiên cứu các nội dung tự học. | CLO1.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3 |
| 15 | Ôn tập và thảo luận chương 7 | Giáo viên hướng dẫn ôn tập.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | Chuẩn bị trước câu hỏi ôn tập. | CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |

**7. Nguồn học liệu**

***Giáo trình***

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học,* Nxb CTQG ST, HN, 2021.

***Tài liệu tham khảo***

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2018), Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc, Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. Giáo dục và đào tạo.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ ngĩa xã hội, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6] Dương Xuân Ngọc (2017), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị, Nxb. CAND.

[7] Tạ Ngọc Tấn (Chủ biên) (2010), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay,* Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**8. Các quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên**

- Sinh viên nộp Hồ sơ học phần theo yêu cầu.

- Sinh viên không đủ điều kiện dự thi cuối học phần nếu tỷ lệ thời gian sinh viên có mặt trên lớp dưới 80%.

**9. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục chính trị - Trường Sư phạm

- Địa chỉ/email: Văn phòng Khoa Giáo dục chính trị, Tầng 2, nhà A0, Trường ĐH Vinh.

Email:

**10. Ngày phê duyệt: ....**

**11. Cấp phê duyệt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | **Nguyễn Văn Trung** | **Vũ Thị Phương Lê** |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**- *Giảng viên 1*: *GVC, ThS***. ***Nguyễn Thị Mỹ Hương***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0915905578 Email: [hươngntm@vinhuni.edu.vn](mailto:hươngntm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học...

***- Giảng viên 2: GVCC,PGS,TS. Đinh Trung Thành***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0904252425 Email: [thanhdt@vinhuni.edu.vn/](mailto:thanhdt@vinhuni.edu.vn/)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

***- Giảng viên 3: GVC,TS. Nguyễn Thị Hải Yến***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0962662626 Email: [yennth@vinhuni.edu.vn](mailto:yennth@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế;Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, ...

***- Giảng viên 4: GVC,ThS. Nguyễn Thị Diệp***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0914447188 Email: [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác, Kinh tế phát triển,…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế học đại cương  (tiếng Anh): General Economics | | |
| - Mã số học phần: SMT30001 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  ■ Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  ■ Học phần dạy học theo hình thức dự án/ đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ■ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 40 | |  |
| + Số tiết thực hiện dự án: 20  + Số tiết tự học: 120 | |  |
|  | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | Mã số HP: POL11002 |
|  | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, thực hành, nghiên cứu thực tế…  + Sinh viên nộp và bảo vệ đồ án học phần đúng thời hạn | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Chính trị và Báo chí  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

*Kinh tế học đại cương* là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này nghiên cứu sự lựa chọn của các cá nhân, doanh nghiệp, Chính phủ và toàn xã hội khi phải đối mặt với sự khan hiếm về các nguồn lực. Học phần được thực hiện dưới hình thức giảng dạy dự án, cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô. Qua đó, học phần góp phần bồi dưỡng một số kỹ năng mềm cho người học.

**3. Mục tiêu học phần**

Từ những kiến thức về kinh tế học đại cương, người học có thể hiểu và giải thích được các biểu hiện của nền kinh tế thị trường, như; cơ sở ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, nhà nước); thước đo của tăng trưởng; sự hoạt động của quy luật cạnh tranh, cung cầu v.v… Bên cạnh đó, môn học góp phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu khoa học, kĩ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng thuyết trình thông qua việc thực hiện dự án học phần. Từ đó, giúp người học có thể nhận ra cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch lập thân lập nghiệp cho bản thân.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| **PLO1.2** | **PL02.1** | **PLO2.2** | **PLO3.1** | **PLO4.1** | **PLO4.2** | | | |
| **1.2.2** | **2.1.5** | **2.2.2** | **3.1.1** | **4.1.4** | **4.2.1** | **4.2.2** | **4.2.3** | **4.2.4** |
| CLO1.1 | ***1,0*** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ***1,0*** |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ***1,0*** |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ***1,0*** |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ***1,0*** |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | ***1,0*** |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  | ***1.0*** |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  | ***1,0*** |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  | ***1,0*** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Áp dụng* được kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. | -Thuyết trình  -Thảo luận | Trắc nghiệm  khách quan |
| CLO2.1 | S3 | *Thể hiện* kỹ năng nghiên cứu khoa học trong quá trình thực hiện dự án học tập | Tự học | Quan sát |
| CLO2.2 | A3 | *Thể hiện* đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong học tập và nghiên cứu kinh tế học đại cương | Làm việc nhóm | - Quan sát  - Chấm bản Kế hoạch và Đề cương |
| CLO3.1 | S3 | *Có khả năng* làm việc nhóm trong học tập và nghiên cứu kinh tế học đại cương | Làm việc nhóm | - Quan sát  - Chấm bản Kế hoạch và Đề cương |
| CLO4.1 | K3 | *Làm rõ* sự cần thiết của chủ đề dự án | Làm việc nhóm | - Quan sát  - Chấm bản Kế hoạch và Đề cương |
| CLO4.2 | C4 | *Xây dựng* mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của dự án học tập | Làm việc nhóm | - Quan sát  - Chấm đồ án |
| CLO4.3 | C4 | *Thiết kế* đề cương dự án | Hướng dẫn viết đồ án | Chấm đồ án |
| CLO4.4 | C4 | *Triển khai* các nội dung đề cương dự án |  |  |
| CLO4.5 | C4 | *Đánh giá* kết quả dự án và đề xuất hướng cải tiến |  |  |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá**  **và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR**  **học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1. | - Sự chuyên cần, thái độ học tập;  - GV đánh giá;  - Lưu LMS và Hồ sơ GV | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Bài kiểm tra tự luận;  - GV đánh giá;  - Lưu LMS và Hồ sơ GV. | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Kế hoạch thực hiện dự án và Đề cương dự án;  - GV đánh giá;  - Lưu LMS và Hồ sơ GV | Rubric 2 | CLO3.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Đánh giá dự án  - Lưu Hồ sơ GV và Trung tâm ĐBCL. | Rubric 3 | CLO2.1 | 10% | 50% |
| CLO4.1 | 15% |
| CLO4.2 | 15% |
| CLO4.3 | 20% |
| CLO4.4 | 30% |
| CLO4.5 | 10% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **3,0** | **2,5 – 2,0** | **1.5 – 1,0** | **0,5 - 0** |
| **Nghe bài giảng SCORM *(3 điểm)*** | Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe từ 90% đến 99% bài SCORM; | Nghe từ 80% đến 89% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
|  | **5,0** | **4,5 – 3,5** | **3,0 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  **(5 điểm)** | Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 90% đến 99% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 80% đến 89% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp theo quy định |
|  | **2,0** | **1,5** | **1.0 – 0 ,5** | **0** |
| **Ý thức phát biểu xây dựng bài**  **(2 điểm)** | Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **4.0 - 3.5** | **3.0 - 2.5** | **2.0 - 1.0** | **0.5 - 0** |
| **Kế hoạch thực hiện dự án** *(tối đa 4 điểm)* | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ chưa cụ thể, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **4.0 - 3.5** | **3.0 - 2.5** | **2.0 - 1.0** | **0.5 - 0** |
| **Đề cương đồ án**  *(tối đa 4 điểm)* | - Nội dung rõ ràng, khoa học, xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt; phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm được đưa ra một cách đầy đủ và chi tiết.  - Đưa ra được một số ý tưởng mới; Dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Nội dung khá rõ ràng, xác định được mục tiêu, các yêu cầu cần đạt khá cụ thể, khá rõ ràng; đưa ra được phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa thật sự đầy đủ và chi tiết.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; dự kiến được một vài nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Nội dung, mục tiêu, các yêu cầu cần đạt có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng; đưa ra phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm nhưng chưa đầy đủ và chi tiết.  - Đưa ra được một ý tưởng mới; chưa dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. | - Nội dung, mục tiêu, các yêu cầu cần đạt có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, không rõ ràng, không hợp lý; phương thức thực hiện và dự kiến sản phẩm đưa ra quá sơ sài.  - Không đưa ra được ý tưởng mới; không dự kiến được nội dung tìm hiểu thêm hoặc vấn để có thể phát sinh. |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo và thuyết trình**  *(tối đa 2 điểm)* | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: …………………………………………………)** | | | | |

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.0** | **2,5 – 1,5** | **1.0 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyêt tốt mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.  - Lập luận chặt chẽ, đưa ra được nhiều minh chứng thuyết phục (về lý luận cũng như số liệu thực tế)  - Đưa ra được các giải pháp khả thi. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được một số minh chứng thuyết phục (về lý luận cũng như số liệu thực tế)  - Đưa ra được một số giải pháp khả thi. | - Giải quyết được một số mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục (về lý luận cũng như số liệu thực tế)  - Đưa ra được một số giải pháp nhưng chưa thật khả thi. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng (về lý luận cũng như số liệu thực tế)    - Chưa đề xuất được giải pháp phù hợp. |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Trả lời tốt các câu hỏi về dự án  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Trả lời khá tốt các câu hỏi về dự án.  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Trả lời các câu hỏi về dự án ở mức độ chấp nhận được.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Trả lời các câu hỏi về dự án chưa đạt yêu cầu.  - Chưa thể hiện được khả năng tranh luận và phản bác các ý kiến sai trái. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Đinh Trung Thành, *Tập bài giảng Kinh tế học đại cương,* Đại học Vinh, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Nguyễn Văn Ngọc, *Bài giảng Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2012.

[3] Nguyễn Văn Ngọc, *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2016.

# [4] Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (nhóm tác giả), *Câu hỏi - Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vi mô*, NXB Kinh tế, TP Hồ Chí Minh, 2020.

[5] Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (nhóm tác giả), *Tóm tắt - Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, NXB Kinh tế, TP Hồ Chí Minh, 2017.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, trong đó có 40 tiết lí thuyết và 20 tiết đồ án học phần, cụ thể:

- Học lý thuyết: 10 tuần

- Xây dựng đề cương đồ án và viết đồ án: 5 tuần

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  ***(số tiết)*** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/ không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| **1**  *(4)* | **Chương 1. Tổng quan về kinh tế học**  1.1. Tổng quan về kinh tế học  1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 1 (phần 1);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm. | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **2**  *(4)* | **Chương 1. Tổng quan về kinh tế học** *(tiếp)*  1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế  1.4. Cầu (Demand) | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 1 (phần 2);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm. | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **3**  *(4)* | **Chương 1. Tổng quan về kinh tế học** *(tiếp)*  1.5. Cung (Supply)  1.6. Các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 1 (phần 3);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm. | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **4**  *(4)* | **Chương 2. Lý thuyết lợi ích**  2.1. Các khái niệm và giả định cơ bản | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 2 (phần 1);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm. | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **5**  *(4)* | **- Chương 2. Lý thuyết lợi ích** *(tiếp)*  2.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu  **- Seminar lần 1:** Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch dự án và Đề cương đồ án. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 2 (phần 2);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **6**  *(4)* | **Chương 3. Sản xuất, chi phí và lợi nhuận**  3.1 Lí thuyết về chi phí sản xuất  3.2. Lí thuyết về lợi nhuận | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 3;  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **7**  *(4)* | **Chương 4. Đo lường sản lượng quốc gia**  4.1. Tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội  4.2. Phương pháp xác định GDP | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 4 (phần 1);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **8**  *(4)* | **Chương 4. Đo lường sản lượng quốc gia**  *(tiếp)*  4.3. Các chỉ tiêu khác  4.4. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 4 (phần 2);  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **9**  *(4)* | **- Seminar lần 2:** Báo cáo kế hoạch dự án  **-Chương5. Thất nghiệp và lạm phát**  5.1. Thất nghiệp  5.2. Lạm phát  5.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 5;  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **10**  *(4)* | **Chương 6. Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở**  6.1. Cơ sở kinh tế của thương mại quốc tế  6.2. Cán cân thanh toán quốc tế  6.3. Tỉ giá hối đoái và thị trường ngoại hối | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | - Nghe bài giảng E-Learning Chương 6;  - Đọc giáo trình, tài liệu; nghiên cứu các nội dung tự học;  - Trả lời câu hỏi thảo luận;  - Thảo luận nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.1  A1.2 |
| **11**  *(4)* | **- Seminar lần 3:** Báo cáo dữ liệu thu thập được và Đề cương đồ án. | Lớp học | Thảo luận | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A1.3 |
| **12**  *(4)* | **Viết đồ án** | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm;  Viết báo cáo | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A2 |
| **13**  *(4)* | **Viết đồ án** | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm;  Viết báo cáo | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A2 |
| **14**  *(4)* | **Seminar lần 4:** Báo cáo bản thảo đồ án | Lớp học | Thảo luận | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A2 |
| **15**  *(4)* | **Báo cáo đồ án**  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | K3  S3  A3  C4 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2  CLO4.3  CLO4.4  CLO4.5 | A2 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các video bài giảng trên hệ thống E-Learning của Nhà trường.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Nghiên cứu thực tế***

- Tham gia 100% các buổi nghiên cứu thực tế cùng nhóm.

- Thể hiện phong cách văn minh, lịch sự khi giao tiếp.

- Tuân thủ các quy định của của giáo viên và của nhóm.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện dự án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng bộ môn Giảng viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  | **Nguyễn Thị Mỹ Hương** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA LUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Cho các học phần thông thường)***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*** *Nguyễn Thị Thùy Dung*

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email: 0916 168 988, dungntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 2:*** Nguyễn Thị Bích Ngọc

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính:

***Giảng viên 3:***

Học hàm, học vị: Nguyễn Thị Hà

Địa chỉ liên hệ: Tiến sĩ

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính

***Giảng viên 2:*** Nguyễn Thị Mai Anh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email:

Các hướng nghiên cứu chính

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng văn bản pháp luật  (tiếng Anh): Techniques for drafting legal documents | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Luật, Luật kinh tế | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | |  |
| + Số tiết thực hành: 15 | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luâth | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: tối thiểu 80% giờ lên lớp;  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập cá nhân 1, bài tập cá nhân 2 qua hệ thống LMS (Mục 4.1). Nộp sản phẩm (gồm: 2 bài tập cá nhân) trễ giờ theo quy định sẽ không được gia hạn nộp lần 2. Thiếu 2 bài tập cá nhân sẽ bị cấm thi;  + Tham gia đầy đủ các bài thực hành, hoạt động nhóm ở trên lớp;  + Sinh viên phải đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi lên lớp. Sinh viên không hoàn thành phần chuẩn bị theo quy định và nội dung tự học được giao sẽ không được tham gia giờ học;  + Không có kiểm tra bù giữa kì và cuối kì. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

- Học phần Xây dựng văn bản pháp luật là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong khung chương trình đào tạo cử nhân Luật học và Luật kinh tế

- Học phần cung cấp kiến thức về văn bản pháp luật và hệ thống văn bản pháp luật theo quy định hiện hành, giúp sinh viên nhận diện được văn bản pháp luật và khả năng phân biệt văn bản pháp luật với các văn bản khác, phân biệt các loại văn bản pháp luật với nhau; đồng thời trang bị kiến thức về tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng văn bản pháp luật, , quy trình xây dựng văn bản pháp luật.

- Học phần hướng dẫn sinh viên kĩ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật; thực hiện việc giao tiếp bằng văn bản và cách thức tổ chức, triển khai xây dựng và kiểm tra, rà soát, đánh giá văn bản pháp luật nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động quản lí nhà nước.

*- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số…. ngày… tháng… năm…. của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PLO** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | **Điểm NL cần đạt {Mức NL}** |
| 1.2.1 | *Áp dụng* kiến thức chuyên ngành về Luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế vào hoạt động pháp lý | 3,5 {Mức 4} |
| 3.1.1 | *Thực hiện* kỹ năng giao tiếp trong hoạt động pháp lý | 2,5 {Mức 2} |
| 4.2.2 | *Tổ chức thực hiện* hoạt động pháp lý trong linh vực Luật Hiến pháp và Luật Hành chính | 2,5{Mức 2} |

**3. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CLO** | **Chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Đóng góp cho PLO** | **Trọng số** | **Điểm năng lực cần đạt** |
| 1.2.1.1 | *Nhận diện và phân biệt* văn bản pháp luật với văn bản hành chính | 1.2.1 | 40% | 3,5 {Mức 4} |
| 1.2.1.2 | *Phân tích* các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ, thể thức của văn bản pháp luật | 1.2.1 | 60% | 3,5 {Mức 4} |
| 3.1.1.1 | *Thực hành* kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật để giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước | 3.1.1 | 100% | 2,5 {Mức 2} |
| 4.2.2.1 | Thực hành soạn thảo các văn bản pháp luật để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực hành chính, hiến pháp | 4.2.2 | 100% | 3,5 {Mức 4} |

**4. Kiểm tra, đánh giá**

**4.1. Các bài đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá/(%)** | **CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá** | **Điểm NL cần đạt** | **Trọng số trong bài** | **Hình thức đánh giá** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên (***chiếm 50% điểm số học phần***)** | | | | |
| A1.1 | CLO 1.2.1.1 | 3,5 | 30% | Tự luận |
| A1.2 | CLO 1.2.1.2 | 3,5 | 70% | Trắc nghiệm/ Tự luận |
| **A2. Đánh giá cuối kì (***chiếm 50% điểm số học phần***)** | | | | |
| A2.1 | CLO 3.1.1.1 | 2,5 | 40% | Tự luận/ vấn đáp |
| CLO 4.1.4.1. | 3,5 | 60% |

**Công thức tính điểm số của học phần:**

*Điểm số HP =* ***[****A1.1 x 30% +A1.2 x 70% + A2.1 x 100%****]*** *x 50%*

***4.3.* Ma trận bài thi tự luận A2.1**

**Bảng 2.** Ma trận đề thi tự luận A2.1

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CLO** | | **Loại Câu hỏi** | **Điểm số theo MNL** | **Số điểm cần đạt (50%)** | **Mô tả yêu cầu cơ bản** |
| 3.1.1.1  (40%) | Mức 1 | Câu  4 điểm | 0,5 |  | Nhớ các yêu cầu về thể thức, ngôn ngữ trong văn bản pháp |
| Mức 2 | 1,1 |  | Hiểu yêu cầu hoạt động pháp lý trong tình huống đưa ra |
| **Mức 3** | **2,4** | **1,2** | Soạn thảo văn bản pháp luật phù hợp với yêu cầu của tình huống |
| 4.2.2.1 (60%) | Mức 2 | Câu  6 điểm | 1,2 |  | Hiểu tình huống và xác định được các phương án giải quyết tình huống |
| Mức 3 | 1,2 |  | Áp dụng kiến thức pháp luật hành chính- hiến pháp để xác định thẩm quyển ban hành văn bản pháp luật giải quyết tình huống |
| **Mức 4** | **3,6** | **1,8** | Soạn thảo các văn bản pháp luật để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực pháp luật hành chính- hiến pháp |
| **Tổng** | |  | **10** | **3,0** |  |

{***Lưu ý:*** *Cách tính điểm số bài đánh giá và điểm năng lực của từng CLO cũng được tính tương tự như bài đánh giá trắc nghiệm trên đây*}.

***4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá***

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG KHXH&NV **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Đơn**

**KHOA LUẬT HỌC**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Bài đánh giá A2.1**

1. Họ và tên học viên/sinh viên: …………………………; Ngày sinh: …/……/

2. Mã học viên/sinh viên: ………………………………..; Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]** | | **Khoảng điểm** | **Trọng số/**  **Điểm số đánh giá** |
| **CLO. 3.1.1.1, CLO 4.2.2.1** | |  | **60%** |
| Tiêu chí 1 | Áp dụng soạn thảo các văn bản pháp luật trong lĩnh vực hành chính- hiến pháp | | **20 %** |
| Chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết các nhiệm vụ học tập và lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ | 8-10 |  |
| Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ và xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm | 6-7,9 |  |
| Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm | 5-6,9 |  |
| Đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; chưa xác định được những công việc có thể hoàn thành bằng hợp tác theo nhóm | 0-4,9 |  |
| Tiêu chí 2 | Thể hiện Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong bối cảnh pháp lý | | **20 %** |
| Dự kiến các công việc phải làm theo trình tự thời gian hợp lí và chỉ rõ cách thức thực hiện công việc | 8-10 |  |
| Dự kiến được các công việc phải làm từng vấn đề pháp lý | 6-7,9 |  |
| Dự kiến được một phần các công việc cần phải làm với sự hỗ trợ của GV | 5-6,9 |  |
| Chưa dự kiến được các nhiệm vụ cần làm | 0-4,9 |  |
| Tiêu chí 3 | Thực hiện hoạt hiệu quả | | **20 %** |
| Tự giác hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đề ra và hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ được giao | 8-10 |  |
| Hoàn thành các nhiệm vụ được giao | 6-7,9 |  |
| Tham gia một phần nhiệm vụ được giao | 5-6,9 |  |
| Chưa thực hiện được nhiệm vụ được giao | 0-4,0 |  |
| **Điểm số của CLO 3.1.1.1+ CLO 4.2.2.1. : TC**1\*20% + TC2\*20% + TC3\*20% | | |  |
| **Điểm bài đánh giá:** TC1\*20% + TC2\*30% + TC3\*30% | | | **……/10** |

5. Kết quả:

5.1. Điểm số: ......................................................

Bằng chữ: .....................................................

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**5. Tài liệu học tập**

***5.1Giáo trình:***

[1] Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật, Nxb Tư pháp, Đại học Luật Hà Nôi, 2016

[2] Nguyễn Đăng Dung- Bùi Tiến Đạt, giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

***5.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính, Nxb Đại học Vinh, 2019

**6. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề/Bài** | **Thời lượng (tiết)** | **Hoạt động dạy học** | **CLO** | **Bài đánh giá** |
| **1** | **Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*trước khi đến lớp*}: | 5 | Học bài giảng e-learning (LMS) | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 3 | Làm bài tập trên LMS: Bài thảo luận 1 | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho GĐ 2: Nhận diện văn bản pháp luật và các yêu cầu đối với văn bản pháp luật | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 2 | Thảo luận về các nội dung đã chuẩn bị | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*}: | 10 | Nghe giảng về: những vấn đề chung về văn bản pháp luật và hoạt động xây dựng văn bản pháp luật | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 3 | Bài tập: nhận diện văn bản pháp luật | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 2 | Thảo luận về các yêu cầu đối với văn bản pháp lauatj | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| Giai đoạn 3  {*Cũng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*}: | 5 | Ôn tập: các nội dung đã học | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| 10 | Làm bài tập vận dụng | CLO. 1.2.1.1, CLO 1.2.1.2 | A1.1, A1.2 |
| **2** | **Chương 2. SOẠN THẢO VĂN BẢN PHÁP LUẬT** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*trước khi đến lớp*}: | 5 | Học bài giảng e-learning (LMS) về *cách soạn thảo các văn bản pháp luật* | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| 3 | Làm bài tập trên LMS: Bài thảo luận 2 | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho GĐ 2: cách soạn thảo các loại văn bản pháp luật | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| 2 | Thảo luận về các nội dung đã chuẩn bị | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*}: | 10 | Nghe giảng về cách soạn thảo các phần trong văn bản pháp luật | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| 3 | Bài tập: soạn thảo văn bản pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| 2 | Thảo luận về các nội dung liên quan soạn thảo văn bản pháp luật | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| Giai đoạn 3  {*Cũng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*}: | 5 | Ôn tập: các nội dung đã học | CLO. 3.1.1.1 | A1.2,  A2.1 |
| 10 | Làm bài tập vận dụng | CLO. 3.1.1.1  CLO 1.2.1.2 | A1.2,  A2.1 |
| ***3*** | **Chương 3. THỰC HÀNH SOẠN THẢO VĂN BẢN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH- HIẾN PHÁP** | | | | |
|  | Giai đoạn 1  {*trước khi đến lớp*}: | 5 | Học bài giảng e-learning (LMS) về *thực hành soạn thảo vbpl trong lĩnh hành chính- hiến pháp* | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 3 | Làm bài tập trên LMS: Bài thảo luận 3 | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 5 | Chuẩn bị nội dung cho GĐ 2: *soạn thảo vbpl trong lĩnh vực hành chính- hiến pháp* | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 2 | Thảo luận về các nội dung đã chuẩn bị | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| Giai đoạn 2  {*Ở lớp*}: | 10 | Nghe giảng về: *soạn thảo vbpl trong lĩnh vực hành chính- hiến pháp* | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 3 | Bài tập: Phân tích tình huống và thực hành soạn thảo văn bản pháp luật | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 2 | Thảo luận về các nội dung liên quan *soạn thảo vbpl trong lĩnh vực hành chính- hiến pháp* | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| Giai đoạn 3  {*Cũng cố kiến thức, phát triển kỹ năng*} | 10 | Ôn tập: các nội dung đã học | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
| 5 | Làm bài tập vận dụng | CLO. 4.2.2.1 | A2.1 |
|  | Bài thi kết thúc HP |  | **Tự luận/ vấn đáp theo ma trận bài A2.1** | CLO. 4.2.2.1 | **A2.1** |
|  | Lấy ý kiến phản hồi |  | **Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1** | ĐK để xem KQ thi | |

*Nghệ An, ngày 28 tháng 05 năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng [**Đơn vị ĐT cấp 2**]**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng [**Đơn vị ĐT cấp 3**]**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | **GV phụ trách**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |
|  |  |  |

TS. Nguyễn Thị Thùy Dung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM - KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***- Giảng viên 1: GVCC,PGS,TS. Đinh Trung Thành***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0904252425 Email: [thanhdt@vinhuni.edu.vn/](mailto:thanhdt@vinhuni.edu.vn/)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

**- *Giảng viên 2*: *GVC, ThS***. ***Nguyễn Thị Mỹ Hương***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0915905578 Email: [hươngntm@vinhuni.edu.vn](mailto:hươngntm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học...

***- Giảng viên 3: GVC,TS. Nguyễn Thị Hải Yến***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0962662626 Email: [yennth@vinhuni.edu.vn](mailto:yennth@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế;Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế; Kinh tế phát triển, ...

***- Giảng viên 4: GVC,ThS. Nguyễn Thị Diệp***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0914447188 Email: [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác, Kinh tế phát triển,…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam  (tiếng Anh):International Economic Integration of Vietnam | | |
| - Mã số học phần:SMT30014 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  ■ Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung 🗆Học phần dạy học theo hình thức dự án/ đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ■ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin | | Mã số HP: POL11002 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Chính trị và Báo chí  Điện thoại Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

*Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam* là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước.

Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam)… Trên cơ sở đó, môn học trang bị kiến thức và một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên để phục vụ công việc trong tương lai.

**3. Mục tiêu học phần**

Trên cơ sở giúp sinh viên hiểu và giải thíchđược những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, môn học rèn luyện cho sinh viênkỹ nâng phân tích, đánh giá vàphản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, sinh viên thể hiện được sự tự chủ, độc lập và sự nhìn khách quan về tình hình quốc tế và đất nước

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | |
| **PLO1.2** | **PLO2.1** | | **PLO 3.1** | **PLO 4.1** |
| **1.2.2** | **2.1.1** | **2.1.2** | **3.1.2** | **4.1.1** |
| CLO1.1 | ***1.0*** |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ***1.0*** |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ***1.0*** |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ***1.0*** |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ***1.0*** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Áp dụng* được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam để giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.1 | S2 | *Thể hiện* kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.2 | S3 | *Có khả năn*g thích ứng với các yêu cầu, quy định đối với môn học | Tự học | Quan sát |
| CLO3.1 | S3 | *Có khả năng* hợp tác trong học tập và nghiên cứu hội nhập kinh tế quốc tế | Thảo luận | Bài tập nhóm |
| CLO4.1 | K3 | *Khái quát* được bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước | Thuyết trình | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO2.2 | 100% | 10% |
| A1.2 | Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nôp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO3.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | Bài thi tự luận; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO2.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi tự luận; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 50% | 50% |
| CLO4.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **3,0** | **2,5 – 2,0** | **1.5 – 1,0** | **0,5 - 0** |
| **Nghe bài giảng SCORM *(3 điểm)*** | Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe từ 90% đến 99% bài SCORM; | Nghe từ 80% đến 89% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
|  | **5,0** | **4,5 – 3,5** | **3,0 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  **(5 điểm)** | Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 90% đến 99% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 80% đến 89% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp theo quy định |
|  | **2,0** | **1,5** | **1.0 – 0 ,5** | **0** |
| **Ý thức phát biểu xây dựng bài**  **(2 điểm)** | Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.0** | **2,5 – 1,5** | **1.0 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Trả lời tốt các câu hỏi về nội dung thảo luận  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Trả lời khá tốt các câu hỏi về nội dung thảo luận  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Trả lời các câu hỏi về nội dung thảo luận ở mức độ chấp nhận được.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không trả lời được các câu hỏi về nội dung thảo luận.  - Chưa thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] PGS.TS. Đinh Trung Thành, *Tập bài giảng Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam,* Trường Đại học Vinh, 2020.

[2] PGS.TS. Ngô Thị Tuyết Mai, PGS.TS. Nguyễn Như Bình (đồng chủ biên), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] GS.TS. Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.

[4] Võ Đại Lược, Nguyễn Mạnh Hùng, *Cục diện kinh tế thế giới hiện nay*, NXB Khoa học Xã hội, 2020.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần,**  **số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1**: Tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2]tr.05-28; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 1  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 2 (3) | **Chương 2**: Toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập kinh tế quốc tế | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc tài liệu [1] tr.1-48; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 1)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 3 (3) | **Chương 2**: Toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập kinh tế quốc tế (tiếp) | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc tài liệu [1] tr1-48; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 2 (Phần 2)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 4 (3) | **Thảo luận nhóm**  (Nội dung Chương 1, 2) | - Hoạt động thảo luận nhóm:  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi phản biện.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Trả lời câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 5 (3) | **Chương 3**: Các tổ chức kinh tế quốc tế | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr 79 -366; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 1)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 6 (3) | **Chương 3**: Các tổ chức kinh tế quốc tế *(tiếp)* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr.79-366; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 3 (Phần 2)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 7 (3) | **Thảo luận nhóm**  (Nội dung Chương 3) | - Hoạt động thảo luận nhóm:  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi phản biện  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Trả lời câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 8 (3) | **Chương 4**: Các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr. 367 - 458; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 1)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 9 (3) | **Chương 4**: Các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia *(tiếp)* | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr. 367 - 458; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 4 (Phần 2)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 10 (3) | **Thảo luận nhóm**  (Nội dung Chương 4) | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi phản biện  - Giáo viên nhận xét và tổng kết | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Trả lời câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 11 (3) | **Chương 5:** Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr. 459 - 495; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 5 (phần 1)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 12(3) | **Chương 5:** Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam *(tiếp)* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [2] tr. 459 - 495; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 5 (phần 2)  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 13 (3) | **Thảo luận nhóm**  (Nội dung chương 5) | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi phản biện  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Trả lời câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 14 (3) | **Chương 6**: Cơ hội, thách thức và giải pháp thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc tài liệu [1] tr. 131-164; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning Chương 6.  - Trả lời câu hỏi thảo luận. | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |
| 15 (3) | - **Thảo luận nhóm**  (Nội dung chương 6)  - **Tổng kết học phần** | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi phản biện  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận; tổng kết học phần | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Trả lời câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | A1.1  A1.2  A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên**  Đinh Trung Thành |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN**

**KHOA LUẬT KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**LUẬT DÂN SỰ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:*** Phạm Thị Thúy Liễu

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983529456, lieuptt@vinhuin.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 2:*** Hà Thị Thúy

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0917742789 / thuyht@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 3: Nguyễn Thị Thanh

Học hàm, học vị: Ths

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0933.444.882/ ntthanh@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Luật Dân sự  (tiếng Anh): Civil Law | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Luật học, Luật Kinh tế | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  **Kiến thức cơ sở ngành**  v  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 50 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 25 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lí luận Nhà nước pháp luật | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%/tổng số 75 tiết học  + Sinh viên phải nộp đầy đủ 1 BT nhóm và 2 bài tập thực hành qua hệ thống LMS.  + Sinh viên tham gia kiểm tra vấn đáp theo quy định trong Đề cương  Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện trên | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Luật Dân sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ và một số quan hệ nhân thân phi tài sản. Một số chế định cơ bản của luật dân sự như: hợp đồng, quyền sở hữu, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Luật dân sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên ngành luật giải quyết được các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật tư và là nền tảng để học các học phần khác như Luật hôn nhân gia đình, Luật tố tụng dân sự, Luật Thương mại, Luật Lao động...

**3. Mục tiêu học phần**

Môn học này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và áp dụng các quy định pháp luật từng chế định cụ thể: tài sản, quyền thừa kế, hợp đồng và nghĩa vụ dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Bên cạnh các kỹ năng soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản trong phân chia thừa kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động pháp lý, sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện đối với vụ việc.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| **PLO1.2** | | **PLO2.2** | | | **PLO4.2** | | | | | |
| **1.2.1** | **2.2** | **2.2.1** | **2.2.2** | **2.2.3** | **4.2.1** | **4.2.1** | **4.2.2** | **4.2.3** | **4.2.4** |
| CLO1.1 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.4 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.5 | K3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | S2 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  | C3 |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  | C3 |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 3.5 | ***Áp dụng*** các quy định chung về nguyên tắc và quan hệ pháp luật dân sự trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý. | Phương pháp thuyêt trình  (Bài giảng điện tử) | Trắc nghiệm câu hỏi trên elearning |
| Phương pháp tình huống | Bài tập thực hành  Bài thi tự luận |
| Phương pháp hỏi đáp | Kiểm tra vấn đáp |
| CLO1.2 | 3.5 | ***Áp dụng*** các quy định pháp luật về quyền sở hữu, các quyền khác đối với tài sản, quyền thừa kế trong giải quyết các vụ việc dân sự | Phương pháp thuyêt trình (Bài giảng điện tử) | Trắc nghiệm câu hỏi trên elearning |
| Phương pháp học bằng dạy học, làm việc nhóm | BT nhóm, thuyết trình |
| Phương pháp tình huống | Bài tập thực hành,  Bài thi tự luận |
| Phương pháp hỏi đáp | Kiểm tra vấn đáp |
| Phương pháp quan sát và mô phỏng | BT cá nhân về lập di chúc, lập bản thỏa thuận phân chia tài sản, di sản thừa kế |
| CLO1.3 | 3.5 | Áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự trong giải quyết các vụ việc dân sự | Phương pháp thuyêt trình (Bài giảng điện tử) | Trắc nghiệm câu hỏi trên elearning |
| Phương pháp học bằng dạy học, làm việc nhóm | BT nhóm, thuyết trình |
| Phương pháp tình huống | Bài tập thực hành,  Bài thi tự luận |
| Phương pháp quan sát và mô phỏng | BT cá nhân soạn thảo hợp đông và rà soát hợp đồng |
| CLO1.4 | 3.5 | ***Áp dụng*** các quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hai ngoài hợp đồng trong giải quyết các vụ việc dân sự | Phương pháp thuyêt trình (Bài giảng điện tử) | Trắc nghiệm câu hỏi trên elearning |
| Phương pháp học bằng dạy học, làm việc nhóm | BT nhóm, thuyết trình |
| Phương pháp tình huống | Bài tập thực hành,  Bài thi tự luận |
| CLO2.2 | 2.4 | ***Thực hiện*** được đánh giá, phản biện vấn đề pháp lý trong lĩnh vực dân sự | Phương pháp so sánh tương phản | BT cá nhân |
| Phương pháp bày tỏ quan điểm | Kiểm tra vấn đáp |
| Phương pháp thảo luận nhóm, tranh cãi theo tình huống | Thực hành trong hoạt động nhóm |
| CLO4.1 | 2.4 | ***Thực hiện*** được việc thu thập thông tin, bằng chứng trong hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân sự | Phương pháp tình huống | Thực hành: SV xây dựng bảng xác định thông tin/bằng chứng cần thu thập |
| Phương pháp điều tra |
| Phương pháp đóng vai | Kiểm tra vấn đáp |
| CLO4.2 | 2.4 | Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng và đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp của ý tưởng trong hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân Sự | Phương pháp dạy theo tình huống | -Bài tập cá nhân yêu cầu xây dựng phương án tư vấn |
| Phương pháp đóng vai | -Phỏng vấn, kiểm tra vấn đáp |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **% của các CĐR CLO trong bài đánh giá** | | | **Tỷ lệ % trong đánh giá học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | | | | **50%** |
| A1.1 | Bài tập nhóm:  Nạp bài qua Elearing GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubic 1 | CLO1.1 | 30% | | | 20% | |
| CLO1.2 | 30% | | |
| CLO4.1 | 40% | | |
| A1.2 | Bài tập cá nhân 1:  Nạp bài qua Elearing;  GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubic 2 | CLO1.3 | 50% | | | 5% | |
| CLO2.2 | 50% | | |
| A1.3 | Bài tập cá nhân 2:  Nạp bài qua Elearing; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubic 3 | CLO1.4 | 30% | | | 5% | |
| CLO4.1 | 40% | | |
| CLO4.2 | 30% | | |
| A1.4 | Kiểm tra vấn đáp  GV đánh giá và lưu hồ sơ | Bộ câu hỏi,  rubic 4 | CLO1.2 | 25% | | | 20 | |
| CLO1.3 | 25% | | |
| CLO4.1 | 25% | | |
| CLO4.2 | 25% | | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | | **50%** |
| A2.1  (Lý thuyết) | Thi viết  TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 10% | | | 50% | |
| CLO 1.2 | 10% | | |
| CLO1.3 | 10% | | |
| CLO1.4 | 10% | | |
| CLO2.2 | 20% | | |
| CLO4.1 | 20% | | |
| CLO4.2 | 20% | | |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | | |  | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric 1 - Đánh giá bài A1.1 – BT Nhóm - 20%)**  **Nội dung: Đánh giá CLO1.1; CLO1.2; CLO4.1**  Nội dung: BT nhóm kiểm tra kiến thức, khả năng giao quyết tình huống, tư vấn về thu thập thông tin, chứng cứ | | | | | |
| **Tiêu chí** | | **Mức độ đánh giá** | | | **Ghi chú** |
| 1. **Áp dụng kiến thức giải quyết tranh chấp dân sự về tài sản và thừa kế (5 điểm)** | | | | |  |
| 1.1 | Định hướng giải quyết tranh chấp dân sự phù hợp quy định pháp luật | - Không xác định đúng QHPL tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn sai VB | - Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn đúng VBPL  - Thể hiện quan điểm giải quyết tranh chấp chưa rõ ràng | Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn đúng VBPL  - Thể hiện quan điểm đúng về giải quyết vụ án trên cơ sở áp dụng quy định PL | Điểm chung cho cả nhóm |
| **5 điểm** | **0 điểm** | **3 điểm** | **5 điểm** |
| **2. Thực hiện thu thập thông tin, chứng cứ nhằm giải quyết tranh chấp (5 điểm)** | | | | |  |
| 2.1 | Thực hiện việc thu thập thông tin, chứng cứ trong vụ việc theo phương thức phù hợp, hợp pháp | Không biết phân loại, thu thập thông tin có lợi hay bất lợi  Đánh giá sai về chứng cứ hoặc không đánh giá được | Xác định được các thông tin, bằng chứng có lợi, bất lợi cho các bên tham gia tranh chấp | Tư vấn phương án thu thập thông tin, chứng cứ hợp pháp  Bước đầu biết đánh giá về tính hợp pháp, của thông tin với lập luận thuyết phục | Điểm chung cho cả nhóm |
| **3 điểm** | **0 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| 2.2 |  |  |  |  |
|  | **2 điểm** | **0 điểm** | **1,0 điểm** | 1. **điểm** |  |
| **3. Vai trò cá nhân trong làm việc nhóm** | | | | | |
| **3.1** | **Nhóm chấm điểm cá nhân** | Điểm từ 0 – 10 do Nhóm tự đánh giá chuyển lại cho giảng viên | | | Điểm cá nhân |
| **Cách tính điểm: ((1) + (2))+ (3)**  **2** | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm chấm của cá nhân khi làm việc nhóm (Điểm do các thành viên trong nhóm tự chấm, GV thổng hợp)** | | | | | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thực hiện hoạt động nhóm rất tốt** | **Thực hiện hoạt động nhóm tốt** | **Thực hiện hoạt động nhóm chưa tốt** | **Không tham gia** | **Họ tên**  **A** | **Họ tên**  **B** | **Họ tên**  **C** | **Họ tên**  **D** |
| **1.Làm việc với các thành viên trong nhóm** | - Luôn lắng nghe người khác  - Giúp đỡ thành viên khác  – Hợp tác với thành viện khác, chia sẻ ý kiến ​​đóng góp một cách hiệu quả  - Luôn giúp nhóm có các quyết định đúng;  - Cho thấy sự chủ động và kỹ năng tổ chức tốt | - Lắng nghe quan điểm của người khác và có phản hồi phù hợp.  - Tôn trọng tập thể, luôn sử dụng ngôn ngữ phù hợp.  - Thể hiện sự kiên trì để hiểu ý kiến của người khác  - Chịu trách nhiệm khi được giao nhiệm vụ | - Thường nói nhiều không cho người khác nói chuyện hoặc không chú ý nhiều khi người khác nói  - Thường cho rằng ý tưởng của người khác không hiệu quả;  - Làm việc theo kiểu áp đặt, muốn mọi việc được thực hiện theo cách của mình và không lắng nghe các ý kiến thay thế  - Làm những gì được yêu cầu nhưng do dự hoặc từ chối. |  |  |  |  |  |
| **3 điểm** | **3 điểm** | **2,5 điểm** | **1 điểm** | **0 điểm** |  |  |  |  |
| **2. Quản lý thời gian** | Thực hiện trước hạn phần việc của mình  - Tiếp tục hỗ trợ các bạn khác thực hiện phần việc của họ | Thực hiện đúng hạn thời gian phần việc của mình. | Có xu hướng trì hoãn công việc của mình nhưng có hoàn thành công việc khi nhóm phải điều chỉnh thời hạn cho cá nhân đó |  |  |  |  |  |
| **2 điểm** | **2 điểm** | **1,5. điểm** | **1 điểm** | **0 điểm** |  |  |  |  |
| **3. Cống hiến cho sản phẩm của nhóm** | Thu thập và trình bày cho nhóm rất nhiều thông tin liên quan; đưa ra những ý tưởng tốt và thể hiện rõ ràng trước nhóm | Thu thập thông tin cơ bản, hữu ích liên quan đến dự án; thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng hữu ích để đáp ứng nhu cầu của nhóm; | - Thu thập thông tin khi được yêu cầu;  - Đôi khi đưa ra ý tưởng, nhưng không được thể hiện rõ ràng trước nhóm;. | Không có ý tưởng nào |  |  |  |  |
| **3 điểm** | **3 điểm** | **2,5 điểm** | **1,5 điểm** | **0 điểm** |  |  |  |  |
| **4. Thái độ** | Tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia nhiệt tình; rất đáng tin cậy | Tham dự các cuộc họp thường xuyên và tham gia có hiệu quả. | -Thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng cần nhiều người nhắc nhở;  - Tham dự các cuộc họp thường xuyên nhưng nhìn chung không nói bất cứ điều gì mang tính xây dựng;  - Dựa vào người khác để làm công việc của mình;  - Thái độ đôi khi ảnh hưởng đến công việc |  |  |  |  |  |
| **2 điểm** | **2 điểm** | **1.5 điểm** | **1 điểm** | **0 điểm** |  |  |  |  |
| **Tổng điểm** | **10 điểm** | **8 điểm** | **4,5 diểm** | **0 điểm** |  |  |  |  |

***Rubric2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric 2 - Đánh giá bài A1.2 (bài tập cá nhân 1 - 5%) đánh giá CLO1.3; CLO2.2**  **Nội dung: SV thực hiện việc phân tích, phản biện nôi dung vụ án dân sự** | | | | |
| 1. Hiểu rõ thông tin, bằng chứng | - Hiểu sai bằng chứng, tuyên bố, câu hỏi  - Không xác định được các thông tin/bằng chứng liên quan đến vấn đề phản biện. | - Hiểu rõ, tóm tắt được bằng chứng, thông tin liên quan đến vấn đề phản biện | + Hiểu rõ, tóm tắt được bằng chứng, thông tin liên quan và biết sắp xếp, phân loại thông tin, bằng chứng được trình bày/ thảo luận theo thứ tự ưu tiên |
| **2 điểm** | **0 điểm** | **1.5 điểm** | **2 điểm** |
| 2. Phân tích, lập luận vấn đề | - Chỉ kể ra được các thông tin/ bằng chứng hiển nhiên, đơn giản sẵn có  - Bỏ qua các thông tin, bằng chứng quan trọng phản bác mạnh mẽ quan điểm của mình | - Xác định các lập luận có liên quan (có nêu lý do và ý kiến đồng ý/phản đối.  - Phân tích dựa trên quy định pháp luật hoặc thực tế nhưng không thuyết phục | - Xác định các lập luận logic  - Xác định được suy luận hoặc yêu cầu cần làm sáng tỏ dựa trên quy định pháp luật |
| **3 điểm** | **0,5 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| 3. Kết luận | Rút ra những kết luận dựa trên những cơ sở không liên quan | Đưa ra kết luận nhưng chưa có đầy đủ các bằng chứng theo quy định pháp luật. | Đưa ra kết luận logic từ các chứng cứ |
| **3 điểm** | **0 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| 4. Hình thức thể hiện | - Câu văn không rõ nghĩa, khó hiểu, lan man, đánh lạc hướng người đọc.  - Trình bày lan man, không rõ ràng. | Câu văn dễ hiểu, còn lỗi trình bày về sử dụng từ ngữ | Câu văn dễ hiểu, logic, từ ngữ chính xác. |
| **2 điểm** | **0.5 điểm** | **1.5 điểm** | **2 điểm** |
| **Tổng** | **1 điểm** | **7 điểm** | **10 điểm** |

***Rubric 3:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric 1 - Đánh giá bài A1.3 – BT Cá nhân - 5%)**  **Nội dung: Đánh giá CLO1.4; CLO4.1; CLO4.2**  Nội dung: BT nhóm kiểm tra kiến thức, khả năng giao quyết tình huống, tư vấn về thu thập thông tin, chứng cứ và xây dựng phương án tư vấn | | | | | |
| **Tiêu chí** | | **Mức độ đánh giá** | | | **Ghi chú** |
| 1. **Áp dụng kiến thức giải quyết tranh chấp dân sự (4 điểm)** | | | | |  |
| 1.1 | Định hướng giải quyết tranh chấp dân sự phù hợp quy định pháp luật | - Không xác định đúng QHPL tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn sai VB | - Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn đúng VBPL  - Thể hiện quan điểm giải quyết tranh chấp chưa rõ ràng | Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án  - Viện dẫn đúng VBPL  - Thể hiện quan điểm đúng về giải quyết vụ án trên cơ sở áp dụng quy định PL |  |
| **5 điểm** | **0 điểm** | **3 điểm** | **5 điểm** |
| **2. Xây dựng phương án tư vấn thu thập thông tin, chứng cứ nhằm giải quyết tranh chấp (3 điểm)** | | | | |  |
| 2.1 | Thực hiện việc thu thập thông tin, chứng cứ trong vụ việc theo phương thức phù hợp, hợp pháp | Không biết phân loại, thu thập thông tin có lợi hay bất lợi  Đánh giá sai về chứng cứ hoặc không đánh giá được | Xác định được các thông tin, bằng chứng có lợi, bất lợi cho các bên tham gia tranh chấp | Tư vấn phương án thu thập thông tin, chứng cứ hợp pháp  Bước đầu biết đánh giá về tính hợp pháp, của thông tin với lập luận thuyết phục |  |
| **3 điểm** | **0 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| **3. Xây dựng phương án tư vấn (3 điểm)** | | | | | |
| 2.2 | Viết thư tư vấn hướng dẫn thu thập thông tin, chứng cứ và cách thức giải quyết tranh chấp | Không xây dựng được phương án tư vấn  Ngôn ngữ, hình thức thư tư vấn có lỗi chính tả, không phù hợp, | -Thể hiện được phương án tư vấn nhưng không đầy đủ về thông tin, tài liệu, cách thức thu thập   * Phương án tư vấn hợp pháp, Sử dụng ngôn ngữ, hình thức không sai sót | Thể hiện được phương án tư vấn có chỉ rõ thông tin, tài liệu, cách thức thu thập   * Phương án tư vấn hợp pháp, khả thi.   Sử dụng ngôn ngữ chuyên nghiệp, hình thúc thư trình bày ấn tượng |  |
| **3 điểm** | **0.5 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |  |
| **Cách tính điểm: (1) + (2)+ (3)** | | | | | |

***Rubric 4: Đánh giá bài A1.4***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Rubric 4 - Đánh giá kiểm tra vấn đáp giữa kỳ - 20%**  Đánh giá CLO 1.1, CLO1.2, CLO2.2; CLO4.1, CLO4.2  Nội dung: SV thể hiện khả năng vận dụng quy định pháp luật dân sự, tư duy phản biện, hình thành ý tưởng và xây dựng phương án thực hiện hoạt động tư vấn, giải quyết vụ việc dân sự | | | | |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Mức đánh giá** | **Ghi chú** |
| 1 | Vận dụng đúng quy định pháp luật trong BLDS để trả lời đúng tình huống | 4 điểm |  |
| 2 | Thể hiện tư duy phản biện bằng cách nhận biết được thông tin/ bằng chứng không phù hợp quy định pháp luật và tuyên bố quan điểm đồng ý hay phản đối | 3 điểm |  |
| 3 | Chỉ ra được các thông tin/ bằng chứng cần thu thập để giải quyết tình huống tranh chấp dân sự GV yêu cầu và tư vấn phương án giải quyết | 3 điểm |  |
|  | **Tổng điểm** | **10** |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] TS. Phạm Thị Thúy Liễu (chủ biên), “Giáo trình Luật Dân sự”, Nxb Đại học Vinh, năm 2018.

[2] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, “Giáo trình Luật Dân sự”, 3 tập, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, năm 2016.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] TS Nguyễn Minh Tuấn, Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015, Nxb Tư pháp, năm 2017.

[4] TS. Đỗ Văn Đại, Luật hợp đồng Việt Nam – Bản án và bình luận án, Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
|  | ***Modul 1: Khái quát về luật dân sự*** | | |  |  |
| 1  (5 tiết) | 1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự  1.2. Quan hệ pháp luật dân sự | - Thuyết trình  - Phương pháp hỏi - đáp  - Phương pháp làm làm việc nhóm | - Chuẩn bị học liệu Giáo trình LDS và BLDS năm 2015 | CLO1.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - Trả lời câu hỏi trắc nghiệm elearning  - Nghiên cứu tình huống thực hành modul 1 |
| 2  (5 tiết) | 1.3. Tư vấn, giải quyết tình huống về tình huống pháp lý liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp làm việc nhóm  - Phương pháp so sánh tương phản | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 1 trước khi đến lớp | CLO1.1  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học  - Phương pháp nhóm | - Nghiên cứu tình huống thực hành modul 1 |
| 3  (5 tiết) | Thực hành giải quyết tranh chấp liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp nhóm  - Phương pháp bày tỏ quan điểm  - Phương pháp đóng vai | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 1 trước khi đến lớp  - Thu thập các mẫu giây thực hiện các mẫu giấy ủy quyền, HĐ ủy quyền để thực hiện việc soạn thảo | CLO1.1  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học | - Đọc giáo trình Luật Dân sự và tài liệu tham khảo  - Nghe bài giảng điện tử kiến thức modul 2 và làm trắc nghiệm trên hệ thống elearning |
|  | **Modul 2: Quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản** | | |  |  |
| 4  (5 tiết) | 2.1. Chiếm hữu và quyền sở hữu  2.2. Các quyền khác đối với tài sản  2.3. Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản bằng luật dân sự | - Phương pháp thuyết trình (bài giảng điện tử trước khi lên lớp)  - Phương pháp học bằng cách dạy học  - Phương pháp Hỏi đáp | - Hoàn thành nghe bài giảng điện tử, bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp  - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này.  - SV củng cố lý thuyết qua vấn đáp, thảo luận với giáo viên vấn đề lý thuyết. | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - SV nghiên cứu tình huống thực hành modul 2 |
| 5  (5 tiết) | 2.4 Tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp làm việc nhóm  - Phương pháp hội thảo | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 2 trước khi đến lớp | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học  - Phương pháp nhóm | - Nghiên cứu tình huống thực hành modul 2 |
| 6  (5 tiết) | Thực hành thu thập thông tin, bằng chứng, tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản, | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp nhóm  - Phương pháp đóng vai  Phương pháp quan sát và mô phỏng | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 2 trước khi đến lớp  - Thu thập những loại thông tin, giấy tờ chứng minh tình trạng pháp lý của tài sản | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học | - Đọc giáo trình Luật Dân sự và tài liệu tham khảo  - Nghe bài giảng điện tử kiến thức modul 3 và làm trắc nghiệm trên hệ thống elearning |
|  | **Modul 3: Quyền thừa kế** | | |  |  |
| 7  (5 tiết) | 3.1. Những quy định chung về quyền thừa kế  3.2. Thừa kế theo di chúc  3.3. Thừa kế theo pháp luật | - Phương pháp thuyết trình (Bài giảng điện tử trước khi lên lớp)  - Phương pháp học bằng cách dạy học  - Phương pháp dạy theo tình huống | - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp  - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này.  - SV củng cố lý thuyết bằng giải quyết tình huống | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - SV nghiên cứu tình huống thực hành modul 3 |
| 8  (5 tiết) | 3.4 Tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản thừa kế | Ở lớp (In class)  - Phương pháp tình huống kết hợp làm việc nhóm  - Phương pháp đóng vai, điều tra | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 3 trước khi đến lớp | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học  - Phương pháp nhóm | - Nghiên cứu tình huống thực hành modul 3 |
| 9  (5 tiết) | Thực hành tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp tài sản thừa kế | Ở lớp (In class)  - Phương pháp tình huống kết hợp làm việc nhóm  - Phương pháp đóng vai  - Phương pháp quan sát và mô phỏng | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 3 trước khi đến lớp  - Thu thập các mẫu văn bản di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để thực hiện soạn thảo di chúc, biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế | CLO1.2  CLO4.1 | A1.1  A1.4  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học | - Đọc giáo trình Luật Dân sự và tài liệu tham khảo  - Nghe bài giảng điện tử kiến thức modul 4 và làm trắc nghiệm trên hệ thống elearning |
|  | **Modul 4: Nghĩa vụ và hợp đồng** | | |  |  |
| 10  (5 tiết) | 4.1. Khái niệm, đặc điểm, căn cứ xác lập và chấm dứt nghĩa vụ dân sự  4.2. Chuyển giao nghĩa vụ, chuyển giao quyền yêu cầu  4.3. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự | Ở lớp (In class)  - Phương pháp thuyết trình (tài liệu trực tuyến)  - Phương pháp học bằng cách dạy học  - Phương pháp dạy theo tình huống | - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp  - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này.  - SV củng cố lý thuyết bằng giải quyết tình huống | CLO1.3  CLO2.2 | A1.3  A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - Đọc giáo trình Luật Dân sự và tài liệu tham khảo  - Nghe bài giảng điện tử kiến thức modul 4 và làm trắc nghiệm trên hệ thống elearning |
| 11  (5 tiết) | Modul 4  4.5. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng  4.6. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng  4.7. Thực hiện hợp đồng  4.8. Chấm dứt hợp đồng | - Phương pháp thuyết trình (tài liệu trực tuyến)  - Phương pháp học bằng cách dạy học  - Phương pháp dạy theo tình huống | - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp  - Thực hiện thuyết trình về chủ đề này.  - SV củng cố lý thuyết bằng giải quyết tình huống | CLO1.3  CLO2.2  CLO4.2 | A1.3  A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - SV nghiên cứu tình huống thực hành modul 4 |
| 12  (5 tiết) | Modul 4  Tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp làm việc nhóm  - Phương pháp đóng vai | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 4trước khi đến lớp | CLO1.3  CLO2.2  CLO4.2 | A1.3  A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học  - Phương pháp nhóm | - Nghiên cứu nghiên cứu tình huống thực hành modul 4 |
| 13  (5 tiết) | Thực hành tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự | - Phương pháp tình huống  - Phương pháp nhóm, tranh cãi theo cấu trúc  - Phương pháp quan sát và mô phỏng | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 4trước khi đến lớp  - Thực hiện thu thập các mẫu hợp đồng để tập soạn thảo hợp đồng | CLO1.3  CLO2.2  CLO4.2 | A1.3  A2.1 |
| ***Ở nhà (Out Class)***  - Tự học | - Đọc giáo trình Luật Dân sự và tài liệu tham khảo  - Nghe bài giảng điện tử kiến thức modul 5 và làm trắc nghiệm trên hệ thống elearning |
|  | **Modul 5: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng** | | |  |  |
| 14  (5 tiết) | 5.1 Khái quát về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng  5.2.Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể | - Phương pháp thuyết trình (tài liệu trực tuyến)  - Phương pháp học bằng cách dạy học  - Phương pháp dạy theo tình huống | - Hoàn thành bài tập trắc nghiệm modul kiến thức trên hệ thống Elearning trước khi lên lớp  - Thực hiện thuyết trình, đánh giá BT nhóm về chủ đề này.  - SV củng cố lý thuyết bằng giải quyết tình huống | CLO1.4  CLO4.1  CLO4.2 | A2.1 |
| Ở nhà (Out class)  - Phương pháp tự học | - SV nghiên cứu tình huống thực hành modul 5 |
| 15  (5 tiết) | Thực hành tư vấn, giải quyết vụ việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng | - Phương pháp tình huống, phương pháp làm việc nhóm Phương pháp điều tra | - Chuẩn bị tình huống thực hành modul 5trước khi đến lớp | CLO1.4  CLO4.1  CLO4.2 | A2.1 |
| Ở nhà (Out Class)  - Tự học | - Thực hiện ôn tập toàn bộ nội dung học phần |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  |  | Nguyễn Thị Thanh |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1***: Nguyễn Văn Trung

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091.50.52.736 Email: trunglsd@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 2***: Trần Cao Nguyên

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0902252168 Email: nguyengdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 3***: Trần Thị Hạnh

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0905797656 Email: hanhtran2202@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 4***: Phan Thị Nhuần

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0933698094 Email: phannhuandhv@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 5***: Dương Thị Mai Hoa

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0972989797 Email: hoaduong.project@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  (tiếng Anh): The history of the Communist Party of Vietnam. | | |
| - Mã số học phần: POL11004 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  ☑ Kiến thức chung  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☑ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 02 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: 0 | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | | | PLO2.2 | | |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.1.2 | …. | 2.2.1 | 2.2.2 | …. |
| CLO1.1 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | **3.0** | **Giải thích** được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | **3.0** | **Thể hiện** bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. | Tự học; Thảo luận. | Hồ sơ học tập |
| CLO2.2 | **3.0** | Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng. | Thảo luận | Hồ sơ học tập |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO1.1 | 30% | 10% |
| CLO2.1 | 30% |
| CLO2.2 | 40% |
| A1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nôp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 30% | 20% |
| CLO2.1 | 30% |
| - Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO2.2 | 40% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.1 | 20% |  |
| CLO2.1 | 40% |
| CLO2.2 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | |  |  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb CTQG, HN, 2020.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2]. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 2. NXB Giáo dục 2001.

[3]. Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư, Đại cương Lịch sử Việt Nam -Tập 3. NXB Giáo dục 2001.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Một số chuyên đề vềịch sử Đảng Công sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2008.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/Buổi học (1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| 1. | Chương nhập môn:  I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)  1. Bối cảnh lịch sử  + Thế giới  +Trong nước (tự học) | - Cung cấp đề cương chi tiết học phần; Giới thiệu học phần; phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá.  Lý thuyết:  - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 49.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 2 | Chương 1 (Tiếp theo)  2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng  3, Thành lập ĐCS Việt Nam |  | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 49 đến trang 70.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 3 | II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)  1. Phong trào cách mạng 1930-1935 (Tự học)  2. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 (Tự học)  3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945  4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 4 | Chương 2  Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước  (1945 - 1975)  I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ (1945-1946)  2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 (Tự học)  Chương 2 (Tiếp theo)  3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)  4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 179.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 5 | II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  1. Trong giai đoạn 1954-1965  2. Trong giai đoạn 1965-1975  3. Thành tựu, hạn chế và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975 (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 đến trang 235.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 |  |
| 6 | Thảo luận  Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn đến thành lập Đảng CS Việt Nam? | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 12 đến trang 70  - Chuẩ bị giấy A0, bút và máy tính xách tay | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A.1.2 |
| 7 | Thảo luận  Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp GPDT 1930 -1945?  Đặc điểm, tính chất và bài học kinh nghiệm của CM Tháng Tám. | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 71 đến trang 125  - Chuẩ bị giấy A0, bút và máy tính xách tay | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A.1.2 |
| 8 | Chương 3  Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)  I. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)  1. Bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)  2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (Tự học) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 đến trang 260.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2 |
| 9 | Chương 3 (Tiếp theo)  II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)  1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996) | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 260 đến trang 271.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2 |
| 10 | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội VII và Đại hội VIII | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 272 đến trang 295.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2 |
| 11 | Chương 3 (Tiếp theo)  2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (1996-2018)  Đại hội IX – XI | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 296 đến trang 366. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1  CLO3.2 | A1.1  A2 |
| 12 | Chương 3 (Tiếp theo)  Đại hội XII - XIII  3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới  KẾT LUẬN  I. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam  II. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng | - Thuyết giảng: GV viết bảng, thuyết trình và kết hợp trình chiếu slide các nội dung.  - Sử dụng Phương pháp dạy học gợi mở - vấn đáp; Phương pháp thuyết trình, giải thích. | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 367 đến trang 344.  - Vở ghi chép, giáo trình | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A2 |
| 13 | Thảo luận  Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954.  Sự phát triển đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975. | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 128 đến trang 235.  - Vở ghi chép, giáo trình, bút, giấy A0 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |
| 14 | Thảo luận  Cách mạng XHCN và những thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954 - 1975  Nội dung đường lối đổi mới toàn diện tại ĐH VI và sự chỉ đạo thực hiện | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 180 - 235; 238 - 260.  - Vở ghi chép, giáo trình, bút, giấy A0 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |
| 15 | Thảo luận  Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH và hội nhập quốc tế?  Thành tựu, ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới? | Giáo viên chia nhóm giao bài tập cho các nhóm hoàn thành.  GV đề nghị các nhóm cử đại diện trình bày và nghe góp ý các nhóm bạn | Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 - 434.  - Vở ghi chép, giáo trình, bút, giấy A0 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2 | A1.1  A1.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Trần Cao Nguyên | Nguyễn Văn Trung |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên: Trần Cao Nguyên***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 09678.54.555

email: nguyengdct@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xây dựng Đảng, Nhà nước và pháp luật, Chính trị học, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam  (tiếng Anh) History of the State Government of Vietnam | | |
| - Mã số học phần POL200023 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước | | Mã số HP: POL200020 |
| + Học phần học trước: Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước: | | Mã số HP: POL200020 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý nhà nước  Điện thoại: 0912627109 Email: quangdhv@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam. Đồng thời học phần giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị trong môn học trong xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Cung cấp những hiểu biết về hệ thống chính quyền của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay.

- Hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử.

- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.3 | PLO2.4 | PLO4.1 |
| 1.3.1 | 2.3.2 | 2.4.1 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.3 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.4 |  |  | ✓ |  |
| CLO4.1 |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày kiến thức liên quan về nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.3 | A3 | Thể hiện ý thức trách nhiệm trong xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay | Thảo luận | Quan sát |
| CLO2.4 | K3 | Giải thích được đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước ở nước ta từ nhà nước đầu tiên cho đến nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. | Tự học | Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | Đề xuất những giải pháp hoàn thiện chính quyền nhà nước Việt Nam hiện nay. | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1 | CLO1.1 |  |
| A.1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.3 |  |
| A1.3 | - nhóm trưởng nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO2.4 |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | - Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.1 |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3.1 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO2.4; CLO4.1 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** a = a1 × 0.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá giữa kỳ; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Học liệu bắt buộc***

TS. Nguyễn Vũ Tiến (2007); *Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

***6.2. Học liệu tham khảo***

-Vũ Thị Phụng (1997); *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

- Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2005); *Đại cương lịch sử Việt Nam,*Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- Ngô Sĩ Liên (1967 - 1968); *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập 4), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. (Thư viện số)

- *Đại Việt sử ký toàn thư* : Bản in nội các quan bản. Mộc bản khắc năm chính hoà thứ 18 (1697) / GS.VS.Nguyễn Khánh Toàn;GS. Phan Huy Lê khảo cứu;Ngô Đức Thọ dịch và chú thích;GS. Hà Văn nxB Văn hóa Thông tin 2000

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Xây dựng chính quyền trong nhà nước Văn Lang – Âu Lạc**  1.1. Khái quát về điều kiện kinh tế xã hội của Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc  1.2. Sự hình thành chính quyền nhà nước  1.3. Chính quyền nhà nước Âu Lạc | - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 27.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | - CLO1.1 | - A1.1  - A2.1 |
| 2(3) | **Chương 2: Xây dựng chính quyền nhà nước thời kỳ Bắc thuộc (năm 179 tr.CN đến đầu thế kỷ X)**  2.1. Tổ chức chính quyền nhà nước  2.2. Hoạt động của chính quyền đô hộ | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 28 đến trang 56.  - Tìm tài liệu liên quan đến bài tập cá nhân. | - CLO1.1 | - A1.1  - A2.1 |
| 3(3) | **Chương 3: Xây dựng chính quyền nhà nước từ năm 905 đến năm 1009**  3.1. Tình hình kinh tế - xã hội  3.2. Tổ chức chính quyền nhà nước | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS | - CLO1.1  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A2.1 |
| 4(3) | **Chương 4: Xây dựng chính quyền nhà nước từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV**  4.1. Chính quyền nhà nước thời Lý - Trần  4.2. Hoạt dộng của nhà nước thời Lý - Trần  4.3. Chính quyền nhà nước thời Hồ | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 57 đến trang 79  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A3.1 |
| 5(3) | **Chương 5: Xây dựng chính quyền nhà nước thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI**  5.1. Tổ chức bộ máy nhà nước  5.2. Hoạt động của chính quyền nhà nước | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 80 đến trang 102. | - CLO1.1  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A2.1 |
| 6(3) | **Chương 6: Xây dựng chính quyền nhà nước thời kỳ nội chiến (từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII)**  6.1. Tổ chức và hoạt động của chính quyền nhà nước  6.2. Tình hình pháp luật | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 103 đến trang 129. | - CLO1.1  - CLO2.3 | - A1.1  - A1.2  - A2.1 |
| 7(3) | **Chương 7**:**Xây dựng chính quyền nhà nước thời Nguyễn (từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1858)**  7.1. Tổ chức chính quyền nhà nước  7.2. Hoạt động của chính quyền nhà nước | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 130 đến trang 172. | - CLO1.1 | - A1.1 |
| 8(3) | **Chương 8: Chính quyền nhà nước thời kỳ thuộc Pháp (1858 – 1945)**  8.1. Tổ chức bộ máy chính quyền thuộc địa  8.2. Hệ thống pháp luật | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 173 đến trang 197.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | - CLO1.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A3.1 |
| 9(3) | **Chương 9: Xây dựng chính quyền nhà nước từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay**  9.1. Xây dựng chính quyền nhà nước từ khi độc lập đến khi Hiến pháp 1946 ra đời  9.2.Xây dựng chính quyền nhà nước trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 198 đến trang 237.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.1  - CLO2.4 | - A1.1  - A2.1 |
| 10(3) | 9.3. Xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975  9.4.Xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam từ năm 1976 đến nay | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 238 đến trang 263. | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A3.1 |

***Thảo luận:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 11(3) | Phân tích cơ sở hình thành và đặc điểm của chính quyền nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. | Hoạt động nhóm | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | - CLO2.4 | - A1.3 |
| 12(3) | Phân tích đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước thời kỳ nhàNgô, nhà Đinh và Tiền Lê (938-1009). | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1] | - CLO2.3 | - A1.1  - A1.3 |
| 13(3) | Phân tích đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước thời kỳ nhàLý (1009-1225) đối với lịch sử dân tộc. | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1] | - CLO2.3 | - A1.1  - A1.3 |
| 14(3) | Phân tích đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước thời nhà Nguyễn | Hoạt động nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO2.4 | - A1.3 |
| 15(3) | Phân tích đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của chính quyền nhà nước thời ở nước ta thời kỳ 1954- nay | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1], | - CLO2.3 | - A1.1  - A1.3 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Quản lý ngành** | **Giảng viên** |
|  | Trần Viết Quang | Trần Cao Nguyên |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XH&NV**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**TÁC PHẨM MÁC - LÊNIN VÀ HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1: Trần Viết Quang**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC.PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912627109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học, tịch sử triết học, chính trị học.

**Giảng viên 2: Đinh Thế Định**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC.PGS.TS

***học phần:***Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912626385 Email: dinhdtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:CNXHKH, lịch sử tư tưởng XHCN, chính trị học.

**Giảng viên 3: Phan Văn Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.TS

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm xã hội, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918660765 Email: tuanpv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị học, tác phẩm Hồ Chí Minh

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |
| --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tác phẩm Mác – Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước  (tiếng Anh): Marx - Lenin and Ho Chi Minh work about government |
| - Mã số học phần: POL30004 |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  ☒ Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 5 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 50 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 25 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 150 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin  Kinh tế chính trị Mác – Lênin  Chủ nghĩa xã hội khoa học | | Mã số HP: POL11001  Mã số HP: POL11002  Mã số HP: POL11003 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các quan điểm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh trong một số tác phẩm tiêu biểu. Thông qua đó bồi dưỡng năng lực vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho sinh viên.

**3. Mục tiêu học phần**

Giúp sinh viên hiểu được nguồn gốc ra đời và bản chất của nhà nước, vai trò của quản lý nhà nước đối với kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Sự tương thích với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 |
| 1.2.1 | 2.1.3 | 2.2.1 |
| CLO1.2.1 | 1.0 |  |  |
| CLO2.1.3 |  | 1.0 |  |
| CLO2.2.1 |  |  | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2.1 | K4 | *Vận dụng* quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, | Thuyết trình; Thảo luận | Tự luận  Hồ sơ học phần |
| CLO2.1.3 | S4 | *Thể hiện* tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước | Thảo luận | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2. | A4 | *Thể hiện* phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa. | Nghiên cứu tình huống | Quan sát |

**5. Đánh giá học phần**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | | **Tỷ lệ**  **cho học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | |  | | **50%** | |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1 |  | 100% | | 10% | |
| A.1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ  - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án  - Rubric 2 | CLO1.2.1 | 100% | | 20% | |
| CLO2.1.3 | 20% | |
| A1.3 | - Bài thi tự luận: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.2.1 | 100% | | 20% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | **50%** | |
| A2 | - Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.  - Hoặc bài liểu luận | - Đáp án  - Rubric 3 | CLO1.2.1 | 70% | | 50% | |
| CLO2.1.3 | 30% | |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** A = (A1.1 × 0.1) + (A1.2 × 0.2) + (A1.3 × 0.2) + (A2 × 0.5)  Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; A1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; A1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; A2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  Tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (>=N) (N được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập, đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài   - Đưa ra  những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

***- Rubric 3: Đánh giá bài A2 (Áp dụng đối với hình thức bài tiểu luận)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Điểm |
| Nội dung | Nội dung đáp ứng tốt yêu cầu  (50) | Nội dung đáp ứng tương đối tốt yêu cầu  (40) | Nội dung cơ bản đáp ứng yêu cầu  (30) | Nội dung chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu  (20) | 50 |
| Kết cấu | Kết cấu hợp lý, lôgíc  (20) | Kết cấu tương đối hợp lý  (16) | Kết cấu khá hợp lý  (12) | Kết cấu không hợp lý  (8) | 20 |
| Hình thức trình bày, diễn đạt | Hình thức trình bày, diễn đạt tốt  (20) | Trình bày, diễn đạt tương đối tốt  (18) | Trình bày, diễn đạt khá  (12) | Trình bày, diễn đạt không theo quy định, thiếu chuẩn xác  (8) | 20 |
| Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo | Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo đúng quy định, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng  (10) | Biết trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo nhưng còn hạn chế  (8) | Có trích dẫn, sử dụng một số tài liệu tham khảo  (6) | Không có trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo  (4) | 10 |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Đinh Thế Định, Trần Viết Quang, Nguyễn Thị Diệp, Phan Văn Tuấn *Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước (Tập bài giảng),* Đại học Vinh, 2019.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập, tập 3, 4*, NXB CTQG, HN, 2004.

[2]. V.I.Lênin: *Toàn tập, tập 19*, 33, NXB CTQG - ST, HN, 1995.

[3] Nguyễn Xuân Phong, *Tác phẩm Mác- Lênin về chính trị,* NXB LLCT, 2010.

[4]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, *tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

[5]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, *tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài**  **đánh giá** |
| 1 (4) | **Tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức***  1.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  1.2. Phê phán “hệ tư tưởng Đức”  1.3. Quan điểm duy vật lịch sử | - GV sử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 13-21  - Đọc tài liệu tham khảo [1] tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* tr 5-105. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 2 (4) | Tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*  1.4. Các vấn đề chính trị xã hội  1.5. Ý nghĩa của tác phẩm | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 13-21 .  - Đọc tài liệu tham khảo [1] tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* .  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 3 (4) | Thảo luận nhóm:  1. Quan diểm của C.Mác về các vấn đề chính trị xã hội trong tác phẩm **“Hệ tư tưởng** Đức”  2. Ý nghĩa của tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.3 A1.3 A2 |
| 4 (4) | Tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*  2.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  2.2. Vấn đề gia đinh  2.3. Vấn đề giai cấp và nhà nước  2.4. Các cuộc cách mạng xã hội trong lịch sử  2.5. Ý nghĩa của tác phẩm | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 22 -35  - Đọc tài liệu tham khảo [1] tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 5 (4) | Tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*  2.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  2.2. Nguồn gốc của nhà nước  2.3. Bản chất của nhà nước  2.4. “Sự tiêu vong” của nhà nước | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 36 - 50  - Đọc tài liệu tham khảo [2] tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 6 (4) | Tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*  2.4. Cách mạng xã hội  2.5. Các giai đoạn trong sự hình thành, phát triển của hình thái KT-XH CSCN  3. Ý nghĩa của tác phẩm | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 36 – 50.  - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc tài liệu tham khảo [2] tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận: | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 7 (4) | Thảo luận nhóm:  - Tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*  - Tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 8 (4) | **Tác phẩm *Thà ít mà tốt***  1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  2 Nội dung tác phẩm  3. Ý nghĩa của tác phẩm | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 130-138  - Đọc tài liệu tham khảo [1] tác phẩm *Thà ít mà tốt*  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 9 (4) | Tác phẩm *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô viết*  1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  2. Nội dung của tác phẩm  2.1. Về nhiệm vụ của đảng | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr - Đọc tài liệu tham khảo [2] tác phẩm: *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô viết,* V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb CTQG, 2005, tr 201-256. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 10 (4) | Tác phẩm *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô viết*  2.2. Tổ chức xây dựng, quản lý đất nước trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội.  2.3. Thực hiện chuyên chính vô sản.  3. Ý nghĩa của tác phẩm | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr - Đọc tài liệu tham khảo [2] tác phẩm: *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô viết,* tr 201-256.  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 11 (4) | Thảo luận nhóm:  - Tác phẩm *Thà ít mà tốt*  - Tác phẩm *Những nhiệm vụ trước mắt của Chính quyền Xô viết* | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 12 (4) | *Tác phẩm: Bản yêu sách của nhân dân An Nam*  1. Bối cảnh lịch sử ra đời, chủ đề tư tưởng, kết cấu của tác phẩm  2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  3. Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm  *3.1. Giá trị lý luận*  *3.2. Giá trị thực tiễn* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr - Đọc tài liệu tham khảo [4] tác phẩm: *Bản yêu sách của nhân dân An Nam,* tr 440-441.  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 13 (4) | Thảo luận nhóm:  - *Tác phẩm: Bản yêu sách của nhân dân An Nam* | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 14 (4) | Tác phẩm *Đường cách mệnh*  1. Bối cảnh lịch sử ra đời, chủ đề tư tưởng, kết cấu của tác phẩm  2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  3. Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm  3.1. Giá trị lý luận  3.2. Giá trị thực tiễn | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr - Đọc tài liệu tham khảo [5] tác phẩm: *Đường cách mệnh,* tr 277 347.  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 15 (4) | Thảo luận nhóm:  - Tác phẩm *Đường cách mệnh* | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  + Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Đọc giáo trình , tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên**  **Trần Viết Quang** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**TRƯỜNG KHOA HỌC XH&NV**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**LỊCH SỬ TRIẾT HỌC**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Trần Viết Quang**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC.PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912627109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học, lịch sử triết học, chính trị học

**Giảng viên 2: Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC.PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: sonnt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học, lịch sử triết học, chính trị học, lôgic học

**Giảng viên 4: Phan Huy Chính**

Chức danh, học hàm, học vị:GV.ThS

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: chinhph@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:triết học, lịch sử triết học, lôgíc học

**Giảng viên 5: Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC.TS

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: sangnv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:triết học, lịch sử triết học, lôgíc học, chính trị học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Lịch sử triết học  (tiếng Anh):History of philosophy | | |
| - Mã số học phần: POL30013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  ☒ Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác – Lênin | | Mã số HP: POL11001 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh.  Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý nhà nước  Điện thoại: Email: | | |

**2.** **Mô tả môn học**

*Lịch sử triết học* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước, khái quát quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, bao gồm: triết học các nước phương Đông, phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ; trình bày tư tưởng cơ bản của các học thuyết và các triết gia tiêu biểu.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, rèn luyện năng lực vận dụng lý luận triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước, đồng thời, trang bị thế giới quan, phương pháp luận khoa học và hình thành ở sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn.

**3. Mục tiêu môn học**

Từ việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, hình thành ở người học thế giới quan, phương pháp luận khoa học và phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn, học phần *Lịch sử triết học* giúp sinh viên vận dụng tư tưởng triết học vào nghiên cứu và và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | ***Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần* với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.1 |
| CLO1.2.1 | 1.0 |  |  |
| CLO2.1.3 |  | 1.0 |  |
| CLO2.2.1 |  |  | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp**  **đánh giá** |
| CLO1.2.1 | K3 | *Vận dụng* tư tưởng triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước | Thuyết trình; Thảo luận | Tự luận  Hồ sơ học phần |
| CLO2.1.3 | S3 | *Thể hiện* tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước | Nghiên cứu tình huống | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2.1 | A3 | *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, lập trưởng tư tưởng vững vàng | Thảo luận | Quan sát |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | | **Tỷ lệ**  **cho học phần** | |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | |  | | **50%** | |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1 |  | 100% | | 10% | |
| A.1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ  - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án  - Rubric 2 | CLO1.2.1 | 40% | | 20% | |
| CLO2.1.3 | 40% | |
| CLO2.2.1 | 20% | |
| A1.3 | - Bài thi tự luận: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.2.1 | 100% | | 20% | |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | | **50%** | |
| A2 | - Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.  - Hoặc bài liểu luận | - Đáp án  - Rubric 3 | CLO1.2.1 | 100% | | 50% | |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** A = (A1.1 × 0.1) + (A1.2 × 0.2) + (A1.3 × 0.2) + (A2 × 0.5)  Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; A1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; A1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; A2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***Giáo trình:***

[1] Trần Viết Quang (Chủ biên), *Lịch sử triết học,* NXB Đại học Vinh, 2020.

***Tài liệu tham khảo:***

[1] Trần Đăng Sinh (Chủ biên), *Lịch sử triết học,* NXB Đại học Vinh, 2010.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, 2006.

**7. Nội dung và kế hoạch giảng dạy**

***7.1. Nội dung giảng dạy***

***7.2. Kế hoạch giảng dạy***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Chuẩn bị của SV** | **CĐR học phần** | **Bài**  **đánh giá** |
| 1 (3) | Chương 1: Nhập môn lịch sử triết học  1.1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội  1.2. Đối tượng nghiên cứu của lịch sử triết học  1.3. Những nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu lịch sử triết học  1.4. Ý nghĩa của môn Lịch sử triết học | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 9-26  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 2 (3) | Chương 2: Triết học Ấn Độ cổ đại  2.1. Khái quát về xã hội Ấn Độ cổ đại và các giai đoạn phát triển của triết học Ấn Độ cổ đại  2.2. Triết học Ấn Độ thời kỳ Veda  2.3. Các trường phái triết học Ấn Độ cổ đại | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 27-64  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.1;  CLO1.2; CLO2.1; CLO3.1; CLO4.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 3 (3) | Thảo luận nhóm:  1) Mặt tích cực và hạn chế của nhân sinh quan Phật giáo?  2) Ảnh hưởng của Phật giáo đến xã hội và con người Việt Nam? | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.3 A1.3 A2 |
| 4 (3) | Chương 3: Triết học Trung Quốc cổ đại  3.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm của triết học Trung Quốc cổ đại  3.2. Các học thuyết tiêu biểu của triết học Trung Quốc cổ đại | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 65-80  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 5 (3) | Chương 3: Triết học Trung Quốc cổ đại  3.2. Các học thuyết tiêu biểu của triết học Trung Quốc cổ đại | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 81-98  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 6 (3) | Thảo luận nhóm:  1) Ảnh hưởng của Nho giáo ở Việt Nam?  2) Mặt tích cực và hạn chế trong quan điểm “vô vi” của Lão Tử? | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 7 (3) | Chương 4: Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam  4.1. Cơ sở hình thành và đặc điểm của tư tưởng triết học Việt Nam  4.2. Nội dung cơ bản của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 99-122  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 8 (3) | Thảo luận nhóm:  1) Cuộc đấu tranh giữa CNDV và CNDT trong lịch sử tư tưởng Việt Nam?  2) Nội dung cơ bản của tư tưởng yêu nước Việt Nam? | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 9 (3) | Chương 5: Lịch sử triết học phương Tây  5.1. Triết học Hy Lạp cổ đại  *5.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Hy Lạp cổ đại*  *5.1.2. Các trường phái và các nhà triết học tiêu biểu* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 123-142  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 10 (3) | Chương 5: Lịch sử triết học phương Tây  5.2. Triết học Tây Âu thời Trung cổ  *5.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Tây Âu thời Trung cổ*  *5.2.2. Một số đại biểu của triết học Tây Âu thời Trung cổ*  5.3. Triết học Tây Âu thời Phục hưng và cận đại  *5.3.1. Triết học Tây Âu thời Phục hưng* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 143-151  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 11 (3) | Chương 5: Lịch sử triết học phương Tây  *5.3.2. Triết học Tây Âu thời cận đại*  5.4. Triết học cổ điển Đức  5.4.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học cổ điển Đức | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 152-171  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 12 (3) | Chương 5: Lịch sử triết học phương Tây  5.4.2. Các nhà triết học tiêu biểu  5.5. Triết học phương Tây hiện đại  5.5.1. Hoàn cảnh ra đời và phát triển của triết học phương Tây hiện đại  5.5.2. Một số trào lưu của triết học phương Tây hiện đại | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 172-214  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 13 (3) | Thảo luận nhóm  1) Đặc điểm của triết học Tây Âu thời cận đại?  2) Những đóng góp và hạn chế của triết học cổ điển Đức? | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 14 (3) | Chương 6: Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin  6.1. Những điều kiện, tiền đề ra đời của triết học Mác  6.2. Các giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành của triết học Mác  6.3. Thực chất của cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện  6.4. Quá trình bổ sung, phát triển của triết học Mác  6.5. Giai đoạn Lênin phát triển triết học Mác | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình [1] tr 215-288  - Đọc tài liệu tham khảo [1]  - Chuẩn bị nội dung thảo luận. | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |
| 15 (3) | - Thảo luận nhóm:  Bản chất khoa học và cách mạng của CNDVBC?  - Tổng kết môn học | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận.  + Tổng kết học phần | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.2.1  CLO2.1.3 CLO2.2.1 | A1.1 A1.2 A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  |  | **Trần Viết Quang** |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGÀNH VÀ LÃNH THỔ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Thị Lê Vinh***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: vinhntl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị quốc tế, chính trị học so sánh, xử lý tình huống chính trị, vấn đề dân tộc và tôn giáo.

***Giảng viên 2: Lê Thị Thanh Hiếu***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Điện thoại, email: thanhhieu@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: SMT30006 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30 | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
|  | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Đại cương về quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT20001 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số tiết  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Do tính chất đặc điểm khác nhau của từng vùng lãnh thổ nên cách thức và phương pháp quản lý những vấn đề ngành có thể khác nhau. Tuy nhiên, quản lý nhà nước các vấn đề trên tất cả các lĩnh vực đòi hỏi vừa đảm bảo tính thống nhất vĩ mô trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia nhưng đồng thời có tính đến yếu tố đặc trưng của từng lãnh thổ. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên phân định rõ vấn đề đó để sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào từng địa phương (lãnh thổ) cụ thể.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ

- Hình thành kĩ năng quản lý thời gian và nguồn lực

- Rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm

- Áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ vào thực tiễn nghề nghiệp tại địa phương cụ thể

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.1 | PLO4.2 | | | |
| 1.3.2 | 2.1.5 | 2.2.2 | 3.1.1 | 4.1.3 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.1 | 0,4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.5 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Trình bày quan niệm, chủ thể quản lý, nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | A3 | Thể hiện kĩ năng quản lí thời gian và phân bổ nguồn lực | Tự học | Quan sát |
| CLO2.2 | A3 | *Thể hiện* đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước | Tự học | Quan sát |
| CLO3.1 | S3 | Có khả năng triển khai hoạt động nhóm | Làm việc nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | K4 | *Phân tích* cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ | Làm việc nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO4.2 | C4 | Lựa chọn mô hình quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể | Đồ án | Rubric |
| CLO4.3 | C4 | Xây dựng nội dung quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể | Đồ án | Rubric |
| CLO4.4 | C4 | Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể | Đồ án | Rubric |
| CLO4.5 | C4 | Đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể | Đồ án | Rubric |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric | CLO2.1 | 50% | 10% |
| CLO2.2 | 50% |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric | CLO4.1 | 50% | 20% |
| CLO4.2 | 50% |
| A1.3 | Câu hỏi trắc nghiệm khách quan | Đáp án | CLO1.1 | 40% | 20% |
| CLO1.2 | 40% |
| CLO4.1 | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | Hoạt động nhóm | Rubric | CLO4.3 | 100% | 10% |
| A2.2 | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric | CLO4.4 | 50% | 40% |
| CLO4.5 | 50% |  |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2.1 + A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá thường xuyên

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá tiến độ đồ án (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |  |
| **Hình thành ý tưởng về đồ án** | - Xác định vấn đề nghiên cứu  rõ ràng. | -Xác định vấn đề nghiên cứu  khá tốt. | - Xác định vấn đề  nghiên cứu  tạm được. | -Xác định cơ bản vấn đề nghiên  cứu. | -Xác định  vấn đề  nghiên cứu yếu. | 40% |
| **Thiết kế đồ án** | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án sát với phân tích.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích khá tốt.  -Thiết kế cấu trúc đồ án khá tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án ở mức cơ bản.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án kém.  - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án. | 60% |

**Bảng 3: Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.3)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1.1 | Khái niệm quản lý nhà nước theo ngành, phân chia hệ thống kinh tế quốc dân theo ngành | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.1.2 | Nội dung quản lý nhà nước theo ngành | 3 | 2 | 1 | - |
| 1.1.3 | Phân cấp quản lý nhà nước theo ngành | 3 | 1 | 1 | 1 |
| 1.2.1 | Khái niệm quản lý nhà nước về lãnh thổ, chủ thể quản lý, nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.2.2 | Cách thức hình thành đơn vị lãnh thổ, phân chia địa giới hành chính, phân chia lãnh thổ kinh tế ở Việt Nam | 3 | - | 2 | 1 |
| 1.2.3 | Cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam, phân cấp hành chính ở Việt Nam, | 3 | - | 2 | 1 |
| 1.3.1 | Cơ chế kết hợp trong quản lý nhà nước | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.3.2 | Nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ | 3 | 2 | 1 | - |
| 1.3.3 | Nội dung kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ | 3 | - | 1 | 2 |
| **Tổng** | | **30** | **14** | **11** | **5** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **46%** | **37%** | **17%** |

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 6. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 4)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 5)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 6: Rubric đánh giá đồ án học phần (A2.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Hồ sơ đồ án**  (Báo cáo thuyết minh bản Word, bài thuyết trình PPT, nhật ký làm việc nhóm) | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu | 60% |
| **Trình bày đồ án** | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, cuốn hút. | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, trôi chảy. | - Slide thiết kế khá tốt.  -Trình bày đầy đủ nội dung. | Có slide hỗ trợ thuyết trình | Có slide hỗ trợ thuyết trình | 20% |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Trả lời chính xác các câu hỏi của giảng viên. | Trả lời 2/3 số câu hỏi của giảng viên | Trả lời ½ câu hỏi của giảng viên | Trả lời chưa chính xác các câu hỏi của giảng viên | Không trả lời câu hỏi của giảng viên | 20% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Lê Thị Vân Hạnh (chủ biên) – Lương Thanh Cường (Trưởng ban cập nhật chỉnh sửa), *Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên* (*Quyển I: Kiến thức chung),* Nxb. Bách khoa – Hà Nội, 2018.

[2] Ngô Thúy Quỳnh, *Những vấn đề chủ yếu về quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ*, Nxb. Thống kê, 2014.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Bộ Nội vụ, *Niêm giám Tổ chức hành chính Việt nam 2009,* Nxb. Thống kê, 2009.

[4] Nguyễn Thị Phượng, *Tổ chức đơn vị hành chính – lãnh thổ Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, 2013.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, phân bố cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1,2:*** 30 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 7 tuần.

***Tín chỉ 3,4***: 30 tiết đồ án học phần học trong 8 tuần. Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | Chương 1. Khái quát chung về ngành   * 1. Khái niệm ngành   2. Phân chia hệ thống kinh tế quốc dân theo ngành | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **2** | Chương 2. Nội dung quản lý nhà nước theo ngành  2.1. Khái niệm quản lý nhà nước theo ngành  2.2. Cơ quan quản lý nhà nước theo ngành  2.3. Nội dung quản lý nhà nước theo ngành | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **3** | Chương 3. Phân cấp quản lý nhà nước theo ngành  3.1. Mục tiêu phân cấp  3.2. Nguyên tắc phân cấp | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1  A1.3 | CLO1.2 |
| **4** | Chương 3. Phân cấp quản lý nhà nước theo ngành  3.3. Các ngành, lĩnh vực cần tập trung phân cấp quản lý nhà nước  3.4. Nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh phân cấp theo ngành | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **5** | **Chương 4. Tổng quan về vùng lãnh thổ**  4.1. Những vấn đề chung về vùng lãnh thổ (trong điều kiện Việt Nam)  4.2. Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ ở Việt Nam | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **6** | **Chương 5. Quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ**  5.1. Nhận thức và quan niệm về quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ  5.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ  5.3. Hiệu quả quản lý nhà nước đối với phát triển vùng lãnh thổ ở Việt Nam | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1  A1.3 | CLO1.2 |
| **7** | **Chương 6. Kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ**  6.1. Những vấn đề cơ bản về sự kết hợp trong hoạt động quản lý nhà nước  6.2. Nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ  6.3. Nội dung kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và lãnh thổ | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K3, A3, S3 | A1.1  A1.3 | CLO2.2 |
| **8** | Xác định ý tưởng làm đồ án, phân công nhóm và giảng viên phụ trách nhóm. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, A3 | A2.1a | CLO3.1  CLO4.1 |
| **9** | Hướng dẫn các bước thiết kế đồ án | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, A3 | A2.1a | CLO2.1  CLO3.1 |
| **10** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, A3, C4 | A2.1a | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.2 |
| **11** | Đánh giá tiến độ đồ án | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá, định hướng | S3, A3, C4 | A1.2  A2.1b | CLO4.1  CLO4.2 |
| **12** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, A3, C4 | A2.1a | CLO3.1  CLO4.3 |
| **13** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, A3, C4 | A2.1a | CLO3.1  CLO4.3 |
| **14** | Viết báo cáo đồ án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, A3, C4 | A2.1a  A2.2a | CLO2.1  CLO3.1 |
| **15** | Báo cáo đồ án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S3, A3, C4 | A2.1b  A2.2 | CLO4.4  CLO4.5 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  |  | Nguyễn Thị Lê Vinh |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG SƯ PHẠM – KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIÊT HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: Thanhcandhv2020@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị học.

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Phan Văn Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị - Báo chí, trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0985.520211 Email: phanvantuan94@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị học.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983067973; Email: hoangngadhv11@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thi**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623; Email: kimthi47@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 5:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Chi**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0943572456 Email: kimchi11192@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp giảng dạy.

**Giảng viên 6:**

Họ và tên: **Lê Thị Thanh Hiếu**

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Chính trị - Báo chí, trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.528.917; Email: thanhhieu.dhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, chính trị học.

***1.2. Thông tin về môn học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Tư tưởng Hồ Chí Minh  (tiếng Anh): Ho Chi Minh Thought | | |
| - Mã số học phần: POL10002 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục Chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Triết học Mác Lê-nin, Kinh tế chính trị CNXH khoa học. | |  |
| + Học phần học trước: Không quy định | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo học phần qua LMS.  + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận, làm việc nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Khoa GDCT - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh  Điện thoại: Email: | | |

**2.** **Mô tả học phần**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

**3. Mục tiêu học phần**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

**Mục tiêu học phần (COs)**

**CO1:** Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

**CO2:** Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

**CO3:** Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh.

**4. Chuẩn đầu ra học phần**

*4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 | |
| 1.1.1 | 2.1.1 | 2.2.1 | 2.2.2 |
| CLO1.1 | 0,6 |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,4 |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 | 1,0 |

***(Đối chiếu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị)***

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Giải thích* *được* nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh | Thuyết giảng/  Thảo luận/tự học | Bảng kiểm/  Câu hỏi TNKQ |
| CLO1.2 | K3 | *Giải thích* *được* định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước. | Thuyết giảng/  Thảo luận/tự học | Bảng kiểm/  Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | A4 | *Bồi dưỡng được* bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. | Thảo luận/tự học | Bảng kiểm/  Phiếu đánh giá |
| CLO2.2 | S3 | *Rèn luyện* được kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần. | Thảo luận/tự học | Bảng kiểm/  Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá**  **(%)** | **Tỷ lệ**  **cho học phần**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | | **50%** |
| A1.1 | | Sự chuyên cần, thái độ học tập trong giờ lên lớp và tự học, thảo luận. | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | CLO1.1 | 30% | 10% |
| CLO1.2 | 30% |
| CLO2.1 | 20% |
| CLO2.2 | 20% |
| A1.2 | | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (Quizz) | CLO1.1 | 50% | 20% |
| CLO1.2 | 50% |
| A1.3 | | Bài thảo luận/câu hỏi tự luận trong giờ học | Phiếu đánh giá (Rubrics)/ đáp án các câu hỏi | CLO1.1 | 20% | 20% |
| CLO1.2 | 20% |
| CLO2.1 | 30% |
| CLO2.2 | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | |  | **50%** |
| A2.1 |  | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | CLO1.1 | 60% |  |
| CLO1.2 | 40% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | | |

***5.2. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học tốt. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức khá. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi làm việc nhóm và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/trung bình khá. | Tham gia dưới 80% các buổi học, các buổi làm việc nhóm lập kế hoạch và có sản phẩm tự học ở mức trung bình/dưới trung bình hoặc không có sản phẩm tự học. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động thảo luận**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, buổi làm việc nhóm/ thảo luận  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học,  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá bài thảo luận (A1.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức của bài thảo luận**  ***(2 điểm)*** | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | - Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | - Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của bài thảo luận**  ***(6 điểm)*** | - Phân tích được đúng, đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được rõ ràngbản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. (Bám sát vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được rõ ràng kỹ năng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí)* | - Phân tích được đúng, nhưng chưa đầy đủ yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được nhưng chưa rõ ràng (2/3)bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. (Tùy vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng nhưng chưa rõ ràng (2/3) tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí)* | - Phân tích đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Thể hiện được nhưng chưa rõ ràng (1/3)bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. (Tùy vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng nhưng chưa rõ ràng (1/3) tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí* | - Phân tích không đúng hoặc chỉ đúng một phần yêu cầu về kiến thức đề bài.  - Không thể hiện được bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. (Tùy vào nội dung đề bài đã phân công).  - Thể hiện được kỹ năng nhưng chưa rõ ràng (1/3) tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và vận dụng sáng tạotư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.  *(GV căn cứ vào đề bài thảo luận để xây dựng chi tiết tiêu chí* |
|  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Slide báo cáo/ hoặc bản word và thuyết trình**  ***(2 điểm)*** | - Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. | - Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. *Giáo trình và tài liệu tham khảo***

***6.1. Giáo trình:***

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1]. Hồ Chí Minh, Toàn tập (15 tập) NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội - 2011 (*Hồ Chí Minh toàn tập,* đĩa CDROM 15 tập, NXB CTQG. Hà Nội, 2015.

[2]. <http://hochiminh.vn>

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **số tiết**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH**  **(3)** | **Yêu cầu SV chuẩn bị**  **(4)** | **CĐR học phần**  **(5)** | **Bài đánh giá**  **(6)** |
| Tuần 1  **(2 tiết)** | Tín chỉ 1  **Chương 1.**  **Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh** | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình/đàm thoại  - Hướng dẫn tự học | - Đọc tài liệu [6.1], trang 11-31.  - Thực hiện yêu cầu tự học GV phân công.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 1 | IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận  2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, cũng cố niềm tin khoa học gắn liền với trao dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước  3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình tài liệu [6.1], trang 28-31.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học nội dung đó | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 2  **(2 tiết)** | **Chương 2.**  **Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.** | - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 3  **(2 tiết)** | **Chương 2. (tiếp theo)**  **Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.** | - Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Sinh viên đọc giáo trình trước khi đến lớp tài liệu [6.1], trang 32-72.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 2 | III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Đối với cách mạng Việt Nam  *a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta*  *b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam*  2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại  *a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội*  *b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới* | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung | **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 65-71.  - Ghi lại kết quả thu được trong quá trình tự học bằng nhiều hình thức khác nhau. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 4  **(2 tiết)** | **Chương 3.**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Phương pháp nêu vấn đề, đàm thoại.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 3 | IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CNXH TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  Phát huy sức mạnh dân chủ XHCN  2. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  3. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và «tự diễn biến», «tự chuyển hóa» trong nội bộ | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 118-122  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 5  **(2 tiết)** | **Chương 3. (tiếp theo)**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Phương pháp đàm thoại/ vấn đáp.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 73-122 trước khi đến lớp.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 6  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 4-6 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - SV có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| Tuần 7  **(2 tiết)** | **Chương 4.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.** | - Phương pháp động não/kích thích sự tò mò của SV về vấn đề nội dung chương 4. Đàm thoại/ chất vấn  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ được nội dung TTHCM về XD ĐCSVN trong sạch, vững mạnh. | - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 4 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC  1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh  2. Xây dựng Nhà nước | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đối với viêc tự học, tự nghiên cứu  **-** Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình [6.1], trang 164-168.  - Tóm tắt nội dung tự học. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 8  **(2 tiết)** | **Chương 4. (tiếp theo)**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.** | - Phương pháp thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Cho phép SV đặt các câu hỏi liên quan đến nội dung TTHCM về Nhà nước....  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - Sinh viên đọc giáo trình [6.1], trang 123-168 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 9  **(2 tiết)** | **Chương 5.**  Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế | - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ nội dung TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc | - SV đọc giáo trình [6.1], trang 168-204 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 5 | III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY  1. Quán triệt TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng  2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng  3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình [6.1] trang 198-204  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 10  **(2 tiết)** | **Chương 6.**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.** | - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  **-** Chú trọng đặt các câu hỏi để SV làm rõ TTHCM về văn hóa, đạo đức. | - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265  trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài.  - Tham gia phát biểu trả lời câu hỏi. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 11  **(2 tiết)** | **Chương 6. Tiếp theo**  **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.** | - Phương pháp nêu vấn đề, thuyết trình, Đàm thoại kết hợp trình chiếu Slide các nội dung, viết bảng.  - Khuyến khích, biểu dương phát huy tính tích cực của sinh viên. | - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 205-265 trước khi đến lớp.  - Chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Tập trung nghe giảng và ghi bài. | - CLO1.1  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tự học của chương 6 | IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người  2. Về xây dựng đạo đức cách mạng | **Tự học**  - GV phân nhiệm nội dung tự học cho SV  - GV định hướng cho SV các phương pháp tự học tương ứng với nội dung. | - SV đọc giáo trình, [6.1] trang 248-265.  - Tóm tắt nội dung tự học  - Ghi chú những nội dung và vấn đề chưa rõ. | - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| Tuần 12  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 4-6 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả.  - Có thể tham gia báo cáo bài thảo luận của nhóm | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| Tuần 13  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3-4 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| Tuần 14  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm 3 SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| Tuần 15  **(2 tiết)**  **Thảo luận** | THẢO LUẬN CÁC CÂU HỎI ĐÃ PHÂN CÔNG | - Tổ chức thành các nhóm cặp đôi SV  - Phân công nhiệm vụ, thời gian thảo luận, thời gian báo cáo | - Sinh viên có đề cương chuẩn bị theo câu hỏi thảo luận  - Tham gia thảo luận trong nhóm tích cực, có hiệu quả. | - CLO1.1  - CLO1.2  - CLO2.1  - CLO2.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| *Lưu ý: Theo quy định học phần: 30 tiết (20 lý thuyết +10 thảo luận); mỗi tuần 2 tiết thì học phần sẽ được tổ chức giảng dạy, học tập trong 15 tuần. Tuy nhiên, thực hiện theo hình thức dạy học kết hợp bài giảng elearning nên chỉ thực hiện 70% thực dạy và học trực tiếp và 30% SV học qua bài giảng elearning.* | | | | | |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slide/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học/ hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Làm bài thảo luận học phần***

- Tham gia 100% các buổi làm việc nhóm, thảo luận hoàn thành bài thảo luận của nhóm. - Tham gia tích cực các hoạt động học

- Tuân thủ các quy định của giáo viên và của nhóm.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập được giao.

**8.4. Phụ trách học phần**

- Khoa/bộ môn phụ trách: Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh.

- Địa chỉ/email: số 182 - Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

**Trưởng bộ môn Giảng viên**

Bùi Thị Cần

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Tổ chức chính quyền cơ sở**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Văn Trung***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: trunglsd@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***Giảng viên 2*:*****Dương Thị Mai Hoa***

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0914597989 Email: [hoaduong.project@gmail.com](mailto:hoaduong.project@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Tổ chức chính quyền cơ sở**  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần:POL30037 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chính trị học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lý luận về nhà nước và pháp luật | | LAW20005 |
| + Học phần học trước: Xã hội học đại cương | | SOW20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Tổ chức chính quyền cơ sở là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức chính quyền ở cơ sở trong hệ thông chính quyền 4 cấp ở nước ta hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sơ trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực thuộc chính quyền cơ sở.

**3. Mục tiêu học phần**

- Phân biệt kiến thức cơ bản về tổ chức chính quyền cơ sở.

- Thực hiệnkỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản tại chính quyền cơ sở .

- Biết điều chỉnhmục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước tại chính quyền cơ sở

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.3 | PLO3.2 | PLO4.1 |
|  | 1.3.1 | 3.2.1 | 4.1.4 |
| CLO1.3.1 | **1,0** |  |  |
| CLO3.2.1 |  | **1,0** |  |
| CLO4.1.4 |  |  | **1,0** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.3.1 | K4 | Phân biệt kiến thức cơ bản về tổ chức chính quyền cơ sở | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO3.2.1 | S3 | Thực hiệnkỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản tại chính quyền cơ sở | Thuyết trình  Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1.4 | K4 | Điều chỉnhmục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước tại chính quyền cơ sở | Thuyết trình  Làm việc nhóm | Hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |  |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Ý thức, thái độ học tập | Rubric | CLO1.3.1 | 100% | 10% |
| A.1.2 | Thảo luận nhóm, nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric | CLO3.2.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | Bài thi tự luận giữa kỳ, nộp bản mềm trên Elearning (bản cứng cho giáo viên) | Đáp án | CLO1.3.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2.1 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO4.1 | 100% |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** A1.1 × 0.1 + A1.2 × 0.2 + A1.3 × 0.2 + A2 × 0.5 | | | |  |  |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Bảng 1: Rubric đánh giá ý thức, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~75% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

**Bảng 2: Đánh giá bài A1.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Văn Trung (2023), *Tập bài giảng tổ chức chính quyền quyền cơ sở*, Lưu hành nội bộ

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp năm 1962,* thông qua tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa II, ngày 27 tháng 10 năm 1962.

[3] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa VII), *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 1983*, Luật số Số: 11-LCT/HĐNN7, ngày 30/6/1983

[4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa VIII), *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 1989*, Luật số Số: 19-LCT/HĐNN8, ngày 30/6/1989

[5] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa IX), *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1994*, Luật số**: 35-L/CTN**, ngày 21/6/1994.

[6] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XI), *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003*, Luật số: 11/2003/QH11, ngày 26/11/2003.

[7] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIII), *Luật tổ chức chính quyền địa phương*, Luật số: 77/2015/QH13, ngày 19/6/2015.

[8] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), *Luật tổ chức chính quyền địa phương*, Luật số: 47/2019/QH14, ngày 22/11/2019.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | Chương 1: Một số vấn đề chung về TCCQ cơ sở  1. Khái niệm tổ chức chính quyền cơ sở  2. Những đặc trưng cơ bản về tổ chức chính quyền cơ sở.  Chương 2  Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1946 – 1958  1) Hoàn cảnh, cơ sở pháp lý | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 5.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân.  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 6 đến trang 14.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân.. | CLO1.3.1 |  |
| 2(3) | 2) Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1945 – 1946  3) Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1946 – 1958  4) Tổ chức chính quyền cơ sở theo Luật 1958 | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 6 đến trang 14.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân.. | CLO1.3.1 | A1.1 |
| 3(3) | Chương 3  Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1959 – 1979  1) Hoàn cảnh, cơ sở pháp lý  2) Tổ chức, quyền hạn hoạt động của tổ chức chính quyền cơ sở | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Sơ đồ tư duy | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 15 đến trang 25.  - Đọc tài liệu số 5 trang 6 - 16  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân... | CLO1.3.1 | A1.1 |
| 4(3) | Chương 4  Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1980 – 1991  1) Hoàn cảnh, cơ sở pháp lý  2) Tổ chức, quyền hạn hoạt động của tổ chức chính quyền cơ sở | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Sơ đồ tư duy | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 15 đến trang 25.  - Đọc tài liệu số 5 trang 6 - 16  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân.... | CLO1.3.1 | A1.1 |
| 5(3) | Chương 5  Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 1992 – 2012  1) Hoàn cảnh, cơ sở pháp lý  2) Tổ chức, quyền hạn hoạt động của tổ chức chính quyền cơ sở | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Sơ đồ tư duy | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 15 đến trang 25.  - Đọc tài liệu số 5 trang 6 - 16  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân... | CLO1.3.1 | A1.1 |
| 6(3) | Thảo luận nội dung 1: Thảo luận nội dung 2: | Thảo luận | - Tổ chức hoạt động nhóm  - Chuẩn bị bài giảng Po | CLO3.2.1 | A1.2 |
| 7(3) | Thảo luận nội dung Thảo luận nội dung 4: | Thảo luận | - Tổ chức hoạt động nhóm.  - Chuẩn bị nội dung câu hỏi thảo luận | CLO3.2.1 | A1.2 |
| 8(3) | Chương 6  Tổ chức chính quyền cơ sở giai đoạn 2013 đến nay  1) Hoàn cảnh, cơ sở pháp lý  2) Cơ cấu tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp tỉnh | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Sơ đồ tư duy | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 15 đến trang 25.  - Đọc tài liệu số 5 trang 6 - 16  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân... | CLO1.3.1  CLO4.1.4 | A1.1  A2 |
| 9(3) | 3) Cơ cấu tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp huyện | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Nghiên cứu tình huống | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 41 đến trang 45.  - Đọc tài liệu số 7 trang 19- 21  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO4.1.4 | A1.1  A2 |
| 10(3) | 4) Cơ cấu tổ chức, hoạt động của chính quyền cấp xã | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Nghiên cứu tình huống | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 46 đến trang 50.  - Đọc tài liệu số 7 trang 19- 21  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO4.1.4 | A1.1  A2 |
| 11(3) | 5) Cơ cấu tổ chức, hoạt động của chính quyền đô thị | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Sơ đồ tư duy  - Nghiên cứu tình huống | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 51 đến trang 56.  - Đọc tài liệu số 7 trang 19- 21  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO4.1.4 | A1.1  A2 |
| 12(3) | Chương 7  Phương hướng, mục tiêu, giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của chính quyền cơ sở giai đoạn hiện nay   1. Phương hướng   2) Mục tiêu  3) Một số giải pháp  Một là, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm và thẩm quyền giám sát của hội đồng nhân dân cấp xã. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, điều hành và đổi mới phương thức làm việc của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn.  Hai là, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách hành chính. Chú trọng vào giải quyết thủ tục hành chính, xem cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá của cải cách hành chính tại chính quyền cơ sở của địa phương.  Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức HĐND, UBND các cấp đảm bảo đúng tiêu chuẩn, có cơ cấu, số lượng hợp lý. Tổ chức tốt khâu rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại của họ để xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém. Cần dựa vào các tiêu chí nói trên để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài, hay bổ sung, thay thế; chú trọng đến cán bộ, công chức người DTTS địa phương, cán bộ, công chức là nữ.  Bốn là, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc.Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nền hành chính đối với chính quyền cơ sở trên địa bàn. Đồng thời, tiếp tục triển khai cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa, một cửa liên thông. Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hành chính cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.  Năm là, tiếp tục xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tại cơ sở, coi trọng xây dựng chi bộ, thôn, làng, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đổi mới phương thức tổ chức vận động quần chúng của các tổ chức đoàn thể tại địa phương. Tăng cường công tác phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. | - Thuyết trình  - Nêu vấn đề  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Kỹ thuật động não  - Kỹ thuật KWLH  - Nghiên cứu tình huống | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 63 đến trang 70.  - Tổ chức hoạt động nhóm  - Vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO4.1.4 | A1.1  A2 |
| 13(3) | Thảo luận nội dung 1: | Thảo luận | - Tổ chức hoạt động nhóm  - Chuẩn bị bài giảng Po | CLO3.2.1 | A1.2 |
| 14(3) | Thảo luận nội dung 2: | Thảo luận | - Tổ chức hoạt động nhóm  - Chuẩn bị bài giảng Po | CLO3.2.1 | A1.2 |
| 15(3) | Thảo luận nội dung 3: | Thảo luận | - Tổ chức hoạt động nhóm  - Chuẩn bị bài giảng Po | CLO3.2.1 | A1.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Nguyễn Văn Trung |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trương Thị Phương Thảo***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: [thaottp\_gdct@vinhuni.edu.vn](mailto:thaottp_gdct@vinhuni.edu.vn); truongphuongthaodhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: : phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu Chính trị, đạo đức học, vấn đề con người, nguồn nhân lực

***Giảng viên 2: Nguyễn Thị Nam An***

Học hàm, học vị: ThS

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: Anntn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học Mác – Lênin, đạo đức học, logic hình thức.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Văn hóa công cở và đạo đức công vụ  (tiếng Anh):Office culture and public service ethics | | |
| - Mã số học phần:SMT30010 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chính trị học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam | | Mã số HP: LIT20001 |
| + Học phần học trước: Chính trị học Việt Nam | | Mã số HP: POL30014 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Vấn đề văn hóa công sở và đạo đức công vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Chính trị học. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ nội hàm, cấu trúc, vai trò, nội dung và nguyên tắc xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực văn hóa công sở và đạo đức công vụ.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về văn hóa công sở và đạo đức công vụ.

- Hình thành kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề về văn hóa công sở và đạo đức công vụ trong thực tiễn.

- Rèn luyện ý thức xây dựng văn hóa, đạo đức trong giao tiếp, ứng xử của cá nhân; ý thức xây dựng phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

- Hình thành năng lực đánh giá các vấn đề: xây dựng môi trường công sở; giao tiếp và ứng xử trong công sở, trong hoạt động thực thi công vụ.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.2 | PLO3.2 | | PLO4.1 | |
| 1.2.2 | 2.2.2 | 3.2.1 | 3.2.2 | 4.1.2 | 4.1.3 |
| CLO1.2 | 1.0 |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  | 1.0 |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  | 1.0 | 1.0 |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | 1.0 | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2 | K3 | Phân tích cấu trúc và vai trò của văn hóa công sở và đạo đức công vụ | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.2 | A4 | Thể hiện ý thức tự giác trong thực hành văn hóa công sở và đạo đức công vụ | Thảo luận | Quan sát |
| CLO3.2 | S4 | Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức trong hệ thống chính trị ttrong thể hiện văn hóa và đạo đức công vụ | Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | K4 | Phân biệt để áp dụng nguyên tắc và quan điểm để xây dựng quy trình xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Ý thức, thái độ học tập (điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ) | Rubric | CLO1.2 | 100% | 10% |
| A.1.2 | - Bài tập nhóm (Nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ) | Rubric | CLO2.2 | 50% | 20% |
| CLO3.2 | 50% |
| A1.3 | Câu hỏi TNKQ (lưu LMS) | Đáp án | CLO1.2 | 60% | 20% |
| CLO4.1 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.2 | 60% |  |
| CLO4.1 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** A1.1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2\*5/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

**Bảng 1: Rubric đánh giá ý thức, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

**Bảng 2: Đánh giá bài A1.2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Thủ tướng Chính phủ,*Quyết định 1847/QĐ-TTg 2018 Đề án Văn hóa công vụ*

[2] Học viện Hành chính (2012), Giáo trình Đạo đức công vụ, NXB Chính trị sự thật.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Vũ Gia Hiền (2019), Văn hóa giao tiếp trong quản lý hành chính công, Lao động, HN

[4] Trần Hoàng (2014), Văn hóa ứng xử ở công sở, CTQG, HN.

[5] Đỗ Thị Ngọc Lan (Chủ biên) (2012), *Nghiên cứu so sánh quy định về đạo đức công vụ của một số quốc gia và Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Một số vấn đề chung về văn hóa công sở và đạo đức công vụ**  1.1. Văn hóa và văn hóa công sở  1.2. Đạo đức và đạo đức công vụ | - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng trên Elearning  - Thuyết trình  - Hướng dẫn hoạt động nhóm | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc học liệu 1 từ trang 6 đến trang 12 và học liệu 2 từ 7 đến 18  - Tổ chức nhóm theo danh sách được phân công trên Elearning | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 2(1LT+2TL) | **Chương 1: Một số vấn đề chung về văn hóa công sở và đạo đức công vụ**  1.3 Cấu trúc và vai trò của văn hóa công sở  **Thảo luận** | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Hướng dẫn nghiên cứu câu hỏi thảo luận: Đạo đức nghề nghiệp ảnh hưởng gì đến đạo đức công vụ | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 11 đến trang 20.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Phân tích yếu tố truyền thống và hiện đại trong nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở Việt Nam hiện nay  2. Phân tích các yếu tố cấu thành văn hóa công sở? | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 3(3) | **Chương 1: Một số vấn đề chung về văn hóa công sở và đạo đức công vụ**  1.4 Cấu trúc và vai trò của đạo đức công vụ  **Chương 2: Những biểu biện của văn hóa công sở**  2.1Trình độ nhận thức  2.2. Phương pháp và tổ chức điều hành | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình 1 từ trang 21 đến trang 38. | - CLO1.1  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 4(3) | **Chương 2: Những biểu biện của văn hóa công sở**  2.3. Phương tiện và môi trường làm việc  2.4. Đạo đức nghề nghiệp  2.5. Phong cách giao tiếp và ứng xử | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 56 đến trang 78.  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO1.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 5(1LT+2TL) | **Chương 3: Một số chuẩn mực đạo đức công vụ**  3.1**.**Trung thành với chính thể, với Tổ quốc, bảo vệ danh dự, lợi ích quốc gia.  3.2. tận tụy, sáng tạo, tích cực, tự giác trong công việc. Tôn trọng kỷ luật, kỷ cương. Xử lý công việc có tình, có lý, có tính thuyết phục cao  **Thảo luận chương 1** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: Đạo đức nghề nghiệp ảnh hưởng gì đến đạo đức công vụ | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint theo nhóm được phân công | - CLO1.1  - CLO4.1 | A1.1 |
| 6(3) | **Chương 3: Một số chuẩn mực đạo đức công vụ**  3.3. Gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân; phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân; có tinh thần trách nhiệm, tận tụy phục vụ nhân dân.  3.4.Tự giác thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận người công chức, nâng cao ý thức tự tu dưỡng, tự rèn luyện của bản thân.  3.5. Nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp trong thực thi công vụ. | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 76 đến trang 97.  - Tổ chức hoạt động nhóm | - CLO1.3;  CLO4.2 | - A1.1  - A2 |
| 7(3) | **Chương 4: Nguyên tắc và nội dung xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay**  4.1. Nguyên tắc và nội dung xây dựng văn hóa công sở | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: | **-** Đọc giáo trình 1 từ trang 63 đến 72 | - CLO1.3;  CLO4.2 | - A1.1  - A2 |
| 8(1LT+2TL) | **Chương 4: Nguyên tắc và nội dung xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay**  4.2. Nguyên tắc và nội dung xây dựng đạo đức công vụ  **Thảo luận chương 2** | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Đọc tài liệu số [4] từ trang 19 đến trang 32.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Đặc điểm đạo đức công vụ Singgapo, Nhật Bản và Pháp  2. Phân tích nguyên tắc xây dựng đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 9(3) | **Chương 4: Nguyên tắc và nội dung xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay**  4.2. Nội dung xây dựng đạo đức công vụ | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 22 đến trang 29. | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 10(1LT+2TL) | **Chương 5: Quan điểm và giải pháp xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay.**  5.1. Thực trạng văn hóa công sở trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay  **Thảo luận chương 3** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [4] từ trang 25 đến trang 32.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Nguyên tắc và mục đích xây dựng văn hóa công sở ở Việt Nam hiện nay.  2. Ảnh hưởng của đạo đức công vụ đối với hiệu quả, hiệu lực thực thi cocong vụ ở nước ta hiện nay. | - CLO1.2  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2 |
| 11(3) | **Chương 5: Quan điểm và giải pháp xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay.**  5.2. Thực trạng đạo đức công vụ của đội ngũ công chức nước ta hiện nay.  5.3. Quan điểm xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 51 đến trang 59.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.3;  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 12(1LT+2TL) | **Chương 5: Quan điểm và giải pháp xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay.**  5.4 Một số giải pháp xây dựng văn hóa công sở ở Việt Nam hiện nay  **Thảo luận chương 4** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [5] từ trang 42 đến trang 51.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận  1. Mặt trái của kinh tế thị trường có ảnh hưởng như thế nào tới đạo đức công vụ của đội ngũ công chức?  2. Tại sao phải coi trọng nhiệm vụ xây dựng văn hóa công sở trong đổi mới chính trị. | - CLO1.2  - CLO4.2 | - A1.1  - A2 |
| 13(3) | **Chương 5:**  5.5. Một số giải pháp xây dựng đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức nước ta hiện nay | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 46 đến 54 | - CLO1.2  - CLO4.2 | - A1.1  - A2 |
| 14(1LT+2TL) | **Chương 5:**  5.5. Một số giải pháp xây dựng đạo đức công vụ cho đội ngũ công chức nước ta hiện nay(tiếp**)**  **Thảo luận chương 4** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 43 đến trang 59  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Phân biệt giữa đạo đức lái xe trong nghề nghiệp lái xe và lái xe trong các cơ quan nhà nước?  2. Nạn hối lộ, tham nhũng đang ảnh hưởng xấu đến chất lượng công vụ. phân tích để chỉ ra nguyên nhân? | - CLO1.2  - CLO4.2 | - A1.1  - A2 |
| 15(3TL) | **Thảo luận chương 5**  **Ôn tập** | - Thuyết trình | - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Thế nào là một công chức “tốt” và phân biệt với công dân “tốt”?  - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập | CLO2.1 | - A1.1  - A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Trương Thị Phương Thảo |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**TRƯỜNG KHOA HỌC XH&NV**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**CHÍNH TRỊ VỚI QUẢN LÝ XÃ HỘI**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1: Trần Viết Quang**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC.PGS.TS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912627109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học, lịch sử triết học, chính trị học

**Giảng viên 2: Trương Thị Phương Thảo**

Chức danh, học hàm, học vị: GV.ThS

Địa điểm làm việc: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: thaottp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:Triết học, đạo đức công vụ, phương pháp luận NCKH

**Giảng viên 3: Nguyễn Văn Sang**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC.TS

Địa điểm làm việc: Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: sangnv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: triết học, lôgíc học, chính trị học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Chính trị với quản lý xã hội  (tiếng Anh):Politics with social management | | |
| - Mã số học phần: POL30015 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  ☒ Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 40 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chính trị học đại cương | | Mã số HP: POL30002 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: 0946209888 Email: [vtphuongle@gmail.com](mailto:vtphuongle@gmail.com) | | |

**2. Mô tả học phần:**

*Chính trị với quản lý xã hội* là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản lý nhà nước, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý xã hội theo đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền, về chủ thể quản lý xã hội cũng như quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội ở Việt Nam hiện nay. Học phần trang bị các kỹ năng và hình thành ở sinh viên phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp để nghiên cứu và tham gia các hoạt động chính trị xã hội.

**3. Mục tiêu học phần:**

Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa chính trị với quản lý xã hội, hệ thống chính trị với tính cách là chủ thể quản lý xã hội và hoạt động quản lý trên các lĩnh vực cơ bản của xã hội Việt Nam hiện nay, từ đó vận dụng vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời, trang bị cho sinh viên các kỹ năng và phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | ***Sự tương thích giữa CĐR học phần với CĐR chương trình đào tạo*** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.1 | 2.1.1 | 2.2.1 | 3.1.2 | 4.1.4 |
| CLO1.3.1 | 1.0 |  |  |  |  |
| CLO2.1.1 |  | 1.0 |  |  |  |
| CLO2.2.1 |  |  | 1.0 |  |  |
| CLO3.1.2 |  |  |  | 1.0 |  |
| CLO4.1.4 |  |  |  |  | 1.0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp**  **đánh giá** |
| CLO1.3.1 | K3 | *Giải thích* được các quan điểm về quản lý xã hội trong một số học thuyết chính trị; các chủ thể quản lý xã hội và quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội Việt Nam hiện nay | Thuyết trình; Thảo luận | Tự luận  Hồ sơ học phần |
| CLO2.1.1 | S2 | *Thể hiện* khả năng tham mưu, tư vấn trong quản lý xã hội | Nghiên cứu tình huống | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2.1 | A4 | *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, lập trưởng tư tưởng vững vàng,trách nhiệm nghề nghiệp | Thảo luận | Quan sát |
| CLO3.1.2 | S3 | *Có khả năng* phối hợp trong nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tiễn | Nghiên cứu tình huống | Quan sát |
| CLO4.1.4 | K3 | *Xây dựng* mục tiêu, chiến lược và kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước | Nghiên cứu tình huống | Hồ sơ học phần; Tự luận (Tiểu luận) |

**5. Đánh giá học phần**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1 |  | 100% | 10% |
| A.1.2 | - Bài tập cá nhân; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ  - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án  - Rubric 2 | CLO2.1.1 | 40% | 20% |
| CLO2.2.1 | 40% |
| CLO4.1.4 | 20% |
| A1.3 | - Bài thi tự luận: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO1.3.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.  - Hoặc bài liểu luận | - Đáp án  - Rubric 3 | CLO1.3.1 | 40% | 50% |
| CLO4.1.4 | 60% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** A = (A1.1 × 0.1) + (A1.2 × 0.2) + (A1.3 × 0.2) + (A2 × 0.5)  Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; A1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; A1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; A2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ, đúng giờ | Vắng học  ~7% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học ~14% tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học  ~20% % tổng số giờ lên lớp quy định | Vắng học quá 20% % tổng số giờ lên lớp quy định | 70% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (>=N) (N được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập; thảo luận;  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập; thảo luận; phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 30% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * - Thu thập, đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài   - Đưa ra  những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận | - Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

***- Rubric 3: Đánh giá bài A2 (Áp dụng đối với hình thức bài tiểu luận)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Điểm |
| Nội dung | Nội dung đáp ứng tốt yêu cầu  (50) | Nội dung đáp ứng tương đối tốt yêu cầu  (40) | Nội dung cơ bản đáp ứng yêu cầu  (30) | Nội dung chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu  (20) | 50 |
| Kết cấu | Kết cấu hợp lý, lôgíc  (20) | Kết cấu tương đối hợp lý  (16) | Kết cấu khá hợp lý  (12) | Kết cấu không hợp lý  (8) | 20 |
| Hình thức trình bày, diễn đạt | Hình thức trình bày, diễn đạt tốt  (20) | Trình bày, diễn đạt tương đối tốt  (18) | Trình bày, diễn đạt khá  (12) | Trình bày, diễn đạt không theo quy định, thiếu chuẩn xác  (8) | 20 |
| Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo | Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo đúng quy định, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng  (10) | Biết trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo nhưng còn hạn chế  (8) | Có trích dẫn, sử dụng một số tài liệu tham khảo  (6) | Không có trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo  (4) | 10 |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Chính trị với quản lý xã hội,* NXB Thống kê, 2011.

[2] Trần Viết Quang, *Đề cương bài giảng,* Đại học Vinh.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội VI, VII, VIII, XIX, X, XI, XII.

[2] Lê Quốc Lý, *Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta,* NXB CTQG, Hà Nội 2014.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài**  **đánh giá** |
| 1 (4) | Chương 1. Nhập môn Chính trị với quản lý xã hội  1.1. Các khái niệm cơ bản  1.2. Mối quan hệ giữa chính trị với quản lý xã hội (QLXH)  1.3. Đặc điểm và nguyên tắc QLXH  1.4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghe bài giảng Elearning; hướng dẫn nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 5-25; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 2 (4) | Chương 2. Quan điểm về quản lý xã hội trong các học thuyết chính trị  2.1. Quan điểm “đức trị” trong học thuyết của Nho gia  2.2. Quan điểm “pháp trị” trong học thuyết của Pháp gia | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 26 - 45; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  -- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 3 (4) | Chương 2. Quan điểm về quản lý xã hội trong các học thuyết chính trị  2.3. Quan điểm “vô vi” trong học thuyết của Lão gia  2.4. Thuyết kỹ trị | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 46 - 61; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 4 (4) | Chương 2. Quan điểm về quản lý xã hội trong các học thuyết chính trị  2.4. Thuyết kỹ trị (tiếp)  2.5. Thuyết quản lý hành chính | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 62 - 70; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 5 (4) | Thảo luận nhóm nội dung chương 1, 2 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 6 (4) | Chương 3. Hệ thống chính trị Việt Nam với quản lý xã hội  3.1. Đảng CSVN với quản lý xã hội  *3.1.1. Vai trò, nội dung lãnh đạo của Đảng trong QLXH*  *3.1.2. Phương thức lãnh đạo của Đảng trong QLXH*  *3.1.3. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong QLXH* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 71 - 90; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 7 (4) | Chương 3. Hệ thống chính trị Việt Nam với quản lý xã hội  3.2. Nhà nước với quản lý xã hội  *3.2.1. Nội dung quản lý nhà nước về xã hội*  *3.2.2. Phương thức quản lý nhà nước về xã hội*  *3.2.3. Công cụ quản lý của Nhà nước* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 91 - 140; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 8 (4) | Chương 3. Hệ thống chính trị Việt Nam với quản lý xã hội  3.3. Các tổ chức chính trị - xã hội với quản lý xã hội | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 152 - 171; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 9 (4) | Thảo luận nhóm nội dung chương 3 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A1.3 A2 |
| 10 (4) | Chương 4. Chính trị với quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội  4.1. Chính trị với quản lý lĩnh vực kinh tế  *4.1.1. Nội dung quản lý lĩnh vực kinh tế*  *4.1.2. Phương thức quản lý lĩnh vực kinh tế* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 171 - 182; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận |  | A1.1 A1.2 A2 |
| 11 (4) | Chương 4. Chính trị với quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội  4.2. Chính trị với quản lý lĩnh vực chính trị  *4.2.1. Nội dung quản lý lĩnh vực chính trị 4.2.2. Phương thức quản lý lĩnh vực chính trị* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 183 - 197 nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận  - Đọc giáo trình [1] tr 182-197 .  - Chuẩn bị nội dung thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A2 |
| 12 (4) | Chương 4. Chính trị với quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội  4.3. Chính trị với quản lý lĩnh vực văn hóa  *4.3.1. Nội dung quản lý lĩnh vực văn hóa*  *4.3.2. Phương thức quản lý lĩnh vực văn hóa* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 198 - 215; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A2 |
| 13 (4) | Chương 4. Chính trị với quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội  4.4. Chính trị với quản lý một sô lĩnh vực khác  *4.4.1. Chính trị với quản lý lĩnh vực quốc phòng- an ninh*  *4.4.2. Chính trị với quản lý lĩnh vực giáo dục và đào tạo*  *4.4.3. Chính trị với quản lý lĩnh vực khoa học và công nghệ* | - GVsử dụng các phương pháp dạy học gợi mở, vấn đáp; thuyết trình.  - Tự học: GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc giáo trình [1] tr 216 - 235; nghiên cứu các nội dung tự học  - Nghe bài giảng Elearning  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A2 |
| 14 (4) | Thảo luận nhóm nội dung chương 4 | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A2 |
| 15 (4) | - Thảo luận nhóm nội dung chương 4  - Tổng kết học phần | - Hoạt động thảo luận nhóm  + Các nhóm thống nhất nội dung được phân công và thuyết trình trước lớp.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận.- Hướng dẫn sinh viên ôn tập. | - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận nhóm  - Thực hiện thảo luận nhóm  - Xem lại toàn bộ nội dung học phần; nêu ra các câu hỏi để GV giải đáp | CLO1.3.1  CLO2.1.1 CLO2.2.1 CLO3.1.2 CLO4.1.4 | A1.1 A1.2 A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên**  **Trần Viết Quang** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: CHÍNH SÁCH CÔNG**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***- Giảng viên 1: GVCC, PGS,TS. Đinh Trung Thành***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0904252425 Email: [thanhdt@vinhuni.edu.vn/](mailto:thanhdt@vinhuni.edu.vn/)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

**- *Giảng viên 2*: *GV,TS. Phan Văn Tuấn***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV**,** Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0918660765 Email: [tuanpv@vinhuni.edu.vn](mailto:tuanpv@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Chính sách công, khoa học quản lý kinh tế…

***- Giảng viên 3: GVC, TS***. ***Nguyễn Thị Mỹ Hương***

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0915905578 Email: [hươngntm@vinhuni.edu.vn](mailto:hươngntm@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học...

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Chính sách công**  (tiếng Anh): ***Public policy*** | | |
| - Mã số học phần:POL30026 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  □ Kiến thức cơ sở ngành  ■ Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung 🗆Học phần dạy học theo hình thức dự án/ đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: ■ Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần học trước: Chính trị với quản lý xã hội | | Mã số HP: POL300030 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Nghe bài giảng ESCORM tối thiểu đạt 80%  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Chính trị và Báo chí  Điện thoại Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

*Chính sách công* là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước.

Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về chính sách công như: đặc trưng, vai trò của chính sách công; quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công...Trên cơ sở đó, môn học bồi dưỡng một số kỹ năng, phẩm chất cần thiết cho sinh viên để phục vụ công việc trong tương lai.

**3. Mục tiêu học phần**

Trên cơ sở giúp sinh viên hiểu và giải thíchđược những kiến thức cơ bản về chính sách công, môn học rèn luyện cho sinh viênkỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn và bồi dưỡng cho sinh viên tinh thần trách nhiệm của một cán bộ, công chức, viên chức. Từ đó, sinh viên thể hiện được sự tự chủ, độc lập và sự nhìn khách quan về quá trình hoạch định - tổ chức - thực thi chính sách công.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR**  **học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | |
| **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO 4.1** |
| **1.3.1** | **2.1.1** | **4.1.2** |
| CLO1.1 | ***1.0*** |  |  |
| CLO2.1 |  | ***1.0*** |  |
| CLO3.1 |  |  | ***1.0*** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức độ năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Áp dụng* được những kiến thức cơ bản về chính sách công để giải quyết các nhiệm vụ học tập và nghiên cứu. | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.1 | S2 | *Thể hiện* kỹ năng phát hiện vấn đề trong quá trình tìm hiểu về chính sách công. | Thảo luận | Làm việc nhóm |
| CLO3.1 | S3 | *Thể hiện* vai trò, trách nhiệm của một cán bộ, công chức, viên chức thông qua việc tuân thủ các quy chế đào tạo trong quá trình học tập Chính sách công. | Tự học | Quan sát |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 1 | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Thảo luận nhóm; nhóm trưởng nôp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ. | Rubric 2 | CLO2.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | Bài thi tự luận; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | Bài thi tự luận; TT đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Câu hỏi/Đáp án | CLO1.1 | 50% | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | |
| **3,0** | **2,5 – 2,0** | **1.5 – 1,0** | **0,5 - 0** |
| **Nghe bài giảng SCORM *(3 điểm)*** | Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe từ 90% đến 99% bài SCORM; | Nghe từ 80% đến 89% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; |
|  | **5,0** | **4,5 – 3,5** | **3,0 – 2,0** | **1,5 - 0** |
| **Tham gia lớp học**  **(5 điểm)** | Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 90% đến 99% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia từ 80% đến 89% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp theo quy định |
|  | **2,0** | **1,5** | **1.0 – 0 ,5** | **0** |
| **Ý thức phát biểu xây dựng bài**  **(2 điểm)** | Rất tích cực, chủ động phát biểu xây dựng bài | Khá tích cực phát biểu xây dựng bài | Có vài lần phát biểu xây dựng bài | Không phát biểu xây dựng bài |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | | |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **Cấu trúc và hình thức**  ***(2 điểm)*** | - Kết cấu đúng yêu cầu, hợp lý, lôgic  - Hình thức đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic  - Hình thức khá đẹp, đúng quy định, không có lỗi chính tả. | - Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, lôgic.  - Hình thức đúng quy định, có một số lỗi chính tả. | - Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, lôgic.  - Hình thức chưa đúng quy định, còn nhiều lỗi chính tả. |
|  | **5.0 – 4,5** | **4.0 – 3.0** | **2,5 – 1,5** | **1.0 - 0** |
| **Nội dung**  ***(5 điểm)*** | - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng đối với vấn đề thảo luận. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận.  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận. |
|  | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **0,5** |
| **Trình bày *(3 điểm)*** | - Trình bày mạch lạc, rõ ràng, tự tin.  - Trả lời tốt các câu hỏi về nội dung thảo luận  - Tranh luận hiệu quả, đưa ra được nhiều dẫn chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái. | - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng, khá tự tin.  - Trả lời khá tốt các câu hỏi về nội dung thảo luận  - Có tranh luận, phản bác và đưa ra được một vài dẫn chứng thuyết phục. | - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng, nhưng chưa được tự tin.  - Trả lời các câu hỏi về nội dung thảo luận ở mức độ chấp nhận được.  - Có tranh luận, đưa ra được dẫn chứng nhưng chưa được thuyết phục và chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái | - Trình bày không mạch lạc, rõ ràng, không tự tin.  - Không trả lời được các câu hỏi về nội dung thảo luận.  - Chưa thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình***

[1]. PGS.TS Đinh Trung Thành, *Tập bài giảng Chính sách công*, Đại học Vinh, 2019.

[2]. PGS TS Ngyễn Hữu Hải- PGS.TS Lê Văn Đính- TS Đinh Trung Thành, *Giáo trình Đại cương về Chính sách công,* NXB CTQG-ST Hà Nội, 2016.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

1. PGS, TS Nguyễn Văn Vĩnh- PGS, TS Lê Văn Đính, *Giáo trình Chính trị học Đại cương,* NXB Giáo dục, 2012

2. PGS, TS Nguyễn Hữu Hải, *Chính sách công – Những vấn đề cơ bản*, NXB CTQG 2014

3. PGS, TS Nguyễn Hữu Hải, *Giáo trình Hành chính nhà nước*, Nxb Giáo dục Việt Nam 2012

4. TS Trần Anh Tuấn -PGS, TS Nguyễn Hữu Hải, *Quản lý công*, NXB CTQG 2015

5. PGS, TS Nguyễn Hữu Hải – Ths Lê Văn Hòa, *Đại cương về phân tích chính sách công*, NXB CTQG 2013

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (3) | | **Chương 1**  **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH CÔNG**  **1. Quan niệm về chính sách công**  **2. Những đặc trưng cơ bản của Chính sách công**  **3. Vai trò của chính sách công**  **4. Phân loại chính sách công** | Giảng viên:  + Giới thiệu và dạy các kiến thức ban đầu về khái niệm Chính sách công  + Giới thiệu các tài liệu học tập học phần cho sinh viên.  + Hướng dẫn sinh viên thành lập các nhóm học tập, phân công Trưởng nhóm. | + Đọc tài liệu số [1] từ trang 1  + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 2 (3) | | **Chương 1**  **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH CÔNG**  **5. Các nhân tố tác động việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách công**  **6. Chu trình chính sách công** | Giảng viên:  + Giới thiệu và dạy về cách phân loại chính sách công và đánh giá các nhân tố tác động việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách công  + Phân tích hướng dẫn.  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  **Tự học:**  5. Các nhân tố tác động việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách công  *5.5.Vai trò của công luận và truyền thông đại chúng*  *5.6. Các tác nhân khác như quan hệ đối ngoại; an ninh - quốc phòng; bối cảnh thế giới* **….**  **Tự học:**  **6. Chu trình chính sách công**  ***6.1. Khái niệm*** | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm.  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 3 (3) | **Chương 2**  **CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH**  **1. Hoạch định chính sách công**  *1.1. Khái niệm và ý nghĩa của hoạch định chính sách công*  *1.2. Quy trình hoạch định chính sách công* | Giảng viên:  + Giới thiệu, dạy về khái niệm và ý nghĩa của hoạch định chính sách công  +Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 4 (3) | **Chương 2**  **CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH**  **2. Thực thi chính sách**  *2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của thực hiện chính sách công*  *2.2. Các bước tổ chức thực hiện chính sách công* | Giảng viên:  + Giới thiệu, giảng dạy về khái niệm và tầm quan trọng của thực hiện chính sách công và các bước tổ chức thực hiện chính sách công  + Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập |  |  |
| 5 (3) | **Chương 2**  **CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH**  *2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện chính sách công*  **3. Đánh giá chính sách**  *3.1. Khái niệm đánh giá chính sách* | Giảng viên:  + Giới thiệu, giảng dạy về những yêu cầu cơ bản đối với tổ chức thực hiện chính sách công và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức thực hiện chính sách công  +Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  ***Tự học***  *2.3.Những yêu cầu cơ bản đối với tổ chức thực hiện chính sách công* | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 6 (3) | **Chương 2**  **CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH**  **3. Đánh giá chính sách**  *3.2. Nội dung đánh giá chính sách công* | Giảng viên:  + Giới thiệu, giảng dạy về nội dung đánh giá chính sách công  + Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 7 (3) | **Chương 3**  **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG**  **1. Khái niệm phân tích chính sách**  **2. Tổ chức công tác phân tích chính sách công**  *2.2. Tiến hành phân tích chính sách công* | Giảng viên:  + Giới thiệu, dạy về . khái niệm phân tích chính sách  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  ***Tự học***  **2. Tổ chức công tác phân tích chính sách công**  ***2.3. Chuyển giao kết quả phân tích*** | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 8 (3) | **Chương 3**  **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG**  **3. Các phương pháp phân tích chính sách công**  *3.1. Phương pháp trình bày thông tin* | Giảng viên:  + Giới thiệu, dạy về phương pháp trình bày thông tin  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  +Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 9 (3) | **Chương 3**  **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG**  **3. Các phương pháp phân tích chính sách công**  *3.2. Phương pháp phân tích cây vấn đề*  a. Phân tích vấn đề chính sách | Giảng viên:  + Giới thiệu, dạy về phân tích vấn đề chính sách  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  +Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |
| 10 (3) | **Chương 3**  **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH CÔNG**  **3. Các phương pháp phân tích chính sách công**  ***3.2. Phương pháp phân tích cây vấn đề***  b. Phân tích các mục tiêu chính sách | Giảng viên:  + Giới thiệu, dạy về phân tích các mục tiêu chính sách  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  +Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | CLO1.1  CLO2.1  CLO3.1 | A1.1  A1.2  A1.3  A2 |

***Thảo luận:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 11 (3) | Phân tích các nhân tố tác động tới việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách công. | Hoạt động nhóm | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO2.1 | A1.2 |
| 12 (3) | Phân tích chu trình chính sách công. | Thảo luận | + Sinh viên đọc tài liệu [1] và chuẩn bị các vấn đề thảo luận  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân.  + Cho các nhóm thống nhất nội dung trình bày trong 5-10 phút và trình bày thuyết trình trong 10 phút.  + Các nhóm nhận xét và đặt câu hỏi cho nhau.  Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | CLO2.1 | A1.2 |
| 13(3) | Phân tích khái niệm, tầm quan trọng của tổ chức thực hiện chính sách công. | Thảo luận | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập | CLO2.1 | A1.2 |
| 14(3) | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới tổ chức thực hiện chính sách công. | Hoạt động nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | CLO2.1 | A1.2 |
| 15(3) | 1. Các phương pháp phân tích chính sách công ?  2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới tổ chức thực hiện chính sách công. | Thảo luận | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập | CLO2.1 | A1.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa**  **TS. Vũ Thị Phương Lê** | **Giảng viên**  **PGS.TS. Đinh Trung Thành** |
|  |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***HÀNH CHÍNH HỌC***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:***

**ThS. Phạm Thị Thúy Hồng**

Địa chỉ liên hệ: Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Email: thuyhong@vinhuni.edu.vn

Điện thoại: 0837677777

Các hướng nghiên cứu chính: Quyền lực chính trị và cầm quyền, Quản lý nhà nước, Hành chính công, Lịch sử tư tưởng chính trị

***Giảng viên 2:***

**TS. Phan Văn Tuấn**

Địa chỉ liên hệ: Viện Sư phạm Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Email: [phanvantuan@vinhuni.edu.vn](mailto:phanvantuan@vinhuni.edu.vn)

Điện thoại: 0985520211

Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị học Việt Nam, Chủ nghĩa Mác Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Hành chính học  (tiếng Anh): Administrative Science | | | |
| - Mã số học phần: POL30021 | | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | | |
| * Số tín chỉ:4   + Số tiết lý thuyết: 30 | | |
| + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 30 | | |
| + Số tiết tự học: 120 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  | |
| + Học phần tiên quyết: Nhập môn ngành chính trị -luật | | Mã số HP: PLA20001 | |
| + Học phần học trước: Đại cương về quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT2001 | |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần có 6 chương, ­bao gồm những nội dung cơ bản của hành chính học. Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hành chính và nền hành chính của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những vấn đề lý luận về cải cách hành chính, thực tiễn cải cách nền hành chính ở nước ta và những vấn đề cơ bản về công chức, công vụ, công sở ở Việt Nam; những vấn đề về công tác văn bản hành chính – văn phòng…

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày được những tri thức khoa học về lý luận hành chính, cải cách hành chính, vấn đề công chức, công vụ và về công tác văn bản, hành chính – văn phòng.

- Giải thích được giải pháp cho công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Giải quyết được các vấn đề công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công.

- Áp dụng được các nghiệp vụ hành chính, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.1 | | PLO2.2 | PLO3.1 | | | PLO3.2 | PLO4.1 | | | PLO4.4 |
| 1.3.2 | 2.1.1 | 2.1.4 | 2.2.2 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.1.3 | 3.2.1 | 4.1.3 | 4.1.4 | 4.1.5 | 4.4.3 |
| CLO1.1 | 1.0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO3.3 |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Trình bày được khái niệm Hành chính, nền hành chính công, công vụ, công chức và các khái niệm liên quan. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | S2 | Phát hiện các giải pháp lựa chọn nguồn lực thực hiện hoạt động cải cách hành chính công hiệu quả | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.3 | S3 | Liên hệ được quy trình xây dựng, ban hành quyết định hành chính và quản lý giám sát thực thi hay thu hồi quyết định hành chính trong nền hành chính Việt Nam | Tự học | Hồ sơ học phần |
| CLO2.1 | A3 | Hình thành và phát triển ý thức trách nhiệm trong việc giải quyết các chức năng nhiệm vụ của công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước. | Thuyết trình | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO2.2 | S2 | Tổ chức các nhóm để nghiên cứu về việc ban hành quyết định hành chính, soạn thảo các quyết định hành chính, các văn bản hành chính | Làm việc nhóm | Tự luận |
| CLO3.1 | S2 | Lập kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ đối với các cá nhân và tổ chức liên quan cùng giải quyết tình huống hành chính | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |
| CLO3.2 | S2 | Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức thuộc các ngành liên quan đến hành chính công | Làm việc nhóm |  |
| CLO3.3 | S3 | Thể hiện khả năng giao tiếp bằng văn bản hành chính và tiếp dân trong các tình huống hành chính | Nghiên cứu tình huống |  |
| CLO4.1 | C4 | *Phân tích* được chức năng nhiệm vụ của công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước. | Thuyết trình |  |
| CLO4.2 | C4 | *Phân tích* được quá trình hình thành, nguyên tắc tổ chức và phương thức vận hành của cơ quan hành chính các cấp trong hệ thống hành chính Việt Nam. | Tự học |  |
| CLO4.3 | C4 | Xây dựng; Triển khai được việc ban hành quyết định hành chính, soạn thảo các quyết định hành chính, các văn bản hành chính | Thuyết trình |  |
| CLO4.4 | C4 | .  Phân tích được thực trạng cải cách hành chính và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính. | Làm việc nhóm |  |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án | Rubric | CLO4.1 | 50% | 20% |
| CLO4.2 | 50% |
| A1.3 | Câu hỏi trắc nghiệm khách quan | Đáp án | CLO1.1 | 40% | 20% |
| CLO1.2 | 40% |
| CLO1.3 | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | |  |  |  | **50%** |
| A2.1 | Hoạt động nhóm | Rubric | CLO3.1 | 100% | 10% |
| A2.2 | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án | Rubric | CLO4.3 | 50% | 40% |
| CLO4.4 | 50% |  |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2.1 + A2.2\*4)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá thường xuyên

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm ở trường phổ thông. | Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm ở trường phổ thông. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập và trải nghiệm**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá tiến độ đồ án (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
|  | **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |  |
| **Hình thành ý tưởng về đồ án** | - Xác định vấn đề nghiên cứu  rõ ràng. | -Xác định vấn đề nghiên cứu  khá tốt. | - Xác định vấn đề  nghiên cứu  tạm được. | -Xác định cơ bản vấn đề nghiên  cứu. | -Xác định  vấn đề  nghiên cứu yếu. | 40% |
| **Thiết kế đồ án** | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án sát với phân tích.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích tốt.  - Thiết kế cấu trúc đồ án tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích khá tốt.  -Thiết kế cấu trúc đồ án khá tốt.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án ở mức cơ bản.  - Đề xuất giải pháp triển khai đồ án tốt. | - Lập luận, phân tích ở mức cơ bản.  - Thiết kế cấu trúc đồ án kém.  - Chưa đề xuất được giải pháp triển khai đồ án. | 60% |

**Bảng 3: Rubric câu hỏi TNKQ theo phân theo mức độ (A1.3)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1.1.1 | Khái niệm hành chính, vai trò vị trí của hành chính học. | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.1.2 | Nền hành chính nhà nước. | 3 | 2 | 1 | - |
| 1.1.3 | Thể chế nền hành chính nhà nước | 3 | 1 | 1 | 1 |
| 1.2.1 | Đặc điểm của cơ quan hành chính nhà nước | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.2.2 | Cán bộ, công chức nhà nước | 3 | - | 2 | 1 |
| 1.2.3 | Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương. | 3 | - | 2 | 1 |
| 1.3.1 | Cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam, phân cấp hành chính ở Việt Nam, | 4 | 3 | 1 | - |
| 1.3.2 | Công vụ và công sở trong các cơ quan nhà nước | 3 | 2 | 1 | - |
| 1.3.3 | Cán bộ, công chức nhà nước | 3 | - | 1 | 2 |
| **Tổng** | | **30** | **14** | **11** | **5** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **46%** | **37%** | **17%** |

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A.2.1a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A2.1b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 6. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 4)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 5)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

**Bảng 6: Rubric đánh giá đồ án học phần (A2.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Hồ sơ đồ án**  (Báo cáo thuyết minh bản Word, bài thuyết trình PPT, nhật ký làm việc nhóm) | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành khá tốt. | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức tạm được | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành ở mức cơ bản | Nội dung tổng thể của đồ án dưới góc độ khoa học chuyên ngành chưa đạt yêu cầu | 60% |
| **Trình bày đồ án** | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, cuốn hút. | - Slide thiết kế tốt.  -Trình bày rõ ràng, trôi chảy. | - Slide thiết kế khá tốt.  -Trình bày đầy đủ nội dung. | Có slide hỗ trợ thuyết trình | Có slide hỗ trợ thuyết trình | 20% |
| **Trả lời câu hỏi phản biện** | Trả lời chính xác các câu hỏi của giảng viên. | Trả lời 2/3 số câu hỏi của giảng viên | Trả lời ½ câu hỏi của giảng viên | Trả lời chưa chính xác các câu hỏi của giảng viên | Không trả lời câu hỏi của giảng viên | 20% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] TS. Nguyễn Ngọc Hiến ( Chủ biên), 2014. *Hành chính công*. Học viện hành chính quốc gia, NXB Khoa học và kỹ thuật

[2] PGS.TS. Đinh Văn Mậu, GS.TSKH. Nguyễn Văn Thâm, PGS.TS. Võ Kim Sơn ( đồng chủ biên), 2012. *Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính*, Học viện hành chính quốc gia, NXB Khoa học và kỹ thuật.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Các văn bản luật: Luật tổ chức chính phủ 2015, Luật cán bộ công chức 2008 sửa đổi 2010

[4] GS.TS Vũ Duy Từ, 2010. *Hành chính học và cải cách hành chính*, Nxb CTQG, Hà Nội.

[5] . Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII*

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 60 tiết, phân bố cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1,2:*** 30 tiết (lí thuyết và elearning) học trong 7 tuần.

***Tín chỉ 3,4***: 30 tiết đồ án học phần học trong 8 tuần. Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | **Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về hành chính học**   * 1. Khái niệm Hành chính   2. Nền hành chính nhà nước. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A3, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **2** | **Chương 2: Thể chế nền hành chính nhà nước**  2.1. Khái niệm Thể chế  2.2. Vai trò của thể chế hành chính nhà nước trong hoạt động quản lý nhà nước. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A3,C4, S3 | A1.1 | CLO1.1 |
| **3** | **Chương 3: Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.**  3.1. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, C4,S2. S3 | A1.1  A1.3 | CLO1.2 |
| **4** | **Chương 3: Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.**  3.2. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A3, S3,C4 | A1.1 | CLO1.1 |
| **5** | **Chương 4: Công vụ, công sở và cán bộ công chức nhà nước** 4.1. Công vụ và công sở trong các cơ quan nhà nước  4.2. Cán bộ, công chức nhà nước | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, A3, S3,S2. | A1.1 | CLO1.1 |
| **6** | **Chương 5: Quyết định hành chính**  5.1. Quyết định hành chính là gì.  5.2. Phân loại quyết định hành chính:  5.3. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính:  5.4. Quy trình ban hành và tổ chức thực hiện quyết định hành chính: | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, C4, S2 | A1.1  A1.3 | CLO1.2 |
| **7** | **Chương 6: Cải cách hành chính và những vấn đề đặt ra hiện nay**  6.1. Một số vấn đề cơ bản về cải cách hành chính nhà nước  6.2. Nội dung của chương trình cải cách hành chính | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | K4, C4, S3 | A1.1  A1.3 | CLO1.3 |
| **8** | Xác định ý tưởng làm đồ án, phân công nhóm và giảng viên phụ trách nhóm. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, A3 | A2.1a | CLO3.1  CLO4.1 |
| **9** | Hướng dẫn các bước thiết kế đồ án | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, C4 | A2.1a | CLO2.1  CLO3.1 |
| **10** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Liên hệ, hỗ trợ, giám sát | S3, S2, C4 | A2.1a | CLO2.1  CLO3.1  CLO4.2 |
| **11** | Đánh giá tiến độ đồ án | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá, định hướng | S3, A2, C4 | A1.2  A2.1b | CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 |
| **12** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học và không gian tự học của nhóm và cá nhân | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, S2, C3 | A2.1a | CLO3.1  CLO3.3  CLO4.3 |
| **13** | Các nhóm tự làm việc. GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, S2, C4 | A2.1a | CLO3.1  CLO3.2  CLO4.3 |
| **14** | Viết báo cáo đồ án học phần | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Thảo luận nhóm  Viết báo cáo | Tư vấn, định hướng, giám sát | S3, S2, C4 | A2.1a  A2.2a | CLO2.1  CLO3.1  CLO3.3 |
| **15** | Báo cáo đồ án học phần  (Đánh giá cuối kì) | Lớp học | SV báo cáo theo nhóm | GV nhận xét, đánh giá | S3, S2, C4 | A2.1b  A2.2 | CLO4.3  CLO4.4 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA LUẬT HỌC**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**LUẬT HÌNH SỰ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Văn Dũng***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0976389033, dungnv@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 2: Bùi Thị Phương Quỳnh***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0973388728, quynhbtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 3: Đặng Thị Phương Linh***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0982032388, linhdtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***Giảng viên 4: Nguyễn Thị Mai Trang***

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Luật - Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0963561556, trangntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Luật học

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Luật hình sự  (tiếng Anh): Criminal law | | |
| - Mã số học phần: LAW30005 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Luật học, Luật kinh tế | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  **Kiến thức cơ sở ngành**  X  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc**  X | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 04 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 40 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Lí luận Nhà nước pháp luật | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Luật Dân sự | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80%/tổng số 60 tiết học  + Sinh viên phải nộp đầy đủ 2 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm qua hệ thống LMS  + Sinh viên tham gia thi đầy đủ 2 bài kiểm tra giữa kỳ theo quy định của TT Đảm bảo chất lượng  Sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần khi thỏa mãn đồng thời 3 điều kiện trên | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Luật Hình sự  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Luật hình sự là học phần cung cấp khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và Luật kinh tế. Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức về tội phạm và hình phạt. Luật hình sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên giải quyết các vấn đề pháp lý thuộc quan hệ pháp luật công và là nền tảng để học các học phần khác như Luật tố tụng hình sự, Quyền con người trong pháp luật hình sự… Đồng thời, người học sẽ hình thành kỹ năng tư duy phản biện; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và khả năng đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Sinh viên được tiếp cận nhiều vụ án hình sự thông qua các tình huống, hồ sơ vụ án thực tế. Đây là cơ sở để sinh viên củng cố kiến thức thông qua thực tiễn, đồng thời là trải nghiệm quý giá để sinh viên hành nghề Luật trong tương lai.

**3. Mục tiêu học phần**

Sau khi học xong học phần Luật hình sự, về kiến thức: Sinh viên có khả năng áp dụng các quy định pháp luật hình sự trong hoạt động pháp lý bao gồm những quy định chung và những quy định về các tội phạm cụ thể. Về kỹ năng: Sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện các vấn đề pháp lý; thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống pháp lý và thực hiện đánh giá hoạt động pháp lý trong lĩnh vực luật hình sự. Đây là những kiến thức, kỹ năng rất cần thiết cho người học để có thể trở thành người hành nghề luật trong tương lai như kiểm sát viên, thư ký tòa án, luật sư…

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | |
| PLO1 | PLO2 | | PLO4 |
| 1.2.1 | 2.2.3 | 2.3.2 | 4.2.4 |
| CLO1 | T |  |  |  |
| CLO2 | T |  |  |  |
| CLO3 |  | T1 |  |  |
| CLO4 |  |  | T1 |  |
| CLO5 |  |  |  | U |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 4.0 | *Phân tích* được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học | Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm |
| CLO1.2 | 4.0 | *Phân tích* được khái niệm, phân loại tội phạm và cấu thành tội phạm | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Nghiên cứu tình huống | - Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm  - Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận |
| CLO1.3 | 4.0 | *Phân tích* được các quy định của pháp luật hình sự về các giai đoạn thực hiện tội phạm | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Nghiên cứu tình huống | - Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm  - Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận |
| CLO1.4 | 4.0 | *Phân tích* được các quy định của pháp luật hình sự về trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học  - Bài tập | - Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm  - Đánh giá thường xuyên bằng bài tập cá nhân |
| CLO1.5 | 4.0 | *Áp dụng* được các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt vào tình huống thực tế | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học  - Bài tập | - Đánh giá thường xuyên bằng bài tập cá nhân |
| CLO2 | 4.0 | *Áp dụng* được các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm cụ thể để giải quyết tình huống pháp lý | - Thuyết trình  - Tự học  - Nghiên cứu tình huống  - Làm việc nhóm  - Thảo luận | - Đánh giá thường xuyên bằng bài tập nhóm trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  - Đánh giá cuối kỳ bằng hình thức tự luận |
| CLO3 | 4.0 | *Vận dụng* các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực hình sự |
| CLO4 | 4.0 | *Thực hiện* hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự, tình huống trong lĩnh vực hình sự |
| CLO5 | 5.0 | *Đánh giá* hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **30%** |
| A1.1 | Bài tập cá nhân 1; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án |  | 5% |
| A1.2 | Bài tập cá nhân 2; SV nạp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Đáp án |  | 5% |
| A1.3 | Bài tập nhóm; SV nạp bài qua LMS và thuyết trình; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric |  | 20% |
|  |  |  |  |  |
| **A2. Đánh giá giữa kỳ** | | | | **20%** |
| A2.1 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án |  | 10% |
| A2.2 | Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án |  | 10% |
|  |  |  |  |  |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A3 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án |  | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Rubric - Đánh giá bài A1.3 (bài tập nhóm - 20%)**  Nội dung: Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự; SV áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm cụ thể để định tội danh và quyết định hình phạt theo hồ sơ vụ án được giao; Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự; Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của cơ quan tiến hành tố tụng trong các hồ sơ vụ án được giao. | | |
| **Tiêu chí** | **Mức đánh giá** | **Ghi chú** |
| 1 | Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án được giao, SV áp dụng được các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm cụ thể để định tội danh và quyết định hình phạt | 5 | Điểm chung của nhóm |
| 2 | Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án được giao, SV thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự | 1 |  |
| 3 | Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án được giao, SV thực hiện đánh giá được hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của cơ quan tiến hành tố tụng trong hồ sơ vụ án được giao | 1 | Điểm chung của nhóm |
| 4 | Tại buổi thuyết trình, SV thuyết trình về BT nhóm dễ hiểu, hợp lí, có công cụ power point hỗ trợ | 1 |  |
| 5 | Hình thức bài báo cáo bản word đúng quy chuẩn, có trích dẫn tài liệu tham khảo | 1 | Điểm chung của nhóm |
| 6 | Các thành viên tham gia thực hiện BT nhóm nghiêm túc, có trách nhiệm:  + Tham gia đầy đủ, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, thể hiện được vai trò lãnh đạo nhóm hoặc sự hỗ trợ, hướng dẫn thành viên khác thực hiện nhiệm vụ (1đ)  + Tham gia đầy đủ, thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn nhóm giao (0,5đ)) | 1 | Xác định theo Biên bản làm việc nhóm (phải có sự thông qua của tất cả thành viên của nhóm). |
|  | **Tổng điểm** | **10** | - Điểm BT nhóm của từng thành viên có thể khác nhau do tiêu chí 6  - Nếu Thành viên không tham gia làm BT nhóm, không thực hiện nhiệm vụ nhóm giao: Điểm BT nhóm = 0 |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung), Nxb Công an nhân dân, 2017.

[2] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), Nxb Công an nhân dân, 2018.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nxb Tư pháp, 2018.

[4] Nguyễn Ngọc Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb Tư pháp, 2015.

[5] Trịnh Tiến Việt, Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và những vấn đề đặt ra khi thi hành Bộ luật tố tụng hình sự (hiện hành), Nxb Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[6] Trịnh Tiến Việt, Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, 2021.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết 40 tiết, thảo luận 20 tiết, tự học 120 tiết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(4) | Vấn đề 1: Khái niệm, nhiệm vụ và những nguyên tắc của Luật hình sự  1.1. Khái niệm, nhiệm vụ  1.2. Những nguyên tắc cơ bản  1.3. Những nguyên tắc đặc thù | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học  - Chia SV theo nhóm | - Đọc tài liệu [1], trang 9-43  - SV tự học | CLO1.1 | A2.1  A3 |
| 2 (4) | Vấn đề 2: Tội phạm và cấu thành tội phạm  2.1.Khái niệm, phân loại tội phạm  2.2. Khái niệm, phân loại cấu thành tội phạm | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Nghiên cứu tình huống  - Giao hồ sơ vụ án hình sự cho SV | - Đọc tài liệu [1], trang 55-90  - SV tự học | CLO1.2 | A2.1  A3 |
| 3 (4) | Vấn đề 2: Tội phạm và cấu thành tội phạm (tiếp)  2.3. Các yếu tố cấu thành TP  2.3.1. Khách thể của TP  2.3.2. Mặt khách quan của TP  2.3.3. Chủ thể của TP  2.3.4. Mặt chủ quan của TP | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu [1], trang 93-171  - SV tự học  *-* Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống được giao  *-* Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề phát sinh trong hồ sơ, tình huống được giao | CLO1.2 | A2.1  A3 |
| 4 (4) | Vấn đề 3: Các giai đoạn thực hiện tội phạm | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu [1], trang 175-190  - SV tự học  *-* Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống được giao  *-* Thực hiện các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề phát sinh trong hồ sơ, tình huống được giao | CLO1.3 | A2.2  A3 |
| 5 (4) | Vấn đề 4: Trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học  - Giao bài tập LMS | - Đọc tài liệu [1], trang 243-288  - SV tự học  *-* Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống được giao  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho SV trên LMS | CLO1.4 | A1.1  A2.2 |
| 6 (4) | Vấn đề 5: Quyết định hình phạt | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Thảo luận  - Tự học  - Giao bài tập LMS | - Đọc tài liệu [1], trang 291-388  - SV tự học  *-* Thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ, tình huống được giao  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho SV trên LMS | CLO1.5 | A1.2  A2.2 |
| 7 (4) | Vấn đề 6: Các tội xâm phạm tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Tự học  - Làm việc nhóm  - Thảo luận | - Đọc tài liệu [2], trang 51-116  - SV tự học  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 8 (4) | Vấn đề 6: Các tội xâm phạm tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người (tiếp) | - Địa điểm: Phòng học  - Đánh giá bài tập nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm trên powerpoint  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 9 (4) | Vấn đề 6: Các tội xâm phạm tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người (tiếp) | - Địa điểm: Phòng học  - Đánh giá bài tập nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm trên powerpoint  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 10(4) | Vấn đề 7: Các tội xâm phạm sở hữu | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Tự học  - Làm việc nhóm  - Thảo luận | - Đọc tài liệu [2], trang 177-228  - Tự học  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 11 (4) | Vấn đề 7: Các tội xâm phạm sở hữu (tiếp) | - Địa điểm: Phòng học  - Đánh giá bài tập nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 12 (4) | Vấn đề 7: Các tội xâm phạm sở hữu (tiếp) | - Địa điểm: Phòng học  - Đánh giá bài tập nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  + Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 13 (4) | Vấn đề 8: Các tội xâm phạm trật tự quản lí kinh tế | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Tự học  - Làm việc nhóm  - Thảo luận | - Đọc tài liệu [2], trang 259-348  - Tự học  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  +Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 14 (4) | Vấn đề 8: Các tội xâm phạm trật tự quản lí kinh tế (tiếp) | - Địa điểm: Phòng học  - Đánh giá bài tập nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm:  +Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự  + Áp dụng quy định của pháp luật hình sự để định tội danh và quyết định hình phạt  + Thực hiện được các bước của tư duy phản biện để phản biện các vấn đề pháp lý phát sinh trong hồ sơ vụ án hình sự  *+* Thực hiện đánh giá hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt | CLO2,  CLO3, CLO4, CLO5 | A1.3  A3 |
| 15 (4) | Ôn tập | - Địa điểm: Phòng học  - Thảo luận | - Chuẩn bị câu hỏi cần được giải đáp |  |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

***KHOA HỌC QUẢN LÝ***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Nguyễn Thái Sơn**

Chức danh, học hàm, học vị:GVCC.PGS. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Viện KHXH&NV, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529

Email: [ntsdhv@gmail.com](mailto:ntsdhv@gmail.com), [nguyenthaison@vinhuni.edu.vn](mailto:nguyenthaison@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Triết học, Lôgic học, Khoa học lãnh đạo – quản lý, Chính trị học,…

**Giảng viên 2: Phan Văn Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị: GV. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Viện SPXH, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.660.765 Email: phanvantuan94@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Lịch sử Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Khoa học Quản lý  (tiếng Anh): Management Science | | |
| - Mã số học phần: POL30032 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chính trị học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chính trị học đại cương | | Mã số HP: POL30002 |
| + Học phần học trước: Chính trị học Việt Nam  Chính trị với quản lý nhà nước  về xã hội | | Mã số HP: POL30014  Mã số HP: POL30015 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 6 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc, phương pháp quản lý cốt lõi phù hợp và đang được vận dụng trong thể chính trị Việt Nam hiện nay. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý để có thể vận dụng vào quá trình thực tiễn.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về: Tổng quan về Khoa học quản lý; Nguyên tắc và phương pháp quản lý và Các chức năng của quy trình quản lý. Việc nắm vững các nguyên lý quản lý, quy luật quản lý, các phạm trù và các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý sẽ giúp cho sinh viên có những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn các học phần trong khối kiến thức cơ sở cũng như trong khối kiến thức chuyên ngành.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.3 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 |
| 1.2.4 | 2.1.5 | 2.3.2 | 3.2.2 | 4.1.8 | 4.2.12 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ✓ |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | ✓ |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | ✓ |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | 2.5 | Trình bày được khái niệm quản lý và môi trường quản lý | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | 2.5 | Hiểu được các nguyên tắc và phương pháp quản lý  Hiểu được chức năng và vai trò của thông tin trong quản lý | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | 3 | Thể hiện ý thức trách nhiệm và quyết tâm thực hiện sự công bằng | Thảo luận | Quan sát |
| CLO2.2 | 3.5 | Hình thành kỹ năng phát hiện vấn đề; tìm, sắp xếp, đọc tài liệu nghiên cứu | Tự học | Hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | 3 | Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý | Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | 3 | Giải thích các nguyên tắc và phương pháp trong quản lý ở Việt Nam | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO4.2 | 3.5 | Áp dụng nguyên tắc và phương pháp quản lý ở Việt Nam hiện nay | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | | **CĐR học phần** | | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | |  | **100%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | | Rubric 1 | | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Bài tập cá nhân | |  | | CLO1.1 | 100% | 30% |
| A1.3 | Bài tập nhóm | |  | | CLO3.1 | 100% | 30% |
| A1.4 | Bài KT giữa ky | | Rubric 2 | | CLO2.2 | 100% | 30% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | | |  | **100%** |
| A2.1 | Bài thi kết thúc học phần | Rubric 3 | | CLO4.1  CLO4.2 | | 100% | 100% |
| **Công thức tính điểm quá trình: A1.1x10+A1.2x30+A1.3x30+ A1.4x30**  **Công thức tính điểm học phần:** (A1x50+ A2.1x50) | | | | | | | |

**5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.2.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập (A1.1)***

**Bảng 1: Rubric 1 đánh giá ý thức, thái độ học tập (A1.1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Nghe bài giảng SCORM *(3 điểm)*** | **3,0** | **2,5 – 2,0** | **1.5 – 1,0** | **0,5 - 0** |  |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; | 30% |
| **Tham gia lớp học**  **(5 điểm)** | **5,0** | **4,5 – 3,5** | **3,0 – 2,0** | **1,5 - 0** |  |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định | 50% |
| **Ý thức thái độ thể hiện trong quá trình học (2 điểm)** | **2,0** | **1,5** | **1.0 – 0 ,5** | **0** |  |
| Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N   * được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N   * hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 20% |

***5.2.2. Đánh giá giữa kỳ***

***Bảng 2: Rubric 2 đánh giá bài A1.4 (Kiểm tra giữa kỳ)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Tiến độ thực hiện và hình thức trình bày**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |  |
| - Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ.  - Trình bày không mạch lạc, không rõ ràng. | 20% |
| **Nội dung**  ***(8 điểm)*** | **8.0 – 7.0** | **6,5 – 5.0** | **4.5 – 3.0** | **2.5 - 0** |  |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục; thể hiện khá tốt khả năng phản bác các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục; chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng; Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái  - Không đưa ra quan điểm đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | 80% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

***5.2.3. Đánh giá kết thúc học phần***

***Rubric 3: Đánh giá bài A2.1* (**Bài kiểm tra kết thúc học phần**)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Hình thức trình bày**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |  |
| Trình bày mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày không mạch lạc, không rõ ràng. | 20% |
| **Nội dung**  ***(8 điểm)*** | **8.0 – 7.0** | **6,5 – 5.0** | **4.5 – 3.0** | **2.5 - 0** |  |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyết được một số mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập  - Lập luận không rõ ràng, không có dẫn chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | 80% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình***

[1] PGS.TS Nguyễn Thái Sơn, TS. Phan Văn Tuấn: *Tập bài giảng Khoa học quản lý*, Đại học Vinh, 2019.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn, PGS.TS. Phan Huy Đường: *Giáo trình: Khoa học Quản lý*, Nhà xuất bản: Đại học Quốc Gia Hà Nội. Năm xuất bản: 2013.

[3] PGS.TS Trần Ngọc Liêu: *Tập bài giảng Khoa học Quản lý đại cương*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Đặng Ngọc Lợi, *Giáo Trình Khoa Học Quản Lý*, NXB Chính Trị Hành Chính, 2013

[5] PGS.TS Nguyễn Hữu Cát; PGS.TS Đoàn Minh Duệ: *Đại cương về khoa học quản lý*, Nxb Nghệ An 2007.

[6]. PGS. Nguyễn Cảnh Hoan, *Tập bài giảng khoa học quản lý*, Nxb Chính trị - Hành Chính, 2018

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 | | **CHƯƠNG 1**  **KHÁI LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ**  1. KHÁI LUẬN VỀ QUẢN LÝ  1.1. Tiếp cận và quan niệm khác nhau về quản lý  1.2. Bản chất của quản lý  1.3. Vai trò của quản lý | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học  **Tự học:**  1. KHÁI LUẬN VỀ QUẢN LÝ  1.4. Phân loại quản lý | + Đọc tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 6; ...tài liệu số ...  [2]  + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | G1.1  G2.1 | A1.3.1; A2.1 |
| 2 | | **CHƯƠNG 1**  **KHÁI LUẬN VỀ QUẢN LÝ VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ**  2.MÔI TRƯỜNG QUẢN LÝ  2.1 Khái niệm môi trường quản lý  2.3. Một số nhân tố cơ bản của môi trường vĩ mô tác động tới quản | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | + Đọc tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 6; ...tài liệu số ...  [2]  + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | G1.1  G2.1 | A1.3.1; A2.1 |
| 3 | | **CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT KHOA HỌC**  1. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CHO SỰ RA ĐỜI CỦA KHOA HỌC QUẢN LÝ  1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội  1.2. Tiền đề lý luận | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  -Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | Sinh viên:  + Đọc trước tài liệu số [1]  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.1  G2.2 |  |
| 4 | | CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT KHOA HỌC  2. ĐỐI TƯỢNG KHOA HỌC QUẢN LÝ  4. ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA KHOA HỌC QUẢN LÝ | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học  - Tự học:  3. PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC QUẢN LÝ | Sinh viên:  + Đọc trước tài liệu số [1]  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.1  G2.2 |  |
| 5 | **CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ**  1. KHÁI LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ  1.2. Định nghĩa và nguyên tắc quản lý  1.3 Đặc trưng của nguyên tắc quản lý  1.4. Vai trò của nguyên tắc quản lý | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học  **Tự học:**  1. KHÁI LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ  1.1. Các tiếp cận khác nhau về nguyên tắc quản lý | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.3.1; A2.3 |
| 6 | **CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ**  2. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN  2.1. Nguyên tắc sử dụng quyền lực hợp lý  2.2. Nguyên tắc quyền hạn tương xứng với trách nhiệm  2.3. Nguyên tắc thống nhất trong quản lý | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.3.1; A2.3 |
| 7 | **CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  2.MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN  2.4.Nguyên tắc thực hiện quy trình quản lý  2.6. Nguyên tắc kết hợp các nguồn lực | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học  **Tự học:**  2.MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN  2.5 Nguyên tắc kết hợp hài hoà các lợi ích  2.7. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả | + Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân.  + Vở bài tập nhóm.  + Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng.  + Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có)  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.2.1 A1.3.1A2.3 |
| 8 | **CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  1 KHÁI NIỆM PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ  1.1. Định nghĩa Phương pháp quản lý  1.2. Đặc trưng của phương pháp quản lý | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.3  G2.3  G4.1 | A2.5 |
| 9 | **CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  2.NHỮNG PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CƠ BẢN  2.1. Nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực  2.2.Nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực và nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.3  G2.3  G3.2 |  |
| 10 | **CHƯƠNG 5. CÁC CHỨC NĂNG CỦA QUY TRÌNH QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  1. CHỨC NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ  1.1. Lập kế hoạch  1.2. Quyết định quản lý  2. CHỨC NĂNG TỔ CHỨC  2.1. Khái niệm và vai trò của chức năng tổ chức  2.2. Nội dung chức năng tổ chức | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về chức năng lập kế hoạch và Quyết định quản lý; làm rõ khái niệm và vai trò, nội dung chức năng tổ chức  + Phân tích hướng dẫn.  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  + Tự học:  2. CHỨC NĂNG TỔ CHỨC  2.3. Phân công công việc  2.4. Quyền hạn và giao quyền | Sinh viên đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.4  G1.5  G2.4  G3.1  G4.2 | A2.6 |
| 11 | **CHƯƠNG 5. CÁC CHỨC NĂNG CỦA QUY TRÌNH QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  3. CHỨC NĂNG LÃNH ĐẠO  3.2. Nội dung và phương thức của chức năng lãnh đạo  4. CHỨC NĂNG KIỂM TRA  4.1 Khái niệm kiểm tra  4.2. Quy trình, phương pháp và yêu cầu kiểm tra | Giảng viên:  + GV giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nội dung và phương thức của chức năng lãnh đạo và Khái niệm kiểm tra  + Phân tích hướng dẫn.  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  + Tự học:  3. CHỨC NĂNG LÃNH ĐẠO  3.1 Khái niệm lãnh đạo và chức năng lãnh đạo | Sinh viên đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | G1.4  G1.5  G2.4  G3.1  G4.2 | A2.6 |
| 12 | **CHƯƠNG 6. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  1. KHÁI NIỆM THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  1.1. Định nghĩa thông tin và thông tin quản lý  1.2. Đặc trưng của thông tin quản lý  1.3. Vai trò của thông tin trong quản lý | Giảng viên:  + GV giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về định nghĩa thông tin và thông tin quản lý; đặc trưng của thông tin quản lý; vai trò của thông tin trong quản lý  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  + Tự học:  1. KHÁI NIỆM THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  1.4. Phân loại thông tin quản lý | Sinh viên đọc trước tài liệu số [1]  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và để biết nhiệm vụ học tập. | G1.6  G2.5  G3.1  G4.3 | A2.7 |
| 13 | **CHƯƠNG 6. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  2. QUÁ TRÌNH THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  2.1. Quá trình thông tin cho việc xây dựng quyết định quản lý  2.2. Quá trình thông tin triển khai thực hiện quyết định quản lý | Giảng viên:  + GV giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về quá trình thông tin cho việc xây dựng quyết định quản lý và quá trình thông tin triển khai thực hiện quyết định quản lý;. những trở ngại của quá trình thông tin trong quản lý  + Phân tích hướng dẫn.  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  + Tự học:  2. QUÁ TRÌNH THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  2.3 Quá trình thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyết định quản lý | + Đọc trước tài liệu số [1] + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | G1.6  G2.5  G3.1  G4.3 | A2.7 |
| 14 | **CHƯƠNG 6. THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ**  **Nội dung kiến thức:**  3 NHỮNG TRỞ NGẠI CỦA QUÁ TRÌNH THÔNG VÀ YÊU CẦU SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  3.1. Những trở ngại của quá trình thông tin trong quản lý  3.2. Những yêu cầu sử dụng thông tin trong quản lý | Giảng viên:  + GV giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về quá trình thông tin cho việc xây dựng quyết định quản lý và quá trình thông tin triển khai thực hiện quyết định quản lý;. những trở ngại của quá trình thông tin trong quản lý  + Phân tích hướng dẫn.  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên.  + Tự học:  2. QUÁ TRÌNH THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ  2.3 Quá trình thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyết định quản lý | + Đọc trước tài liệu số [1] + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | G1.6  G2.5  G3.1  G4.3 | A2.7 |

***Thảo luận:***

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Giảng viên** |
|  | ***Vũ Thị Phương Lê*** | ***Phan Văn Tuấn*** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN LUẬT HÀNH CHÍNH (ĐỒ ÁN)**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1:* TS. Nguyễn Văn Đại**

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email: 0916510185

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

***Giảng viên 2:* TS. Nguyễn Thị Thùy Dung**

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại, email: 0916168988

Các hướng nghiên cứu chính: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Luật Hành chính  (tiếng Anh): Administrative Project | | |
| - Mã số học phần: | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức đại cương  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:……  + Số tiết lý thuyết: 12  + Số tiết thảo luận/bài tập:  + Số tiết thực hành:  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 48  + Số tiết tự học: | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Luật hành chính, Luật TTHC, Luật Hiến pháp, Kỹ thuật xây dựng VBPL | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo tiến độ đồ án, nhật ký làm việc nhóm… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện đồ án | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

- Đồ án hành chính là học phần thuộc khối kiến thức giảng dạy theo hình thức đồ án trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế

- Sinh viên được tiếp nhận kiến thức và kỹ năng nghề Luật thông qua 15 tiết học lý thuyết và 45 tiết làm đồ án nhằm giải quyết các vụ việc hành chính

- Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ năng thuyết trình, tranh biện; hướng dẫn sinh viên cách thức rà soát lỗi văn bản hành chính thông dụng, VB pháp luật, hợp đồng, đơn khởi kiện, đơn khiếu nại, tố cáo, trả lời đơn thư khiếu nại...

- Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành kỹ năng CDIO trong giải quyết vụ việc hành chính, cụ thể: một là, hướng dẫn sinh viên cách hình thành các ý tưởng; đánh giá tính khả thi, tính hợp pháp trong ý tưởng về hoạt động pháp lý; hai là, hướng dẫn sinh viên quy trình thực hiện, xây dựng kế hoạch giải quyết vụ việc hành chính. Ba là, hướng dẫn sinh viên xác định được phương pháp và tiêu chí đánh giá phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tế.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần Đồ án hành chính cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình, tranh biện, rà soát văn bản và thực hành kỹ năng tư duy hệ thống, thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính. Đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên cách hình thành ý tưởng, cách xây dựng, thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện ý tưởng trong hoạt động giải quyết các vụ việc hành chính

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

(Thống nhất ký hiệu các CĐR học phần là: CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1…)

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***CĐR học phần*** | ***Ánh xạ với CĐR chương trình đào tạo*** | | | | | | | | | | |
| ***Plos 1.2*** | | ***Plos 1.3*** | ***Plos 2.1*** | | ***Plos 2.2*** | ***Plos 3.1*** | ***Plos 4.2*** | | | |
|  | *1.2.1* | *1.2.2* | *1.3.1* | *2.1.2* | *2.2.2* | *3.1.1* | *3.1.2* | *4.2.1* | *4.2.2* | *4.2.3* | *4.2.4* |
| CLO1.1 | *1,0* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  | *1,0* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  |  | *1,0* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  | *1,0* |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | *1,0* |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  | *1,0,* |  |  |  |  |  |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  | *1,0* |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  | *1,0* |  |  |  |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  |  |  |  | *1,0* |  |  |
| CLO4.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *1,0* |  |
| CLO4.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *1,0* |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K4 | Áp dụng kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực luật hành chính, luật dân sự, luật kinh tế, luật quốc tế để giải quyết vấn đề pháp lý | Hoạt động nhóm | Đồ án |
| CLO1.2 | K4 | Áp dụng các kiến thức,quy định pháp luật về tố tụng để giải quyết các vấn đề pháp lý | Thuyết trình, hoạt động nhóm | Đồ án |
| CLO1.3 | K4 | Áp dụng các kiến thức,quy định pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực hành chính | Thuyết trình, hoạt động nhóm | Đồ án |
| CLO2.1 | A4 | Thể hiện sự tuân thủ các tiêu chuẩn về trách nhiệm nghề luật trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính | Hoạt động nhóm | Đồ án |
| CLO2.2 | S3 | Có khả năng tư duy hệ thống trong quá trình giải quyết các vụ việc hành chính | Giải quyết tình huống | Đồ án |
| CLO3.1 | S4 | Có Khả năng thuyết trình, tranh biện để trình bày, giải quyết vụ việc hành chính | Giải quyết tình huống | Sermina, Đồ án |
| CLO3.2 | S4 | Có Khả năng soạn thảo các VBHC, VBPL để trình bày, giải quyết vụ việc hành chính | Hoạt động nhóm | Sermina, Đồ án |
| CLO4.1 | C4 | Có Khả năng hình thành ý tưởng để giải quyết vu việc hành chính | Giải quyết tình huống | Sermina, Đồ án |
| CLO4.2 | C4 | Có Khả năng thiết kế, lập kế hoạch để giải quyết vụ việc hành chính | Giải quyết tình huống | Sermina, Đồ án |
| CLO4.3 | C4 | Có Khả năng tổ chức, triển khai giải quyết vụ việc hành chính | Giải quyết tình huống | Đồ án |
| CLO4.4 | C4 | Có khả năng đánh giá quá trình giải quyết vụ việc hành chính | Giải quyết tình huống | Đồ án |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** (tối thiểu 03 bài đánh giá) | |  |  |  | **50%** |
| A1.1 | Đánh giá tiến độ đồ án lần 1 (C,D) | - Nhật ký tiến độ làm việc | CLO3.2 | 20% | 10% |
| CLO4.1 | 40% |
| CLO4.2 | 40% |
| A1.2 | Đánh giá tiến độ đồ án lần 2 (I) | - Nhật ký tiến độ làm việc | CLO3.2 | 40% | 10% |
| CLO4.3 | 60% |
| A1.3 | Seminar lần 1 ( C,D ) | Rubric 1 | CLO2.1 | 20% | 15% |
| CLO2.2 | 20% |
| CLO3.1 | 20% |
| CLO4.1 | 20% |
| CLO4.2 | 20% |
| A1.4 | Seminar lần 2 (I) | Rubric 2 | CLO1.1 | 20% | 15% |
| CLO1.2 | 20% |
| CLO1.3 | 20% |
| CLO3.2 | 20% |
| CLO4.3 | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | |  |  |  | **50%** |
| A.2.1 | Đánh giá chung của hội đồng đánh giá đồ án/dự án (O) | Rubric 3 | CLO1.1 | 10% | 50% |
| CLO1.2 | 10% |
| CLO1.3 | 10% |
| CLO2.1 | 5% |
| CLO2.2 | 10% |
| CLO3.1 | 10% |
| CLO3.2 | 5% |
| CLO4.1 | 10% |
| CLO4.2 | 10% |
| CLO4.3 | 10% |
| CLO4.4 | 10% |
| **Công thức tính điểm học phần:** | | | | | |

*Ghi chú:*

*- Theo khoản 3, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, điểm học phần bào gồm 2 nhóm điểm: điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Do đó, đề cương chi tiết cần xác định rõ tỷ lệ % của mỗi bài đánh giá cho tổng điểm học phần, sao cho các bài đánh giá thường xuyên chiếm 50% và các bài đánh giá cuối kì chiếm 50% (Cột tỷ lệ cho học phần).*

*- Theo ý 1, điểm c, khoản 2, điều 9 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, bài đánh giá thể hiện rõ những CĐR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CĐR cho bài đánh giá (Cột tỷ lệ cho bài đánh giá).*

*- Theo ý 2, điểm c, khoản 2, điều 9; điểm a, khoản 3, điều 9; khoản 8, điều 9; khoản 1, điều 10 của Quyết định 2018/QĐ-ĐHV, đề cương chi tiết học phần cần chỉ rõ nơi lưu giữ bài kiểm tra – đánh giá như: LMS, Trung tâm đảm bảo chất lượng…*

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.3***

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.4***

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1***

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] TS. Phan Chí Hiếu (chủ biên), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật*, NXb Công an nhân dân, 2012.

[2] Th.S Nguyễn Văn Hùng, Th.S Lữ Lâm Uyên, *Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại theo phán quyết của Toà án*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Tổ chức BABSEA và Viện Nghiên cứu và phát triển chính sách pháp luật, Cẩm nang Giảng dạy Pháp luật cộng đồng, NXB Lao động - xã hội, năm 2012.

[4] Trương Nhật Quang, Kỹ năng hành nghề Luật sư tư vấn, NXB Lao động, Hà Nội, năm 2013.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | Hướng dẫn cách thuyết trình, tranh biện vấn đề pháp lý | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Hỏi đáp  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm | Các câu hỏi về nội dung bài học | CLO3.1 | A1.3  A2.1 |
| 2(3) | Hướng dẫn Rà soát, soạn các VBPL,VBHC trong quá trình giải quyết vụ việc hành chính | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Hỏi đáp  - Hướng dẫn thảo luận, soạn thảo văn bản  - Hướng dẫn làm việc nhóm | Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO3.2 | A1.1  A1.2  A2.1 |
| 3(3) | Minh họa và hướng dẫn hình thành ý tưởng, thiết kế, lập kế hoạch,tổ chức, | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Hỏi đáp  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm | Thuyết trình nội dung được giao trên LMS | CLO 1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO4.1  CLO4.2 | A1.3  A1.4  A2.1 |
| 4(3) | Hướng dẫn triển khai thực hiện và đánh giá quá trình giải quyết vụ việc hành chính  -Giao nội dung chủ đề đồ án và kế hoạch thực hiện đồ án | - Địa điểm: Phòng học  - Thuyết trình  - Hỏi đáp  - Hướng dẫn thảo luận  - Hướng dẫn làm việc nhóm | Thuyết trình nội dung được giao trên LMS | CLO4.3  CLO4.4 | A1.2  A2.1 |

***Thực hành và/hoặc Đồ án học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung hoạt động** | **Địa điểm/không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Kết quả cần đạt được** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 5 | Chọn chủ đề đồ án, hình thành ý tưởng giải quyết nội dung đồ án | Phòng học | Thảo luận, hoạt động nhóm | Hình thành ý tưởng giải quyết đồ án | CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 6 | hình thành, hoàn thiện ý tưởng giải quyết nội dung đồ án | Phòng học | Thảo luận, hoạt động nhóm | Hoàn thiện ý tưởng giải quyết đồ án, thể hiện ý tưởng trong nhật ký tiến độ | CLO4.1 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 7 | Thiết kế, Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung đồ án ( cách phân bổ thời gian, sử dụng nguồn lực) | Phòng học | Hoạt động nhóm | Lên kế hoạch thực hiện đồ án | CLO4.2 | A1.1  A1.3  A2.1 |
| 8 | Báo cáo tiến độ đồ án lần 1 | Phòng học | Hoạt động nhóm, thuyết trình | Bản báo cáo tiến độ | CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1 |
| 9 | Sermina 1 |  | Hoạt động nhóm, thuyết trình, hỏi đáp | Trình bày được ý tưởng và kế hoạch thực hiện đồ án | CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.3 |
| 10 | Tổ chức, triển khai thực hiện nội dung đồ án | Ngoài phòng học | Hoạt động nhóm | Thực hiện triển khai kế hoạch đồ án | CLO4.3 | A1.2  A1.4 |
| 11 | Tổ chức, triển khai thực hiện nội dung đồ án | Ngoài phòng học | Hoạt động nhóm | Thực hiện triển khai kế hoạch đồ án | CLO4.3 | A1.2  A1.4 |
| 12 | Báo cáo tiến độ lần 2 | Phòng học | Hoạt động nhóm, hoàn thành báo cáo tiến độ | Bản báo cáo tiến độ thực hiện đồ án | CLO3.2  CLO4.3 | A1.2 |
| 13 | Sermina 2 | Phòng học | Hoạt động nhóm, thuyết trình | Trình bày quá trình triển khai thực hiện đồ án | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO3.2  CLO4.3 | A1.4 |
| 14 | Hoàn thiện đồ án | Ngoài Phòng học | Hoạt động nhóm, thuyết trình | Hoàn thiện nội dung, hình thức đồ án | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.2, CLO3.2, CLO4.1, CLO4.2, CLO4.3, CLO4.4 | A2.1 |
| 15 | Hoàn thiện đồ án | Ngoài phòng học | Hoạt động nhóm, thuyết trình | Hoàn thiện đồ án, chuẩn bị báo cáo nội dung đồ án | CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.2, CLO3.2, CLO4.1, CLO4.2, CLO4.3, CLO4.4 | A2.1 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường KHXH&NV** | **Tổ Trưởng** | **Giảng viên** |
| **TS. Đinh Ngọc Thắng** | **TS. Nguyễn Văn Đại** | **TS. Nguyễn Thị Thùy Dung** |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**KHOA CHÍNH TRỊ- BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***- Giảng viên 1*: Nguyễn Thị Hải Yến**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Email: [haiyenna@gmail.com](mailto:haiyenna@gmail.com); yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị tr­ường định h­ướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế. Kinh tế phát triển.

**- *Giảng viên 2:* Nguyễn Thị Diệp**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC.ThS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Email: diepgdct@gmail.com; [diepnt@vinhuni.edu.vn](mailto:diepnt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Kinh tế chính trị; Kinh tế học; Lịch sử tư tưởng kinh tế, tác phẩm kinh điển KTCT của C.Mác; Kinh tế phát triển.

**- *Giảng viên 3*: Đinh Trung Thành**

Chức danh, học hàm, học vị: GVCC.PGS.TS

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Email: [dinhtrungthanhdhv@gmail.com](mailto:dinhtrungthanhdhv@gmail.com); thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

**- *Giảng viên 4:* Nguyễn Thị Mỹ Hương**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. Ths

Địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Email: [huongmydhv@gmail.com](mailto:huongmydhv@gmail.com); hươngntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Các vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên CNXH; Chủ nghĩa tư bản hiện đại; Tác phẩm kinh điển KTCT của C. Mác, Kinh tế học, hội nhập kinh tế quốc tế...

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): **Quản lý nhà nước về kinh tế**  (tiếng Anh): **State Management of the Economy** | | |
| - Mã số học phần: SMT30011 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 40 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 20 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 120 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Kinh tế học đại cương | | Mã số HP: SMT30001 |
| + Học phần học trước: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | | Mã số HP: SMT30014 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Kinh tế  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, công cụ, chính sách quản lý và mối quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó người học nắm được quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, nâng cao nhận thức và có năng lực phân tích, giải quyết các vấn đề về quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.

- Vận dụng nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

- Hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.

- Rèn luyệncho sinh viênphẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Sự tương thích chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | ***Sự tương thích giữa CĐR học phần với CĐR chương trình đào tạo*** | | | |
| **PLO 1.3** | **PLO 2.1** | **PLO 3.1** | **PLO 4.1** |
| **1.3.2** | **2.1.4** | **3.1.1** | **4.1.1** |
| CLO 1.3.2.1 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 1.3.2.2 | 0,5 |  |  |  |
| CLO 2.1.4.1 |  | 1,0 |  |  |
| CLO 3.1.1.1 |  |  | 1,0 |  |
| CLO 4.1.1.1 |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO 1.3.2.1 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế trong nền KTTT định hướng XHCN | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO 1.3.2.2 | K3 | *Vận dụng* kiến thức chuyên sâu của môn học vào hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |
| CLO 2.1.4.1 | S4 | Thể hiện kỹ năng q*uản lý* thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước về kinh tế | Tự học | Tự luận, hồ sơ học phần |
| CLO 3.1.1.1 | S3 | Thể hiện *khả năng* làm việc nhóm trong vận dụng kiến thức quản lý nhà nước về kinh tế | Thảo luận | Quan sát |
| CLO 4.1.1.1 | K3 | *Phân tích được* bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế | Thuyết trình | Tự luận, hồ sơ học phần |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Chuyên cần  - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1  - LMS |  | 100% | 10% |
| A.1.2 | - Bài tập nhóm; SV nạp bài qua LMS;  - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Đáp án  - Rubric 2 | CLO 2.1.4.1 | 50% | 20% |
| CLO 3.1.1.1 | 50% |
| A1.3 | - Bài thi tự luận: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | - Đáp án | CLO 1.3.2.1 | 50% | 20% |
| CLO 1.3.2.2 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Bài thi tự luận; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ.  - Hoặc bài thi vấn đáp | - Đáp án | CLO 1.3.2.1 | 40% | 50% |
| CLO 1.3.2.2 | 30% |
| CLO 4.1.1.1 | 30% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** A = (A1.1 × 0.1) + (A1.2 × 0.2) + (A1.3 × 0.2) + (A2 × 0.5)  Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; A1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; A1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; A2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (>=N) (N được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân(2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân(2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập cá nhân(1 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Phân công nhiệm vụ rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt | Phân công nhiệm vụ cụ thể, tương tác giữa các thành viên chưa cao | Phân công nhiệm vụ chưa rõ, sự tương tác giữa các thành viên kém | Phân công nhiệm vụ không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa các thành viên | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | - Thu thập, đưa ra nhiều tài liệu liên quan đề tài  - Đưa ra  những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài | - Thu thập thông tin cơ bản về đề tài  - Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Không thu thập thông tin  - Có đưa ra ý tưởng nhưng không liên quan đề tài | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên trong nhóm | - Có lắng nghe, chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia thảo luậnnhóm và bình luận | - Có 1-2 lần tham gia thảo luận nhóm và bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Học liệu bắt buộc:***

[1] *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế* (Dùng cho đào tạo đại học các khối ngành khoa học xã hội và hành vi, kinh doanh và quản lý), Khoa Kinh tế- Trường Đại học Vinh, NXB Đại học Vinh, Nghệ An 2019.

[2] Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu, *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế,* Nxb Đại học kinh tế quốc dân, 2008.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Phan Huy Đường, Phan Anh, *Quản lý nhà nước về kinh tế,* Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2017.

[4] Học viện chính trị quốc gia, *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nxb Lý luận chính trị, 2005.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết (4 tiết/tuần)** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 | Chương 1  **Tổng quan quản lý nhà nước về kinh tế** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm  - GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc tài liệu số [1] từ trang 5 đến trang 28.  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | CLO 1.3.2.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 2 | **Chương 2.**  Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 77 đến trang 98.  - Tìm tài liệu liên quan đến nội dung chương 2. | CLO 1.3.2.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 3 | Thảo luận nhóm  Chương1, chương 2, | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS | - CLO 2.1.4.1  - CLO 3.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 4 | **Chương 3**  Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 145 đến trang 218  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO 1.3.2.1  - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 5 | Thảo luận chương 3 | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS | - CLO 2.1.4.1  - CLO 3.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 6 | Chương 4  Mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 145 đến trang 218  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO1.1  - CLO4.1  - CLO4.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 7 | Thảo luận nhóm chương 4 | - Hướng dẫn thảo luận  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO 2.1.4.1  - CLO 3.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 8 | Chương 5  Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 145 đến trang 218  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 9 | Chương 5  Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế (Tiếp) | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 145 đến trang 218  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 10 | Thảo luận nhóm chương 5 | - Hướng dẫn thảo luận  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO 2.1.4.1  - CLO 3.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 11 | Chương 6.  Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 225 đến trang 296. | - CLO 1.3.2.1  - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 12 | Chương 6.  Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế (Tiếp) | - Thuyết trình  - GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 225 đến trang 296. | - CLO 1.3.2.1  - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 13 | **Chương 7**  Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế | - Thuyết trình  - GV hướng dẫn SV nghiên cứu nội dung tự học  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 225 đến trang 296. | - CLO 1.3.2.1  - CLO 1.3.2.2 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 14 | Thảo luận nhóm  Chương 6 và chương 7 | - Hướng dẫn thảo luận  - Giáo viên nhận xét và tổng kết vấn đề thảo luận | Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO 2.1.4.1  - CLO 3.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |
| 15 | Tổng kết học phần | - Giáo viên hướng dẫn ôn tập | Thuyết trình | - CLO 1.3.2.1  - CLO 1.3.2.2  - CLO 4.1.1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3  A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |

  Nguyễn Thị Hải Yến

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Vũ Thị Phương Lê***

Học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: levtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Thể chế chính trị, hệ thống chính trị, vấn đề con người, công tác cán bộ, vấn đề dân tộc và tôn giáo.

***Giảng viên 2: Nguyễn Thị Lê Vinh***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: vinhntl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị quốc tế, chính trị học so sánh, xử lý tình huống chính trị, vấn đề dân tộc và tôn giáo, quản lý nhà nước.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: SMT30018 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Đại cương về Quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT20001 |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, đồng thời gợi ý, đề xuất phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền khi xảy ra các tình huống chính trị liên quan đến vấn đề dân tộc và tôn giáo. Học phần giúp sinh viên có thể tự tin, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo

- Hình thành kĩ năng tự học và khả năng học suốt đời

- Rèn luyện kĩ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp

- Áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo vào thực tiễn nghề nghiệp

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.1 | | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.2 | 2.1.1 | 2.1.4 | 3.1.2 | 4.1.4 |
| CLO1.1 | 0,4 |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,4 |  |  |  |  |
| CLO1.3 | 0,2 |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với dân tộc | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với tôn giáo | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO1.3 | K3 | Giải thích chính sách nhà nước về dân tộc và tôn giáo | Thảo luận | Hồ sơ học phần |
| CLO2.1 | S2 | Thể hiện kĩ năng tự học và khả năng học suốt đời | Tự học | Quan sát |
| CLO2.2 | S3 | Có khả năng giao tiếp trong cơ quan hành chính nhà nước | Làm việc nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | S3 | Đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo xảy ra trong thực tế | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |
| CLO4.1 | C4 | Đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo của các cấp chính quyền địa phương | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Rubric | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Bài tập nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric | CLO1.1 | 30% | 20% |
| CLO2.2 | 30% |
| CLO4.1 | 40% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm (Lưu LMS) | Đáp án | CLO1.1 | 50% | 20% |
| CLO1.2 | 50% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.3 | 60% |  |
| CLO4.1 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc,* Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017.

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo,* Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, 2017.

[3] Hoàng Văn Chức, *Quản lí nhà nước về tôn giáo và dân tộc,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.

[4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (khóa XIV), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Một số vấn đề chung về dân tộc và quan hệ dân tộc trên thế giới**  1.1. Khái niệm dân tộc  1.2. Tình hình dân tộc và quan hệ dân tộc trên thế giới | - Hướng dẫn sinh viên nghe bàu giảng trên Elearning  - Thuyết trình  - Hướng dẫn hoạt động nhóm | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 1 từ trang 9 đến trang 17  - Tổ chức nhóm theo danh sách được phân công trên Elearning | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 2(1LT+2TL) | **Chương 1: Một số vấn đề chung về dân tộc và quan hệ dân tộc trên thế giới**  1.3. Nguồn gốc của các cuộc xung đột dân tộc trên thế giới  **Thảo luận** | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 9 đến trang 18.  - Tìm hiểu 2 case study: xung đột ở Syria, Afghanistan. Nộp lên hệ thống LMS  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Phân tích tính hai mặt của chủ nghĩa dân tộc và những vấn dề đặt ra đối với Việt Nam?  2. Trình bày xung đột dân tộc ở một số nước và giải pháp? | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.2  - A1.3 |
| 3(3) | **Chương 2: Đặc điểm cơ bản của cộng đồng dân tộc Việt Nam**  2.1. Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc  2.2. Các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết  2.3. Các dân tộc ở Việt Nam cư trú xen kẽ nhau | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình 1 từ trang 25 đến trang 46. | - CLO1.1  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 4(3) | **Chương 2: Đặc điểm cơ bản của cộng đồng dân tộc Việt Nam**  2.4. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu cư trú ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng 2.5. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau  2.6. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 73 đến trang 77.  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO1.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 5(1LT+2TL) | **Chương 2: Đặc điểm cơ bản của cộng đồng dân tộc Việt Nam**  2.7. Một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo khác nhau  **Thảo luận chương 1** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: 2 case study: xung đột ở Syria, Afghanistan | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint theo nhóm được phân công | - CLO1.1  - CLO4.1 | A1.1 |
| 6(3) | **Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về dân tộc**  3.1. Cơ sở xây dựng chính sách dân tộc | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 81 đến trang 91.  Đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến quản lý nhà nước về dân tộc  - Tổ chức hoạt động nhóm | - CLO1.3;  CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 7(3) | **Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về dân tộc**  3.2.Quan điểm, nguyên tắc về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: | **-** Đọc giáo trình 1 từ trang 47 đến 67 | - CLO1.3;  CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 8(1LT+2TL) | **Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về dân tộc**  3.3. Thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ mới  **Thảo luận chương 2** | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 1 đến trang 9.  - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 13 đến trang 20.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Tại sao các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết?  2. Trình bày đặc điểm cư trú của các dân tộc Việt Nam? | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 9(3) | **Chương 4: Khái quát chung về tôn giáo**  4.1. Tôn giáo và tính chất chung của tôn giáo | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 9 đến trang 18. | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 10(1LT+2TL) | **Chương 4: Khái quát chung về tôn giáo**  4.2. Một số vấn đề tôn giáo trên thế giới hiện nay  **Thảo luận chương 3** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 22 đến trang 35.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc?  2. Nêu một số chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước đối với các dân tộc thiểu số và miền núi trong thời kỳ đổi mới? | - CLO1.2  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2 |
| 11(3) | **Chương 5: Những vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam**  5.1. Những yếu tố tác động đến quá trình hình thành các tôn giáo ở Việt Nam  5.2. Đặc điểm của hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 48 đến trang 60.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO1.3;  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 12(1LT+2TL) | **Chương 5: Những vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam**  5.3. Những tôn giáo lớn ở Việt Nam  **Thảo luận chương 4** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 37 đến trang 54.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận  1. Phân biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo?  2. Trình bày xu thế hiện nay của các tôn giáo trên thế giới? | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 13(3) | **Chương 6: Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo**  6.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo  6.2. Quan điểm và nguyên tắc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 37 đến 42 | - CLO2.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 14(1LT+2TL) | **Chương 6: Nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo**  6.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo  6.4. Những chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo hiện nay  **Thảo luận chương 5** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 43 đến trang 59  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Phân tích các đặc điểm cơ bản của hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 15(3TL) | **Thảo luận chương 6**  **Ôn tập** | - Thuyết trình | - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Trình bày nhiệm vụ của công tác tôn giáo hiện nay ở Việt Nam?   * 2. Trình bày những nội dung về quản lí nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo? * - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập | CLO2.1 | - A1.1  - A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Phạm Thị Bình***

Học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: phamthibinh@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin, vấn đề gia đình và con người, vấn đề lãnh đạo, quản lí.

***Giảng viên 2: Nguyễn Thị Lê Vinh***

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: vinhntl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Chính trị quốc tế, chính trị học so sánh, xử lý tình huống chính trị, vấn đề dân tộc và tôn giáo, quản lý nhà nước.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần: SMT30017 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: Đại cương về Quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT20001 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần:  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên tự tin và có kỹ năng vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động thực tế công việc sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Hình thành kĩ năng tự học và khả năng học suốt đời

- Rèn luyện kĩ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp

- Áp dụng được những kiến thức quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | |
| PLO1.3 | PLO2.1 | | PLO3.1 | PLO4.1 |
| 1.3.2 | 2.1.2 | 2.1.3 | 3.1.2 | 4.1.1 |
| CLO1.1 | 0,4 |  |  |  |  |
| CLO1.2 | 0,4 |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **Mức đô năng lực CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với vấn đề giáo dục và đào tạo. | Thuyết trình, đàm thoại. | Trắc nghiệm |
| CLO1.2 | K3 | Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với khoa học và công nghệ. | Thuyết trình, đàm thoại. | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S4 | Thể hiện khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế | Tự học | Quan sát |
| CLO2.2 | S4 | *Thể hiện* tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. | Làm việc nhóm | Hồ sơ học phần |
| CLO3.1 | S3 | *Có khả năng* hợp tác đa ngành | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |
| CLO4.1 | K4 | *Phân tích* bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tác động đến quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ | Nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, thái độ học tập (Giảng viên đánh giá và lưu hồ sơ) | Rubric | CLO2.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Bài tập nhóm; nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric | CLO1.2 | 50% | 20% |
| CLO3.1 | 50% |
| A1.3 | Bài thi trắc nghiệm (Lưu LMS) | Đáp án | CLO1.1 | 50% | 10% |
| CLO1.2 | 50% |
| A1.4 | Bài tập cá nhân tự luận (Lưu LMS) | Đáp án | CLO2.2 | 100% | 10% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO1.2 | 20% |  |
| CLO3.1 | 30% |
| CLO4.1 | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)**/**10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Phan Văn Kha (2007), *Giáo trình quản lý nhà nước về giáo dục,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

[2] Phạm Viết Vượng (chủ biên) (2007*), Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục và đào tạo,* Nxb Đại học Sư phạm

[3] Trường Quản lý Khoa học và công nghệ - Bộ Khoa học và công nghệ (2016), *Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ - Tập 1,* Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.

[4] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Giáo dục*, Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.

[5] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Khoa học và công nghệ*, Luật số 29/2013/QH13, ngày 18/6/2013.

[6] Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế,* ngày 04/11/2013.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3) | **Chương 1: Một số vấn đề chung của** **quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**  1.1. Khái niệm  1.2. Tính chất, đặc điểm, nguyên tắc | - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng trên Elearning  - Thuyết trình  - Hướng dẫn hoạt động nhóm | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 1 từ trang 9 đến trang 17  - Tổ chức nhóm theo danh sách được phân công trên Elearning | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 2(3) | **Chương 1: Một số vấn đề chung của** **quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**  1.3. Nội dung  1.4. Vai trò, ý nghĩa | - Thuyết trình  - Hướng dẫn sinh viên tự học | - Đọc trước giáo trình 1 từ trang 9 đến trang 18.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Vai trò, ý nghĩa của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ? | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 3(3) | **Thảo luận chương 1** | - Tổ chức thảo luận nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình bằng PPT. | - CLO1.1  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 4(3) | **Chương 2: Quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo**  2.1. Quan điểm, mục tiêu về giáo dục và đào tạo  2.2. Chủ thể quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước giáo trình 1 từ trang 20 đến trang 37.  - Đọc trước giáo trình 2 từ trang 1 đến 30  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 5(LT) | **Chương 2: Quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo**  2.3. Cơ chế, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước giáo trình 1 từ trang 40 đến trang 47. | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 6(3) | **Chương 2: Quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo**  2.4. Thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo | - Thuyết trình  - Hướng dẫn sinh viên tự học | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước giáo trình 1 từ trang 48 đến trang 56.  - Đọc trước giáo trình 2 từ trang 31 đến trang 45.  - Đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo  - Tổ chức hoạt động nhóm | - CLO1.1  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.3  - A2 |
| 7(3) | **Thảo luận chương 2** | - Tổ chức thảo luận nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình bằng PPT. | - CLO1.2;  - CLO2.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 8(3) | **Chương 3: Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ**  3.1. Quan điểm, mục tiêu về khoa học và công nghệ | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số 3 từ trang 1 đến trang 9. | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 9(3) | **Chương 3: Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ**  3.2. Chủ thể quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số 3 từ trang 9 đến trang 18. | - CLO1.2 | - A1.1  - A2 |
| 10(3) | **Chương 3: Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ**  3.3. Cơ chế, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ  3.4. Thực trạng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số 3 từ trang 22 đến trang 35.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận | - CLO1.2  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2  - A2 |
| 11(3) | **Thảo luận chương 3** | - Tổ chức thảo luận nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình bằng PPT. | - CLO1.2;  - CLO3.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 12(3) | **Chương 4:** **Phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**  4.1. Phương hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số 2 từ trang 50 đến trang 54. | - CLO2.2  - CLO3.1 | - A1.1  - A2 |
| 13(3) | **Chương 4: Phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ**  4.2. Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 54 đến 60 | - CLO2.2  - CLO3.1 | - A1.1  - A2 |
| 14(3) | **Thảo luận chương 4** | - Tổ chức thảo luận nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình bằng PPT. | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A1.2 |
| 15(3) | **- Thảo luận**  **- Ôn tập** | - Thuyết trình | - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập | CLO2.1 | - A1.1  - A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  |  |  |

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.2. Thông tin về giảng viên:***

**Giảng viên 1:****Vũ Thị Phương Lê**

Chức danh, học hàm, học vị:GVC. TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh; 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0946.209.888 Email: [levtp@vinhuni.edu.vn](mailto:levtp@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học

**Giảng viên 2: Lê Thị Thanh Hiếu**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại, email: [thanhhieu@vinhuni.edu.vn](mailto:thanhhieu@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: lịch sửtư tưởng chính trị, thể chế chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh,…

**ThS. Phạm Thị Thúy Hồng**

Địa chỉ liên hệ: Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Email: [thuyhong@vinhuni.edu.vn](mailto:thuyhong@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Quyền lực chính trị và cầm quyền, Quản lý nhà nước, Hành chính công, Lịch sử tư tưởng chính trị

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Thực tập và đồ án tốt nghiệp  (tiếng Anh): Internship and graduation project | | |
| - Mã số học phần: SMT31013 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  **Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án**  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: (*đối với học phần có dự án/đồ án có ít nhất tối thiểu 4 tín chỉ*)  + Số tiết lý thuyết:  + Số tiết thực tập: 45  + Số tiết thực hiện đồ án, dự án: 75  + Số tiết tự học: 240 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: levtp@vinhuni.edu.vn | | |

**2. Mô tả học phần**

Thực tập và đồ án tốt nghiệp là môn học bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý nhà nước. Học phần củng cố và rèn luyện cho sinh viên biết vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp ngành Quản lý nhà nước vào thực hành nghề nghiệp tại môi trường cụ thể trong thực tiễn và tạo ra một sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

**3. Mục tiêu học phần**

- Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội vào thực tiễn công việc.

- Thể hiện phẩm chất cá nhân và đạo đức công vụ.

- Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Thể hiện kỹ năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| PLO  1.3 | PLO  2.1 | PLO 2.1 | PLO  2.2 | PL0  3.1 | PL0  3.1 | PLO  3.2 | PLO  4.1 | PLO  4.2 | PLO  4.2 | PLO  4.2 | PLO  4.2 |
| 1.3.2 | 2.1.4 | 2.1.5 | 2.2.2 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 4.1.3 | 4.2.1 | 4.2.2 | 4.2.3 | 4.2.4 |
| CLO1.3.1 | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1.1 |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1.2 |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2.1 |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1.1 |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1.2 |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.2.1 |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO4.1.1 |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO4.2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO4.2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.2.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |  |
| CLO4.2.4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.3.1 | K4 | *Vận dụng* kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội | Thực hành nghề nghiệp | Quan sát |
| CLO2.1.1 | K2 | *Có khả năng* quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước | Thực hành nghề nghiệp | Phiếu đánh giá |
| CLO2.1.2 | K2 | *Thể hiện* kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản lý nhà nước | Thực hành nghề nghiệp | Phiếu đánh giá |
| CLO2.2.1 | A4 | *Thể hiện* đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước | Thực hành nghề nghiệp | Quan sát |
| CLO3.1.1 | S3 | *Triển khai* hoạt động nhóm | Thực hành nghề nghiệp  Đồ án | Phiếu đánh giá |
| CLO3.1.2 | S3 | *Thể hiện* khả năng hợp tác đa ngành | Thực hành nghề nghiệp  Đồ án | Phiếu đánh giá |
| CLO3.2.1 | S3 | *Thể hiện* kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước | Thực hành nghề nghiệp | Phiếu đánh giá |
| CLO4.1.1 | C4 | *Phân tích* vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức | Thực hành nghề nghiệp | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2.1 | C4 | *Phân tích* mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý | Đồ án | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2.2 | C3 | *Xây dựng* nội dung quản lý | Đồ án | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2.3 | C4 | *Triển khai* thực hiện kế hoạch quản lý | Đồ án | Phiếu đánh giá |
| CLO4.2.4 | C4 | *Đánh giá* kết quả thực hiện hoạt động quản lý | Đồ án | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá của thực tập tốt nghiệp** | | | | **37,5%** |  |
| A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.1 | Đánh giá của đơn vị thực tập | Phiếu đánh giá  (Rubric) | 50% | PLO1.3  PLO2.2  PLO3.1 |
| A1.2 | CLO3.2.1 | Đánh giá báo cáo thực tập | Phiếu đánh giá  (Rubric) | 50% | PLO3.2 |
| **A2. Đánh giá đồ án thực tập** | | | | **62,5%** |  |
| A2.1 | CLO2.1.1CLO2.1.2  CLO4.1.1 | Đánh giá tiến độ thực hiện đồ án | Phiếu đánh giá  (Rubric) | 20% | PLO2.1  PLO4.1 |
| A2.2 | CLO4.2.1  CLO4.2.2 | Bảo vệ đồ án cá nhân (slide; thuyết trình; trả lời vấn đáp) | Phiếu đánh giá  (Rubric) | 40% | PLO4.2 |
| A2.3 | CLO4.2.3 CLO4.2.4 | Đánh giá đồ án thực tập tốt nghiệp | Phiếu đánh giá  (Rubric) | 40% | PLO4.2 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.0,5+A1.2\*0,5)\*0.375+(A2.1\*0,2+A2.2\*0,3+A2.3\*0,5+A2.3\*3)\*0.625 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá thực tập***

**Bảng 1. Rubric đánh giá của đơn vị thực tập**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Trọng số | Mức thang điểm | | | |
| Chưa đạt | Đạt yêu cầu | Tốt | Xuất sắc |
| 0-4,9 | 5,0-6,9 | 7,0-8,4 | 8,5-10 |
| Mức độ chuyên cần, tinh thần và thái độ trong thời gian thực tập của sinh viên ở đơn vị thực tập | 30% | Tham gia dưới 80% các buổi thực tập theo quy định của đơn vị | Tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Chưa tích cực thảo luận, trao đổi | Tham gia đầy đủ các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Tích cực thảo luận, trao đổi | Tham gia đầy đủ các buổi các buổi thực tập theo quy định của đơn vị. Tích cực thảo luận, trao đổi và tham gia hỗ trợ các hoạt động của đơn vị thực tập |
| Mức độ tiếp cận các vấn đề thực tiễn của sinh viên ở đơn vị thực tập: | 70% | Chưa tiếp cận được các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập | Tiếp cận ở mức cơ bản các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập. | Tiếp cận tốt các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập, có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn | Tiếp cận tốt các vấn đề thực tiễn theo chuyên đề thực tập, có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn một cách thuyết phục |

**Bảng 2**: **Rubric đánh giá báo cáo thực tập**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Trọng số | Mức thang điểm | | | |
| Chưa đạt | Đạt yêu cầu | Tốt | Xuất sắc |
| 0-4,9 | 5,0-6,9 | 7,0-8,4 | 8,5-10 |
| Hình thức báo cáo | 20% | Không đúng quy cách, nhiều lỗi chính tả | Đúng quy cách nhưng vẫn còn lỗi chính tả | Đúng quy cách, không còn lỗi chính tả | Đúng quy cách, không còn lỗi chính tả, hình thức đẹp, |
| Nội dung báo cáo | 80% | Báo cáo không đáp ứng yêu cầu nội dung  *Cụ thể:*  - Chưa xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu không đủ độ tin cậy  - Chưa thể hiện sự nắm chắc các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Chưa đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị | Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung, có 1 số sai sót không trọng yếu  *Cụ thể:*  - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu chưa đầy đủ  - Thể hiện sự hiểu biết về hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề chưa sát sao;  - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên tính thực tiễn chưa cao | Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung  *Cụ thể:*  - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy  - Thể hiện sự hiểu biết về các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên còn mang tính bao quát, chưa thuyết phục | Báo cáo đáp ứng tốt yêu cầu nội dung, có phân tích đánh giá một cách thuyết phục  *Cụ thể:*  - Xác định đầy đủ các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy  - Thể hiện sự hiểu biết các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá đồ án tốt nghiệp***

**Bảng 3. Rubric đánh giá tiến độ thực hiện (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | 0-4,9 | 5,0-6,9 | 7,0-8,4 | 8,5-10 |
| **Mức độ tham dự các cuộc họp nhóm**  ***(5 điểm)*** | Tham gia dưới 80% các buổi họp nhóm | Tham gia trên 80% các buổi họp nhóm . | Tham gia trên 80% các buổi họp nhóm và trao đổi với giảng viên | Tham gia 100% các buổi họp nhómvà trao đổi tích cực với giảng viên |
| **Tiến độ nộp các sản phẩm đồ án**  ***(5 điểm)*** | Nộp sản phẩm chậm thời gian quy định. | Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định.  Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD nhưng chưa tích cực thảo luận, trao đổi | Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD và có nỗ lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân | Nộp sản phẩm đúng thời gian quy định. Tham gia đầy đủ các buổi hướng dẫn của GVHD và có nỗ lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ cá nhân. Tích cực thảo luận, trao đổi |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 4. Rubric đánh giá bảo vệ đồ án cá nhân**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | 0-4,9 | 5,0-6,9 | 7,0-8,4 | 8,5-10 |
| **Slide báo cáo**  ***(3 điểm)*** | Hình thức báo cáo đơn điệu, không rõ, có trên 10 lỗi chính tả. | Hình thức báo cáo đạt, khá rõ, nhưng có từ 6-10 lỗi chính tả. | Hình thức báo cáo khá đẹp, rõ, nhưng có từ 1-5 lỗi chính tả. | Hình thức báo cáo đẹp, rõ, không lỗi chính tả. |
| **Kỹ năng trình bày**  **(4 điểm)** | Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục, không có giao lưu với người nghe | Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục, không có giao lưu với người nghe | Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin, khá thuyết phục, nhưng không có giao lưu với người nghe. | Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục, có giao lưu với người nghe |
| ***Trả lời câu hỏi vấn đáp***  ***(3 điểm)*** | Không trả lời được câu hỏi của hội đồng đánh giá | Trả lời câu hỏi chưa tập trung vào nội dung câu hỏi | Trả lời đúng các ý câu hỏi của hội đồng đánh giá | Trả lời đúng các ý câu hỏi của hội đồng đánh giá, có dẫn chứng phân tích minh họa thuyết phục |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 5. Rubric đánh giá báo cáo đồ án**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | 0-4,9 | 5,0-6,9 | 7,0-8,4 | 8,5-10 |
| **Cấu trúc và hình thức của đồ án**  ***(4 điểm)*** | Cấu trúc chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu và chưa khoa học.  - Hình thức chưa đúng quy định. | Cấu trúc, đúng yêu cầu, nhưng chưa đầy đủ và chưa khoa học.  - Hình thức đúng quy định. | Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu, nhưng chưa khoa học  - Hình thức đẹp, đúng quy định. | Cấu trúc đầy đủ, đúng yêu cầu và khoa học.  - Hình thức đẹp, đúng quy định. |
| **Nội dung đồ án**  **(6 điểm)** | Báo cáo không đáp ứng yêu cầu nội dung  *Cụ thể:*  - Chưa xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu không đủ độ tin cậy  - Chưa thể hiện sự nắm chắc các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Chưa đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị | Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung, có 1 số sai sót không trọng yếu  *Cụ thể:*  - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu chưa đầy đủ  - Thể hiện sự hiểu biết về hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề chưa sát sao;  - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên tính thực tiễn chưa cao | Báo cáo đáp ứng cơ bản yêu cầu nội dung  *Cụ thể:*  - Xác định các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy  - Thể hiện sự hiểu biết về các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Có đưa ra các giải pháp cho đơn vị thực tập tuy nhiên còn mang tính bao quát, chưa thuyết phục | Báo cáo đáp ứng tốt yêu cầu nội dung, có phân tích đánh giá một cách thuyết phục  *Cụ thể:*  - Xác định đầy đủ các vấn đề cần giải quyết, số liệu đủ độ tin cậy  - Thể hiện sự hiểu biết các hoạt động quản trị tại đơn vị thực tập liên quan đến vấn đề;  - Đưa ra các giải pháp phù hợp với đơn vị thực tập, có khả năng áp dụng vào thực tế tại đơn vị |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] PGS.TS Trần Hải Âu và TS. Hồ Đăng Dự (chủ biên), *Quản lý hành chính nhà nước và kỹ thuật nghiệp vụ hành chính*, Nxb Học viện Cảnh sát nhân dân,2017

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2]  Học viện hành chính,*Tài liệu bồi dưỡng về quản lý hành chính nhà nước(Quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực phân III)*, Nxb khoa học và Kỹ Thuật 2013

[3] ThS. Nguyễn Thị Phương Hoa, *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo*, nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh,2018.

**7. Kế hoạch dạy học**

Tổng thời lượng của học phần 120 tiết, trong đó có 75 tiết thực hành và 45 tiết dự án học phần, số tiết theo cụ thể như sau:

***Tín chỉ 1,2,3,4,5:*** Thực hành tại đơn vị thực tập, viết báo cáo thực tập

***Tín chỉ 6,7,8***: Viết đồ án thực tập tốt nghiệp,

Kế hoạch dạy học cụ thể của từng tuần như sau:

***7.1. Kế hoạch tại đơn vị thực tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | Sinh viên đến đơn vị thực tập, xuất trình giấy giới thiệu;  - Gặp gỡ Ban lãnh đạo, các phòng ban | - Giới thiệu GV, CĐR môn học, nội dung, phương pháp đánh giá;  - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về đơn vị thực tập; | S4  K4 | A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.1 |
| **2** | 1. Lịch sử hình thành và phát triển của đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | - Tìm hiểu về lịch sử phát triển; lĩnh vực hoạt động; | - Hướng dẫn cách viết đề cương báo cáo thực tập và các yêu cầu cần đạt được  - Hỏi – Đáp | S4  K4 | A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.2  CLO3.1.1 |
| **3** | 2. Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Tìm hiểu về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thưc tập  - Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi trực tiếp của giảng viên về đơn vị thực tập | Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu công việc tại đơn vị  - Giao nhiệm vụ thực tập cho sinh viên (giao đề tài thực tập)  - Phát vấn một số câu hỏi liên quan trực tiếp đến đơn vị thực tập của sinh viên | S4  A4  K4 | A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.2 |
| **4** | 3.Kết quả hoạt động của đơn vị thực tập trong 3 năm | Đơn vị thực tập | - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Tìm hiểu kết quả hoạt động của đơn vị thực tập  - Thu thập số liệu về báo cáo kết quả thực tập | Hướng dẫn thực tập  - Hướng dẫn chi tiết các nội dung đề cương báo cáo thực tập | S4  A4  K4 | A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.2 |
| **5** | 3.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm | Đơn vị thực tập | - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Tìm hiểu kết quả hoạt động của đơn vị thưc tập  - Thu thập số liệu về báo cáo kết quả thực tập | Hướng dẫn thực tập về hoạt động quản trị;  - Hướng dẫn chi tiết các nội dung đề cương báo cáo thực tập | S4  A4  K4 | A1.1 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.1 |
| **6** | Tổng quan về các lĩnh vực hoạt động của đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | -Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Tìm hiểu tổng quan hoạt động của đơn vị;  - Viết bản thảo báo cáo thực tập | Hướng dẫn thực tập  - Hướng dẫn chi tiết các nội dung bản thảo báo cáo thực tập | S4  A4  K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.1  CLO3.1.2 |
| **7** | Tổng quan về các lĩnh vực hoạt động của đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | -Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Tìm hiểu tổng quan hoạt động của đơn vị;  - Viết bản thảo báo cáo thực tập | Hướng dẫn thực tập  - Hướng dẫn chi tiết các nội dung bản thảo báo cáo thực tập | S4  A4  K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.1  CLO3.2.1 |
| **8** | Tổng quan về các lĩnh vực hoạt động của đơn vị thực tập | Đơn vị thực tập | - Làm việc tại các phòng theo phân công của đơn vị thực tập  - Hoàn thiện báo cáo thực tập | Thông qua báo cáo thực tập cho sinh viên | S4  A4  K4 | A1.1  A1.2 | CLO1.3.1  CLO2.2.1  CLO3.1.2  CLO3.2.1 |

***7.2. Kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Nội dung công việc** | **Địa điểm/**  **không gian thực hiện** | **Hoạt động của sinh viên** | **Hoạt động của GV** | **Kết quả cần đạt được** | **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** |
| **1** | Thông qua tên đề tài và đề cương đồ án cá nhân | Tại Trường | - Sinh viên bảo vệ tên đề tài và đề cương với giảng viên | - Đánh giá về tên đề tài và đề cương đồ án của sinh  - Hỏi đáp, phỏng vấn sinh về về nội dung chuyên sâu 1 lĩnh vực quản trị mà sinh viên dự định thực hiện | S4  A4  K4 | A2.1  A2.2  A2.3 | CLO2.1.1  CLO4.1.1  CLO4.1.2  CLO4.2.2  CLO4.2.3  CLO4.2.4 |
| **2** | Hướng dẫn viết bản thảo đồ án cá nhân | Tại Trường | Sinh viên triển khai viết bản thảo đồ án | Giảng viên hướng dẫn sinh viên viêt đồ án |  | A2.1  A2.2  A2.3 | CLO2.1.1  CLO4.1.1  CLO4.2.1  CLO4.2.2  CLO4.2.3  CLO4.2.4 |
| **3** | Thông qua bản thảo đồ án cá nhân | Tại Trường | Sinh viên triển khai viết và hoàn thiện đồ án | Giảng viên hướng dẫn sinh hoàn thiện đồ án |  | A2.1  A2.2  A2.3 | CLO2.1.1  CLO4.1.1  CLO4.2.2  CLO4.2.3  CLO4.2.4 |
| **4** | Bảo vệ đồ án | Tại Trường | Bảo vệ đồ án | Đánh giá đồ án | Đồ án cá nhân | A2.1  A2.2  A2.3 | CLO2.1.1  CLO4.1.1  CLO4.2.2  CLO4.2.3  CLO4.2.4 |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu,

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

***8.2. Phần trao đối với giảng viên***

- Tham dự các buổi trao đổi phỏng vấn theo lịch giảng viên yêu cầu.

- Chủ động, tích cực trong các buổi trao đôi

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.3. Thực tế tại đơn vị thực tập***

- Tham gia 100% các buổi trải nghiệm ở đơn vị thực tập

- Thể hiện phong cách nghiêm túc, tại đơn vị thực tập

- Tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm tại đơn vị thực tập

- Tuân thủ các quy định của đơn vị thực tập, của giáo viên và của nhóm.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện đồ án môn học***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm đồ án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng Khoa** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Vũ Thị Phương Lê |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Công tác Đảng và công tác đoàn thể**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

*Giảng viên 1*: **Nguyễn Văn Trung**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091.50.52.736 Email: trunglsd@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

*Giảng viên 2*: **Trần Cao Nguyên**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0902252168 Email: nguyengdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Công tác Đảng và công tác đoàn thể  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần:POL30019 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chính trị học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chính trị học Việt Nam | | Mã số HP: POL30014 |
| + Học phần học trước: Đảng chính trị và phương thức cầm quyền | | Mã số HP: POL30020 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Công tác Đảng và công tác đoàn thể là học phần tự chọn thuộc khối khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị những nội dung bản về Đảng và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập, hoạt động trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

**3. Mục tiêu học phần**

- Nhận biết được tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học và áp dụng kiến thức chuyên sâu về Đảng và đoàn thể để phát triển nghề nghiệp

- Có khả năng lãnh đạo, quản lý tổ chức công tác Đảng và đoàn thể trong trường học.

- Hình thành kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong các tổ chức của hệ thống chính trị.

- Thiết lập được vai trò của người cán bộ, công chức trong các tổ chức Đảng và đoàn thể.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.1.4 | 4.1.2 |
| CLO1.2.2 | **1,0** |  |  |
| CLO2.1.4 |  | **1,0** |  |
| CLO4.1.2 |  |  | **1,0** |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2.2 | K4 | Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành để phát triển nghề nghiệp trong các tổ chức Đảng và đoàn thể. | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1.4 | S3 | Kiểm soát thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước trong các tổ chức Đảng và đoàn thể. | Làm việc nhóm | Quan sát,  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1.2 | K3 | Thiết lập được vai trò của người cán bộ, công chức trong các tổ chức Đảng và đoàn thể. | Thuyết trình | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |
| A1.1 | - Ý thức, thái độ học tập | - Rubric 1 | CLO1.2.2 | 10% |
| A1.2 | - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | - Rubric 2 | CLO2.1.4 | 20% |
| A1.3 | Bài thi tự luận giữa kỳ, nộp bản mềm trên Elearning (bản cứng cho giáo viên) | Đáp án | CLO1.2.2 | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A2.1 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO4.1.2 |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** a = a1.1 × 0.1 + a1.2 × 0.2 + a1.3 × 0.2 + a2 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; a2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Võ Văn Lộc, *Giáo trình công tác Đảng, công tác đoàn thể*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2014.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, *Nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể* *ở cơ sở,* tập 1,2, Nxb.Chính trị - Hành chính, 2012.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Điều Lệ Đảng Cộng sản Việt Nam* *khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011.

[3] *Luật Công đoàn*, NXB Lao động, HN 2014.

[4] *167 câu hỏi và trả lời về Đảng, Nhà nước đoàn thể và công tác tổ chức, kiểm tra của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | Chương nhập môn  Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học  1. Đối tượng nghiên cứu  2. Nhiệm vụ  3. Phương pháp nghiên cứu  4. Ý nghĩa môn học | - Thuyết trình  - Hướng dẫn tổ chức nhóm | Đọc: tài liệu 1 trang 5,6  Đọc tài liệu 2 trang 133-183.  Tìm hiểu về hệ thống tổ chức ĐCSVN gồm các Đảng bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc, các Đảng đoàn.  Đọc tài liệu 1 trang 7-8. | CLO1.2.2 |  |
| 2(2) | Chương 1  Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay  1. Khái niệm HTCT  2. Các thành tố của HTCT  3. Đặc điểm cơ bản của HTCT  4. Tính tất yếu khách quan về sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia của các tổ chức CT – XH trong trường học  5. Hệ thống chính trị trong trường học | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 14 đến trang 29.  - Tìm tài liệu liên quan đến bài tập cá nhân.  Đọc: Tài liệu 1 trang 14- 19.  Đọc: Tài liệu 1 trang 20- 25.  Đọc tài liệu tham khảo 2  Tìm hiểu khái niệm: Phương thức, Phương thức lãnh đạo | -CLO1.1 | - A1.1 |
| 3(2) | Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường học  1. Khái lược về Đảng Cộng sản Việt Nam | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | Đọc tài liệu 1 trang 31- 36.  Đọc tài liệu tham khảo 1 | CLO1.2.2 | A1.2 |
| 4(2) | Chương 2: Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường học  2. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng trong trường học | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu 1 trang 36 - 49.  Đọc tài liệu tham khảo 2.  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | CLO1.2.2  CLO2.1.4 | A1.1  A1.3 |
| 5(2) | Chương 3: Công đoàn Việt Nam trong trường học   1. Những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của Công đoàn 2. Khái lược về CĐ Việt Nam 3. Vị trí của CĐ trong HTCT 4. Vai trò, chức năng của CĐ 5. Nhiệm vụ của CĐ 6. Nguyên tắc tổ chức và bộ máy của CĐ 7. Công đoàn Việt Nam trong trường học   1. Quy định pháp luật về CĐ trong trường học  2. Vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn trong trường học  3. Chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn trường học  Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động | - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1 trang 52 -53.  Đọc tài liệu tham khảo 2. | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.3  A2 |
| 6(2) | Chương 3: Công đoàn Việt Nam trong trường học (Tiếp theo)  II. Công đoàn Việt Nam trong trường học  1. Quy định pháp luật về CĐ trong trường học  2. Vị trí, vai trò của tổ chức công đoàn trong trường học  3. Chức năng, nhiệm vụ của Công đoàn trường học  4. Nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động | - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1 trang 55 -58.  Đọc tài liệu 2 | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.3  A2 |
| 7(2) | 1. Thành tựu giáo dục và đào tạo nước ta trong thời kỳ đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.  2.Trình bày hiểu biết của anh (chị) về Đảng bộ trường Đại học Vinh giai đoạn hiện nay | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 15-20 | CLO2.1.4 | A1.2 |
| 8(3) | Thảo luận | - Thuyết trình, nêu vấn đề, hoạt động nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu 1 trang 59 - 65.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO2.1.4 | A1.2 |
| 9(2) | Chương 4: Đoàn THCS Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong trường học  I. Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh  1. Khái lược, vị trí và vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh  2. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh  3. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | - Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đê  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | Đọc tài liệu 1 trang 66- 69.  Đọc tài liệu tham khảo 1  Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 10(2) | Chương 4: Đoàn THCS Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể trong trường học (Tiếp theo)  II. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong trường học  1.Vị trí, vai trò  2. Chức năng, nhiệm vụ  3. Nguyên tắc và phương thức hoạt động  III. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với công tác Hội và Đội trong trường học  1. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với công tác Hội sinh viên Việt Nam  2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với Đội TNTP Hồ Chí Minh | - Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đê  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 69 đến trang 83.  Đọc tài liệu tham khảo 2 | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 11(2) TL | Chương 5  Hiệu trưởng – người đứng đầu trường học  I. Khái quát về hệ thống giáo dục Việt Nam  1. Cơ cấu HTGD  2. Mục tiêu, tính chất, nguyên lý giáo dục  3. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân  II. Hiệu trưởng – người đuáng đầu trường học  1.Tiêu chuẩn của Hiệu trưởng  2. Nhiệm vụ và quyền hạn  3. Trách nhiệm người đúng đầu | - Thuyết trình, nêu vấn đề, hoạt động nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu 1 trang 86 - 102.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 12(2) | Chương 6  Mối quan hệ phối hợp giữa tổ chức Đảng và đoàn thể với hiệu trưởng trong trường học  1. Mối quan hệ giữa Đảng ủy và hiệu trưởng  2. Mối quan hệ giữa Công đoàn và Hiệu trưởng  3. Mối quan hệ giữa tổ chức Đoàn TNCS HCM, Đội thiếu niên TPHCM với hiệu trưởng | - Thuyết trình, nêu vấn đề, hoạt động nhóm  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc tài liệu 1 trang 103 - 109.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO1.2.2  CLO4.1.2 | A1.1  A1.3  A2 |
| 13(2) TL | 1. Nội dung công tác Đoàn trong trường học  2. Cơ cấu tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường Đại học Vinh. | Thảo luận | - Đọc tài liệu [1], trang 20-22 | CLO2.1.4 | A1.2 |
| 14(2) TL | 1. Nội dung công tác Đoàn trong trường học | Hoạt động nhóm | Đọc tài liệu 1 trang 68 - 71.  Đọc tài liệu tham khảo 2  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | CLO2.1.4 | A1.2 |
| 15(2)  TL | 1Mối quan hệ phối hợp giữa tổ chức Đảng và đoàn thể với hiệu trưởng trong trường học | Thảo luận | Tìm hiểu, nghiên cứu số liệu tại Văn phòng đoàn để làm báo cáo | CLO2.1.4 | A1.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Nguyễn Văn Trung |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Trương Thị Phương Thảo***

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: truongphuongthaodhv@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học hiện đại, triết học về con người, đạo đức học, phương pháp nghiên cứu, chính trị và truyền thông.

***Giảng viên 2:*** ***Trần Viết Qung***

Học hàm, học vị: GVC, PGS.TS

Địa chỉ liên hệ: Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: quangdhv@yahoo.com.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử triết học, triết học về con người, Nhân sinh quan, thể chế chính trị

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam  (tiếng Anh): Building a state ruled by law in Vietnam | | |
| - Mã số học phần: SMT30016 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 3 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 15 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Đại cương về Quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT20001 |
| + Học phần học trước: Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam | | Mã số HP: SMT30004 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp:  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo… qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Nhà nước  Điện thoại: 0912627109 Email: quangdhv@yahoo.com.vn | | |

**2. Mô tả học phần**

Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam đang xây dựng, đồng thời glãm rõ nội dung và phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Học phần giúp sinh viên có thể chủ động về nhận thức và hoạt động thực tiễn, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần**

- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền XHCN

- Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân vì dân ở Việt Nam.

- Hình thành kỹ năng nghiên cứu các nhà nước pháp quyền trong thực tiễn và khả năng hợp tác đa ngành.

- Rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ đề cao sự công bằng

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.2 | PLO2.1 | PLO4.1 |
| 1.2.2 | 2.1.4 | 4.1.2 |
| CLO1.2 | 1.0 |  |  |
| CLO2.1 |  | 1,0 |  |
| CLO4.1 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2 | K4 | Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền XHCN | Thuyết trình | Trắc nghiệm |
| CLO2.1 | S2 | Giải thích lý luận và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay | Thảo luận | Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | K3 | Thể hiện phương hướng và nội dung xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay | Thuyết trình và nghiên cứu tình huống | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | - Ý thức, thái độ học tập (điểm danh trên LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ) | Rubric | CLO1.2 | 100% | 10% |
| A.1.2 | - Bài tập nhóm (Nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS, GV đánh giá và lưu hồ sơ) | Rubric | CLO1.2 | 50% | 20% |
| CLO2.1 | 50% |
| A1.3 | Bài kiểm tra giữa kỳ (lưu LMS) | Đáp án | CLO1.2 | 60% | 20% |
| CLO2.1 | 40% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | |  | **50%** |
| A2 | - Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO2.1 | 60% |  |
| CLO4.1 | 40% |
| **Công thức tính điểm học phần:** A1.1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2\*5/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.3***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Đào Trí Úc, *Giáo trình nhà nước pháp quyền,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

[2] Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (Đồng chủ biên), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân – Lý luận và thực tiễn,* Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, 2010.

[3] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Hiến pháp Việt Nam 2013,* Nxb Nxb.Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2013.

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, 2021.

[4] Nguyễn Đăng Thành (Chỉ đạo biên soạn), *Hỗ trợ kiến thức về nhà nước, pháp luận và lý luận chính trị*, Nxb Tư pháp, Hà Nội 2010.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(3LT) | **Chương 1: Khái quát sự hình thành và nội dung tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại**  1.1. Sự hình thành và phát triển của nhà nước pháp quyền  1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền | - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng trên Elearning  - Thuyết trình  - Hướng dẫn hoạt động nhóm | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình [1] từ trang 9 đến trang 17  - Tổ chức nhóm theo danh sách được phân công trên Elearning | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 2(1LT+2TL) | **Chương 1: Khái quát sự hình thành và nội dung tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại**  1.3 Tính phổ biến của Nhà nước pháp quyền  **Thảo luận** | - Thuyết trình  - Thảo luận  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 9 đến trang 18.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. So sánh nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp trị  2. Vì sao tư tưởng nhà nước pháp quyền dường như không có sự phát triển trong xã hội phong kiến ? | - CLO1.1 | - A1.1  - A1.3 |
| 3(3) | **Chương 1: Khái quát sự hình thành và nội dung tư tưởng về nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại**  1.4. Tính đặc thù của nhà nước pháp quyền ở mỗi quốc gia | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc giáo trình 1 từ trang 25 đến trang 46. | - CLO1.1  - CLO2.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 4(3) | **Chương 2: Quá trình nhận thức và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  2.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. | - Thuyết trình | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 73 đến trang 77.  - Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm. | - CLO1.1  - CLO4.1 | - A1.1  - A2.1 |
| 5(1LT+2TL) | **Chương 2: Quá trình nhận thức và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  2.2. Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân  **Thảo luận chương 1** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: chọn hướng giải quyết cho tình huống sau:  Giả sử anh chị đang phải xử lý môt vụ việc, nếu áp dụng pháp luật để giải  quyết thì trái với đạo đức truyền thống, phong tục, tập quán | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint theo nhóm được phân công | - CLO1.1  - CLO4.1 | A1.1 |
| 6(3) | **Chương 2: Quá trình nhận thức và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  2.3. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 81 đến trang 91.  Đọc các tài liệu tham khảo liên quan đến quản lý nhà nước về dân tộc  - Tổ chức hoạt động nhóm | - CLO2.2 | - A1.3 |
| 7(3) | **Chương 3: Tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam**  3.1. Những kết quả đạt được | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận nhóm: | **-** Đọc giáo trình 1 từ trang 47 đến 67 | - CLO2.2;  CLO4.1 | - A1.3  - A2 |
| 8(1LT+2TL) | **Chương 3: Tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam**  3.2. Những hạn chế yếu kém  **Thảo luận chương 2** | - Thuyết trình  - Thảo luận nhóm | - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 1 đến trang 9.  - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 13 đến trang 20.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Thế nào là “tư pháp độc lập”. Tại sao tư pháp độc lập lại được xem là dấu hiệu cần thiết  Và bắt buộc cho quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền  2. Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, và vì nhân dân là dấu hiệu đặc trưng  (chỉ có) của các nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa | - CLO1.2 | - A1.2 |
| 9(3) | **Chương 3: Tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam**  3.3. Nguyên nhân của những thành tự và hạn chế | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 9 đến trang 18. | - CLO1.2 | - A1.1  - A1.3 |
| 10(1LT+2TL) | **Chương 4: : Phương hướng cơ bản tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay** 4.1. Những yêu cầu cơ bản trong xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay **Thảo luận chương 2** | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 22 đến trang 35.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam về nhà nước pháp quyền  2. Phân tích nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam? | - CLO1.2 | - A1.1 |
| 11(3) | **Chương 4: Phương hướng cơ bản tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay**  4.2. Phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay  4.2.1 Tăng cường dân chủ XHCN | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Nghe bài giảng Elearning  - Đọc trước tài liệu số [2] từ trang 48 đến trang 60.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | - CLO2.2;  - CLO4.1 | - A1.1  A2 |
| 12(1LT+2TL) | **Chương 4: Phương hướng cơ bản tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay**  **4.2.2.** Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước  **Thảo luận chương 3** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | - Đọc trước tài liệu số [3] từ trang 37 đến trang 54.  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận  1. Nêu những thành tựu trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam  2. Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân có phải là đặc trừng chỉ có của các nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  A2 |
| 13(3) | **Chương 4: Phương hướng cơ bản tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay**  4.2.3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật | - Thuyết trình | - Nghe bài giảng Elearning  **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 37 đến 42 | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 14(1LT+2TL) | **Chương 4: Phương hướng cơ bản tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay**  4.2.4 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật  **Thảo luận chương 4** | - Thuyết trình  - Tổ chức thảo luận | **-** Đọc giáo trình 2 từ trang 43 đến trang 59  - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận: 1. Những yêu cầu cơ bản trong xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay | - CLO1.2  - CLO4.1 | - A1.1  - A2 |
| 15(3TL) | **Thảo luận chương 5**  **Ôn tập** | - Thuyết trình | - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận:  1. Phân tích những nội dung cơ bản của quá trình tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay  - Chuẩn bị câu hỏi ôn tập | CLO4.1 | - A2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Trần Viết Quang | Trương Thị Phương Thảo |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Xây dựng Đảng**

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

*Giảng viên 1*: **Nguyễn Văn Trung**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 091.50.52.736 Email: trunglsd@ vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

*Giảng viên 2*: **Trần Cao Nguyên**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0902252168 Email: nguyengdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng CS Việt Nam, Đường lối cách mạng Đảng CS Việt Nam, Xây dựng Đảng…

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Xây dựng Đảng  (tiếng Anh): | | |
| - Mã số học phần:POL30037 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Chính trị học | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 60 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Chính trị học đại cương | | Mã số HP: POL30002 |
| + Học phần học trước: Chính trị học Việt Nam | | Mã số HP: POL30014 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Xây dựng Đảng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về chính đảng và sự ra đời của chính đảng; chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng Cộng sản; khái niệm về Đảng cầm quyền; Nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng; Nguyên tắc tổ chức của Đảng và các lĩnh vực công tác Đảng. Sau khi học xong sinh viên năm được những vấn đề cơ bản về công tác xây dựng Đảng và vận dụng các kiến thức vào cuộc sống.

**3. Mục tiêu học phần**

- Phân biệt được kiến thức cơ bản về xây dựng Đảng.

- Chuẩn hóaxử lý chuyên nghiệp về công tác xây dựng Đảng. Có khả năng tham mưu, tư vấn và giải quyết các vấn đề chính trị-xã hội về công tác xây dựng Đảng.

- Thực hiện được các quy định về công tác xây dựng Đảng trong thực tiễn.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | |
| PLO1.3 | PLO2.2 | PLO4.1 |
| 1.3.1 | 2.2.2 | 4.1.3 |
| CLO1.3.1 | 1,0 |  |  |
| CLO2.2.2 |  | 1,0 |  |
| CLO4.1.3 |  |  | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.3.1 | K4 | Phân biệt kiến thức cơ bản về công tác xây dựng Đảng | Thuyết trình | Tự luận |
| CLO2.2.2 | A4 | Chuẩn hóaxử lý chuyên nghiệp về công tác xây dựng Đảng | Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1.3 | K2 | Thực hiện được các quy định về công tác xây dựng Đảng | Thuyết trình | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá,**  **minh chứng, lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **% của các CĐR CLO trong bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)**  **trong đánh giá học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | |  | **50%** |
| A1.1 | Ý thức, thái độ học tập | Rubric 1 | CLO1.3.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | Thảo luận nhóm, nhóm trưởng nộp báo cáo qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric 2 | CLO2.2.2 | 100% | 20% |
| A1.3 | Bài thi tự luận giữa kỳ, nộp bản mềm trên Elearning (bản cứng cho giáo viên) | Đáp án | CLO1.3.1 | 100% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | | **50%** |
| A2 | Bài thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ | Đáp án | CLO4.1.3 | 100% |  |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** a = a1.1 × 0.1 + a1.2 × 0.2 + a1.3 × 0.2 + a2 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1.1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a1.2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a1.3: điểm đánh giá giữa kỳ; a2: điểm đánh giá thi kết thúc học phần. | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***Rubric 1: Đánh giá bài A1.1***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

***Rubric 2: Đánh giá bài A1.2***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm tôt | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác  giữa các  thành viên chưa cao | Mỗi thành  viên được  phân chia  công việc nhưng không rõ  ràng, chưa có sự tương tác giữa  thành viên  nhóm | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành  viên trong nhóm | Không có hoạt động nhóm | 40% |
| **Thảo luận nhóm** | * Thu thập và đưa ra nhiều tài   liệu liên quan đề tài   * Đưa ra   những ý  tưởng rõ  ràng, liên quan đến đề tài | * Thu thập thông tin cơ bản về đề tài * Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến đề tài | * Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu * Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến đề tài | - Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ  ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | - Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 30% |
| **Hợp tác nhóm** | - Luôn lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ  lực của  thành viên trong nhóm | - Thường lắng nghe,  chia sẻ trong nhóm | - Có 3-4 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | Có 1-2 lần tham gia  thảo luận nhóm và  bình luận | - Không bao giờ tham gia  thảo luận trong nhóm | 30% |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Trần, Thị Anh Đào, Nguyễn, Minh Tuấn, Nguyễn, Thị Ngọc Loan (2016), *Giáo trình Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[2] Nguyễn Văn Trung, *Tập bài giảng Xây dựng Đảng*, (Lưu hành nội bộ), Vinh 2013.

[3]. *167 câu hỏi và trả lời về Đảng, Nhà nước đoàn thể và công tác tổ chức, kiểm tra của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN.

[3]. Trương Ngọc Nam, Đinh Văn Giang (2014) *Giáo trình xây dựng Đảng về tổ chức,* Nxb CTQG, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (2018), *Giáo trình xây dựng Đảng về tư tưởng và đạo đức,* Nxb CTQG Sự thật, Hà Nội.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | -Vị trí, đối tượng của môn học  -Khái niệm chính đảng | - Thuyết trình  - | Đọc tài liệu 1, trang 1-31.  Đọc tài liệu 2, trang 3  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | CLO1.3.1 | - A1.1 |
| 2(2) | Học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản và sự vận dụng, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam  -Tư tưởng của V.I Lênin về chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập | Đọc tài liệu 1, trang 21-31:  Đọc tài liệu 2, trang 7 -9:  Đọc tài liệu 1, trang 21-31  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; | CLO1.3.1 | - A1.1 |
| 3(2) | Tư tưởng của V.I Lênin về chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân  Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng, phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về Đảng cộng sản | - Thuyết trình  - Hướng dẫn thảo luận | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO4.1.3 | - A1.1  - A2 |
| 4(2) | Đảng cầm quyền và và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện mới | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | - Đọc trước tài liệu số [1] từ trang 15 đến trang 19  - Chuẩn bị giáo trình; vở ghi chép, vở bài tập cá nhân | CLO1.3.1  CLO2.2.2  CLO4.1.3 | - A1.1  - A1.2  - A2 |
| 5(2) | Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam  - Nguyên tắc tập trung dân chủ  - Nguyên tắc tự phê bình và phê bình. | - Thuyết trình | Đọc tài liệu 1, trang 30-31 ; 140- 148 ; 152-159  Đọc tài liệu 1, trang 152-159; Đọc tài liệu 2, trang 30,31 | CLO1.3.1  CLO4.1.3 | - A1.1  - A2 |
| 6(2) | Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Tiếp theo)  - Nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng  - Nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân  - Nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật | - Thuyết trình | Đọc tài liệu 2, trg 39,41 | CLO1.3.1 | - A1.1 |
| 7(2) | Công tác tư tưởng của Đảng | - Thuyết trình | Đọc tài liệu 2, trang 38- 45 | CLO1.3.1 | - A1.1 |
| 8(2) | Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam  Công tác tổ chức của Đảng | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu 1,trg 61- 68; tài liệu 2 trang 46-60. | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 9(2) | Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam  (tiếp theo) | - Thuyết trình  - Hướng dẫn nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu 1,trg 61- 68; tài liệu 2 trang 46-60. | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 10(2) | Xây dựng đội ngũ đảng viên | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | Đọc tài liệu 1, trang 119 - 131; Tài liệu 2, trang 57 - 66.  - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1  - A2 |
| 11(2) | Nội dung cơ bản của Nghị quyết BCHTW Đảng lần thứ tư khoá XI; XII và XIII về xây dựng Đảng? | - Thuyết trình  - Hướng dẫn làm bài tập nhóm | Đọc tài liệu 1 trang 189 - 200. | CLO2.2.2 | - A1.1 |
| 12(2) | Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và tính đặc thù của nó?  Tính quốc tế của Đảng Cộng sản? | Thảo luận | - Thực hiện yêu cầu đã giao cho nhóm trên LMS | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1 |
| 13(2) | Phân tích nguyên lý: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” trong hệ thống chính trị ở nước ta? | Thảo luận | - Đọc tài liệu 1  Chuẩn bị nội dung câu hỏi | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 14(2) | Vì sao Đảng ta xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt? | Hoạt động nhóm | - Chuẩn bị bài thuyết trình trên powerpoint  Chuẩn bị nội dung câu hỏi | CLO1.3.1  CLO2.2.2 | - A1.1  - A1.2 |
| 15(2) | Vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. | Thảo luận | - Đọc tài liệu 1  Chuẩn bị nội dung câu hỏi | CLO2.2.2 | - A1.2 |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |
|  | Vũ Thị Phương Lê | Nguyễn Văn Trung |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

***QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH***

**1. Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:****Phan Văn Tuấn**

Chức danh, học hàm, học vị:GV. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường KHXH&NV, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0918.660.765

Email: [phanvantuan@vinhuni.edu.vn](mailto:phanvantuan@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Khoa học lãnh đạo – quản lý..

**Giảng viên 2: Hắc Xuân Cảnh**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC. TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Trường KHXH&NV, trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0943409399 Email: [hacxuancanh@vinhuni.edu.vn](mailto:hacxuancanh@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử Đảng, Lịch sử Việt Nam, Báo chí

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh  (tiếng Anh): State management of defense and security | | |
| - Mã số học phần: POL | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Quản lý nhà nước | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc  xx | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 2 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 20 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 10 | |  |
| + Số tiết thực hành: | |  |
| + Số tiết tự học: 90 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: Đại cương về quản lý nhà nước | | Mã số HP: SMT20001 |
| + Học phần học trước: Khoa học quản lý | | Mã số HP: POL30032 |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập qua hệ thống LMS (Mục 5.1). | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Chính trị học  Điện thoại: 0946209888 Email: vtphuongle@gmail.com | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần có 2 tín chỉ, được kết cấu gồm 4 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học Quản lý Nhà nước về an ninh, quốc phòng thể hiện qua việcnghiên cứu những khái niệm cơ bản về an ninh, quốc phòng; nhũng yếu tố trong và ngoài nước tác động đến an ninh, quốc phòng; những quan điểm cua Đảng, Nhà nước về an ninh, quốc phòng; các nội dung cơ bản trong công tác quán lý Nhà nước vế an ninh và quốc phòng.

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về Quản lý Nhà nước về an ninh, quốc phòng để có thể vận dụng vào quá trình thực tiễn.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về: Tổng quan về Quản lý Nhà nước về an ninh, quốc phòng qua đó giúp cho sinh viên có những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn các học phần trong khối kiến thức cơ sở cũng như trong khối kiến thức chuyên ngành.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| PLO1.2 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO4.1 | PLO4.1 |
| 1.2.4 | 1.3.5 | 2.1.2 | 2.2.1 | 4.1.1 | 4.1.2 |
| CLO1.2 | 1,0 |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 |  | 1,0 |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  | 1,0 |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | 1,0 |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  | 1,0 | 1,0 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.2 | K3 | Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý |  | Trắc nghiệm |
| CLO1.3 | K4 | *Vận dụng* các chính sách, pháp luật trong quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh | Thảo luận | Quan sát |
| CLO2.1 | S2 | *Thể hiện* kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh | Tự học | Hồ sơ học phần |
| CLO2.2 | A4 | Thể hiện khả năng phối hợp với các cá nhân và tổ chức thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý về quốc phòng, an ninh | Làm việc nhóm | Quan sát  Hồ sơ học phần |
| CLO4.1 | C4 | *Kiểm soát* hoạt động quản lý về quốc phòng, an ninh | Thuyết trình | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và**  **lưu hồ sơ** | **Công cụ**  **đánh giá** | | **CĐR học phần** | | **Tỷ lệ cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| ***A1. Đánh giá thường xuyên*** | | | | | |  | ***50%*** |
| A1.1 | Sự chuyên cần, ý thức, thái độ học tập; GV đánh giá và lưu hồ sơ | | Rubric 1 | | CLO1.1 | 100% | 10% |
| A1.2 | - Seminar; nhóm trưởng nạp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ | | Đáp án | | CLO2.1 | 100% | 20% |
| A1.3 | - Bài tập cá nhân; Học viên nộp bài qua LMS hoặc nộp trực tiếp cho GV; GV đánh giá và lưu hồ sơ | | Rubric 2 | | CLO3.1  CLO3.2 | 100% | 20% |
| ***A2. Đánh giá cuối kỳ*** | | | | | |  | ***50%*** |
| A2.1 | Bài thi kết thúc học phần | Rubric 3 | | CLO4.1  CLO4.2 | | 100% | 50% |
| Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | | | | |

**5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.2.1. Rubric đánh giá ý thức, thái độ học tập (A1.1)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Nghe bài giảng SCORM *(3 điểm)*** | **3,0** | **2,5 – 2,0** | **1.5 – 1,0** | **0,5 - 0** |  |
| Nghe 100% bài giảng SCORM, | Nghe trên 90% bài SCORM | Nghe trên 80% bài SCORM; | Nghe dưới 80% bài SCORM; | 30% |
| **Tham gia lớp học**  **(5 điểm)** | **5,0** | **4,5 – 3,5** | **3,0 – 2,0** | **1,5 - 0** |  |
| Tham gia 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định | Tham gia trên 90% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia trên 80% tổng số giờ lên lớp quy định | Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định | 50% |
| **Ý thức thái độ thể hiện trong quá trình học (2 điểm)** | **2,0** | **1,5** | **1.0 – 0 ,5** | **0** |  |
| Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N   * được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~75%N   * hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 20% |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.3 (Bài tập cá nhân)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Tiến độ thực hiện và hình thức trình bày**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |  |
| - Hoàn thành bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành trên 80% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành trên 50% nội dung bài tập, nộp bài đúng tiến độ.  - Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng. | - Hoàn thành dưới 50% nội dung bài tập, nộp bài chậm tiến độ.  - Trình bày không mạch lạc, không rõ ràng. | 20% |
| **Nội dung**  ***(8 điểm)*** | **8.0 – 7.0** | **6,5 – 5.0** | **4.5 – 3.0** | **2.5 - 0** |  |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục; thể hiện khá tốt khả năng phản bác các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục; chưa thể hiện được khả năng phản bác các ý kiến sai trái.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập  - Lập luận không rõ ràng, không có minh chứng; Không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái  - Không đưa ra quan điểm đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | 80% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A2.1* (**Bài kiểm tra kết thúc học phần**)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá (theo thang điểm)** | | | | **Trọng số** |
| **Hình thức trình bày**  ***(2 điểm)*** | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |  |
| Trình bày mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày khá mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày tương đối mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày không mạch lạc, không rõ ràng. | 20% |
| **Nội dung**  ***(8 điểm)*** | **8.0 – 7.0** | **6,5 – 5.0** | **4.5 – 3.0** | **2.5 - 0** |  |
| - Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyêt khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Giải quyết được một số mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập.  - Lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục.  - Rút ra được kêt luận đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | - Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập  - Lập luận không rõ ràng, không có dẫn chứng.  - Không đưa ra quan điểm đúng về vấn đề bài tập đưa ra. | 80% |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình***

[1] PGS.TS Nguyễn Xuân Yêm, *Giáo trình quản lý Nhà nước về An ninh, quốc phòng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.

***6.2. Tài liệu tham khảo***

[2] PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn, PGS.TS. Phan Huy Đường: *Giáo trình: Khoa học Quản lý*, Nhà xuất bản: Đại học Quốc Gia Hà Nội. Năm xuất bản: 2013.

[3] PGS.TS Trần Ngọc Liêu: *Tập bài giảng Khoa học Quản lý đại cương*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Đặng Ngọc Lợi, *Giáo Trình Khoa Học Quản Lý*, NXB Chính Trị Hành Chính, 2013

[5]. PGS. Nguyễn Cảnh Hoan, *Tập bài giảng khoa học quản lý*, Nxb Chính trị - Hành Chính, 2018

**7. Kế hoạch dạy học**

***Lý thuyết:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 | | **CHƯƠNG 1**  **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH**  **I. Những khái niệm cơ bản**  1.1. Các khái niệm về Quốc phòng  1.2. Các khái niệm về An ninh | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | + Đọc tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 6; ...tài liệu số ...  [2]  + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | G1.1  G2.1 | A1.3.1; A2.1 |
| 2 | | **CHƯƠNG 1**  **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH**  **II. Những yếu tố tác động đến quốc phòng, anh ninh**  2.1. Tình hình quốc tế  2.2. Tình hình trong nước có liên quan đến quốc phòng, an ninh | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  - Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | + Đọc tài liệu số [1] từ trang 1 đến trang 6; ...tài liệu số ...  [2]  + Chuẩn bị vở ghi chép, vở bài tập cá nhân; sổ bài tập nhóm; sổ theo dõi thành viên của Trưởng nhóm | G1.1  G2.1 | A1.3.1; A2.1 |
| 3 | | **Chương 2**  **NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG,**  **NHÀ NƯỚC VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**  **I. Những quan điểm và tư tưởng chỉ đạo quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh**  1.1. Một số quan điểm cơ bản  1.2. Các tư tưởng chỉ đạo  **II. Mối quan hệ giữa quốc phòng, an ninh và phát triển xã hội**  2.1. Bảo vệ Tổ quốc vừa là một điều kiện của sự phát triển xã hội vừa là một nội dung của mục tiêu phát triển  2.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ anh ninh quốc phòng với xây dựng đất nước  2.3. Cũng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước | - GV dạy online bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề;  - Hướng dẫn sinh viên nghe bài giảng SCORM trên hệ thống Elearning;  -Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu nội dung tự học | Sinh viên:  + Đọc trước tài liệu số [1]  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.1  G2.2 |  |
| 4 | | **Chương 2**  **NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG,**  **NHÀ NƯỚC VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**  **III. Những tư tưởng, quan điểm định hướng xây dựng lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN** | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực và nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | Sinh viên:  + Đọc trước tài liệu số [1]  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.1  G2.2 |  |
| 5 | **Chương 3**  **NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ AN TOÀN XÀ HỘI**  I. Mục tiêu, đặc điểm, tính chất quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội  II. Nội dung quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực và nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên.  + Sử dụng trang web, email, facebook... để tương tác với sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.3.1; A2.3 |
| 6 | **Chương 3**  **NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH QUỐC GIA, TRẬT TỰ AN TOÀN XÀ HỘI**  **III. Các hình thức, phương pháp và cơ chế quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**  3.1. Các hình thức quản lý Nhà nước  3.2. Các phương pháp quản lý Nhà nước  3.3. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Công an nhân dân làm nòng cốt trong sự nghiệp bảovệ an ninh, trật tự | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực và nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. | + Đọc trước tài liệu số [1].  + Tìm tài liệu liên quan đến câu hỏi hoạt động nhóm, trình bày trong vở bài tập cá nhân;  + Truy cập vào trang web cá nhân của GV để cập nhật những tài liệu liên quan và nhiệm vụ học tập.  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.3.1; A2.3 |
| 7 | **Chương 4**  **NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỐC PHÒNG**  **I. Đặc điểm, tính chất quản lý Nhà nước về quốc phòng**  **II. Nội dung quản lý Nhà nước về quốc phòng**  **III. Hình thức, phương pháp và cơ chế quản lý Nhà nước về quốc phòng** | Giảng viên:  + Giảng dạy trực tiếp bằng các phương pháp dạy học thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề.  + Giới thiệu, dạy về nhóm phương pháp quản lý căn cứ vào việc sử dụng quyền lực và nhóm phương pháp quản lý dựa vào việc sử dụng các công cụ có tính vật chất  + Sử dụng Slide, video clip minh họa. Yêu cầu sinh viên tổng hợp nhanh.  + Phân tích hướng dẫn  + Phát vấn: Đưa ra một số câu hỏi về nội dung bài học đối với sinh viên.  + Tranh luận: Đưa ra chủ đề tranh luận cho sinh viên. | + Vở chuẩn bị bài thảo luận của cá nhân.  + Vở bài tập nhóm.  + Sổ theo dõi các thành viên của nhóm trưởng.  + Giáo trình chính 1 và sách tham khảo (nếu có)  - Thực hiện yêu cầu đã giao cho cá nhân trên LMS. Xem elearning. | G1.2  G2.2  G3.1 | A1.2.1 A1.3.1A2.3 |

***Thảo luận:***

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Giảng viên** |
|  | ***Vũ Thị Phương Lê*** | ***Phan Văn Tuấn*** |